

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

KẾT NỐI VÙNG TRỒNG
KIẾN TẠO NGUỒN CUNG





MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Địa bàn kinh doanh
- Sơ đồ tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán

01

THÔNG TIN CHUNG



- ◀ Thông tin khái quát
- ◀ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ◀ Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- ◀ Định hướng phát triển
- ◀ Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Tên tiếng Anh : AN GIANG FRUIT-VEGETABLES & FOODSTUFF JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : Antesco

Giấy CNĐKDN : 1600230014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu vào ngày 01/06/2011, Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp thay đổi lần thứ 17 vào ngày 12/11/2025

Địa chỉ : Số 69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Số điện thoại : (0296) 3841 196

Số Fax : (0296) 3843 009

Website : www.antesco.com

Mã cổ phiếu : ANT

VỐN ĐIỀU LỆ

240.037.080.000 đồng

VỐN CHỦ SỞ HỮU

477.740.874.741 đồng



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Quá trình hình thành và phát triển

1975

Tiền thân của Công ty Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp An Giang – Công ty Vật tư nông nghiệp An Giang được thành lập, hoạt động trong lĩnh vực cung ứng vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thiết bị phụ tùng máy nông nghiệp.

1986

Công ty Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp An Giang gọi tắt là ANTESCO được thành lập trên cơ sở hợp nhất từ 03 đơn vị thuộc ngành nông nghiệp của tỉnh An Giang. Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất nông nghiệp như máy móc nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

Trong quá trình phát triển chung của kinh tế xã hội, sau hai năm hợp nhất, bộ phận chuyên về thuốc bảo vệ thực vật được tách khỏi Công ty, đồng thời Công ty được UBND tỉnh đề nghị Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp phép trực tiếp xuất nhập khẩu các loại vật cư nông nghiệp và nông sản.

1992

Công ty được UBND Tỉnh An Giang trao Quyết định thành lập số 530/QĐ-UB ngày 02/11/1992 về việc Quyết định chuyển từ đơn vị quốc danh thành Doanh nghiệp Nhà nước với số vốn ban đầu là 7.248.217.000 đồng.

1994

ANTESCO thành lập xí nghiệp chế biến nông sản, rau quả và thực phẩm xuất khẩu, từ đó, Công ty bắt đầu đưa ra một số giống rau quả mới trồng thử nghiệm như đậu nành rau, đậu bắp, bắp non để chế biến đông lạnh xuất khẩu.

1999

ANTESCO tiếp tục mở rộng đầu tư xây dựng thêm nhà máy đông lạnh với thiết bị và dây chuyền sản xuất hiện đại được nhập từ Mỹ và Đan Mạch với công suất 10.000 tấn/năm.

Ngoài ra, Công ty cũng đã xây dựng được vùng nguyên liệu riêng bằng cách đầu tư và bao tiêu sản phẩm nhằm ổn định nguyên liệu đầu vào cho sản xuất và tạo thu nhập cho người nông dân. Sản phẩm chính của ANTESCO là bắp non, đậu nành rau và khóm.

2011

Ngày 01/06/2011, Công ty Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp An Giang chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang và đi vào hoạt động đến nay.

2015

Công ty đầu tư thêm nhà máy thứ ba phục vụ sản xuất rau quả thực phẩm đông lạnh với tổng chi phí đầu tư gần 7 triệu USD.

Công ty bước đầu ổn định sản xuất và kinh doanh đạt hiệu quả sau thời gian thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang. Thị trường xuất khẩu truyền thống của Công ty chủ yếu là các nước khu vực Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản,... (chiếm trên 90% sản lượng xuất khẩu).

ANTESCO đã từng bước khẳng định thương hiệu của mình trên thị trường quốc tế. Sản phẩm của ANTESCO đang ngày càng được khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm, cụm từ “Bắp non ANTESCO – Việt Nam” trở nên phổ biến đối với các thương nhân nước ngoài kinh doanh trong lĩnh vực rau quả thực phẩm.

2016

Ngày 22/12/2016, Công ty Cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang chính thức giao dịch đầu tiên trên hệ thống giao dịch UPCOM.

2022

ANTESCO đầu tư tự động hoá dây chuyền sản xuất và mở rộng nhà máy Mỹ An với tổng kinh phí đầu tư là 10 triệu USD. Nâng tổng công suất sản xuất thành phẩm lên mức: 45.000 tấn/năm. Theo đó, Công ty trở thành đơn vị sản xuất dẫn đầu Việt Nam về năng lực sản xuất.

2023

Công ty đầu tư nhà máy dây chuyền trái cây tươi đông lạnh tại khu công nghiệp Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng với vốn đầu tư trên 10 triệu USD.

Ngày 23/10/2023, Công ty Cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang gia tăng vốn điều lệ từ 83.999.880.000 đồng lên 143.999.880.000 đồng và trở thành công ty đại chúng quy mô lớn. Công ty bắt đầu đẩy mạnh các hoạt động đầu tư về nhà máy sản xuất và các vùng nguyên liệu nhằm mở rộng thị trường hoạt động và năng lực sản xuất của Công ty.

2024

Ngày 22/01/2024, Công ty Cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang gia tăng vốn điều lệ từ 83.999.880.000 đồng lên 143.999.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022.

2025

Đánh dấu cột mốc 50 năm thành lập và phát triển của ANTESCO với nhiều sự kiện quan trọng. Công ty vinh dự được trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì và Bằng khen về việc đã có những thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang năm 2025. Đây là phần thưởng cao quý ghi nhận những thành quả nổi bật và đóng góp tích cực của ANTESCO trong năm qua.

Bên cạnh đó, ANTESCO cũng khai trương Văn phòng đại diện mới tại địa bàn TP. Hồ Chí Minh, đánh dấu bước tiến mới của Công ty trong việc mở rộng thị trường và quy mô hoạt động.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Giải thưởng, danh hiệu đạt được của Công ty trong những năm qua

Bằng khen của Bộ công thương: Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2024

Danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2024, do người tiêu dùng bình chọn

Bằng khen của UBND tỉnh An Giang: Doanh nghiệp đạt chuẩn “An toàn về An ninh, trật tự”

Bằng khen của UBND tỉnh An Giang: Đã có những thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang năm 2025

Huân chương Lao động hạng Nhì



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	
1	Chi tiết: Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu	4620
	Chi tiết: Mua bán giống cây trồng các loại	
2	Chế biến và bảo quản rau quả (Chính)	1030
3	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
4	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
5	Bán buôn đồ uống	4633
6	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
7	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
8	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
9	Bán buôn thực phẩm	4632
10	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
11	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
12	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
13	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
14	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
15	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
16	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
17	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
18	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
19	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
20	Thu gom rác thải không độc hại	3811
21	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
22	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu	4669
23	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
24	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
25	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
26	Sản xuất điện	
	Chi tiết: Điện mặt trời	3511

Địa bàn kinh doanh

ANTESCO tự hào là là đơn vị đầu tiên của Việt Nam xuất khẩu nông sản chế biến đông lạnh ra thị trường thế giới với hơn 50 năm kinh nghiệm. Hiện nay, các thị trường xuất khẩu chủ lực của Công ty bao gồm: Bắc Mỹ, Châu Âu, Châu Á,... với các sản phẩm chính là rau củ quả nhiệt đới đông lạnh IQF, nước ép và đóng lon.

Trụ sở chính

Số 69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Các sản phẩm chủ lực



HỢP TÁC VỚI CÁC HỘ NÔNG DÂN ĐỂ PHÁT TRIỂN VÙNG TRỒNG

Thường xuyên đào tạo để duy trì các tiêu chuẩn quốc tế

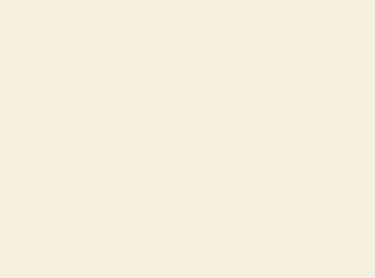


CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM ĐƯỢC KIỂM SOÁT NGHIÊM NGẶT

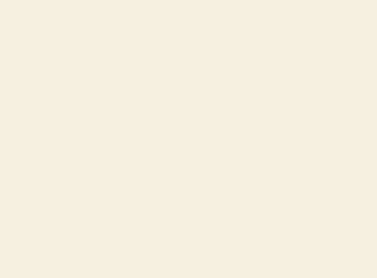
Kiểm soát cẩn thận từ khâu thu hoạch đến chế biến để đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn ổn định.



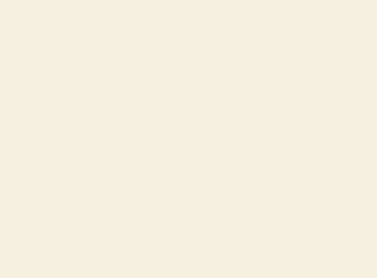
DỨA IQF



XOÀI IQF



CHANH DÂY IQF



ĐẬU NÀNH RAU IQF



BẮP NON IQF



ĐẬU BẮP IQF



XOÀI ĐÔNG LẠNH NHÚNG SOCÔLA



CHUỐI ĐÔNG LẠNH NHÚNG SOCÔLA



DỨA ĐÔNG LẠNH NHÚNG SOCÔLA



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Hiện nay, mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang được tổ chức theo quy định tại Điểm a Điều 32 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc và các phòng ban liên quan:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, thực hiện chức năng quyết định các vấn đề chiến lược và trọng yếu theo quy định của Pháp luật và Điều lệ hiện hành. Nhằm đảm bảo quyền lợi tối đa và sự công bằng cho nhà đầu tư, Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất để cổ đông tham gia đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua các hình thức linh hoạt như: trực tiếp tại đại hội, trực tuyến hoặc ủy quyền cho người đại diện.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, hiện có 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ là không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Trên cơ sở định hướng chiến lược đã được phê duyệt, HĐQT chịu trách nhiệm triển khai, đồng thời thực hiện chức năng giám sát, chỉ đạo trực tiếp đối với Ban Điều hành và các cán bộ quản lý trong công tác vận hành kinh doanh hàng ngày.

Ban Kiểm soát

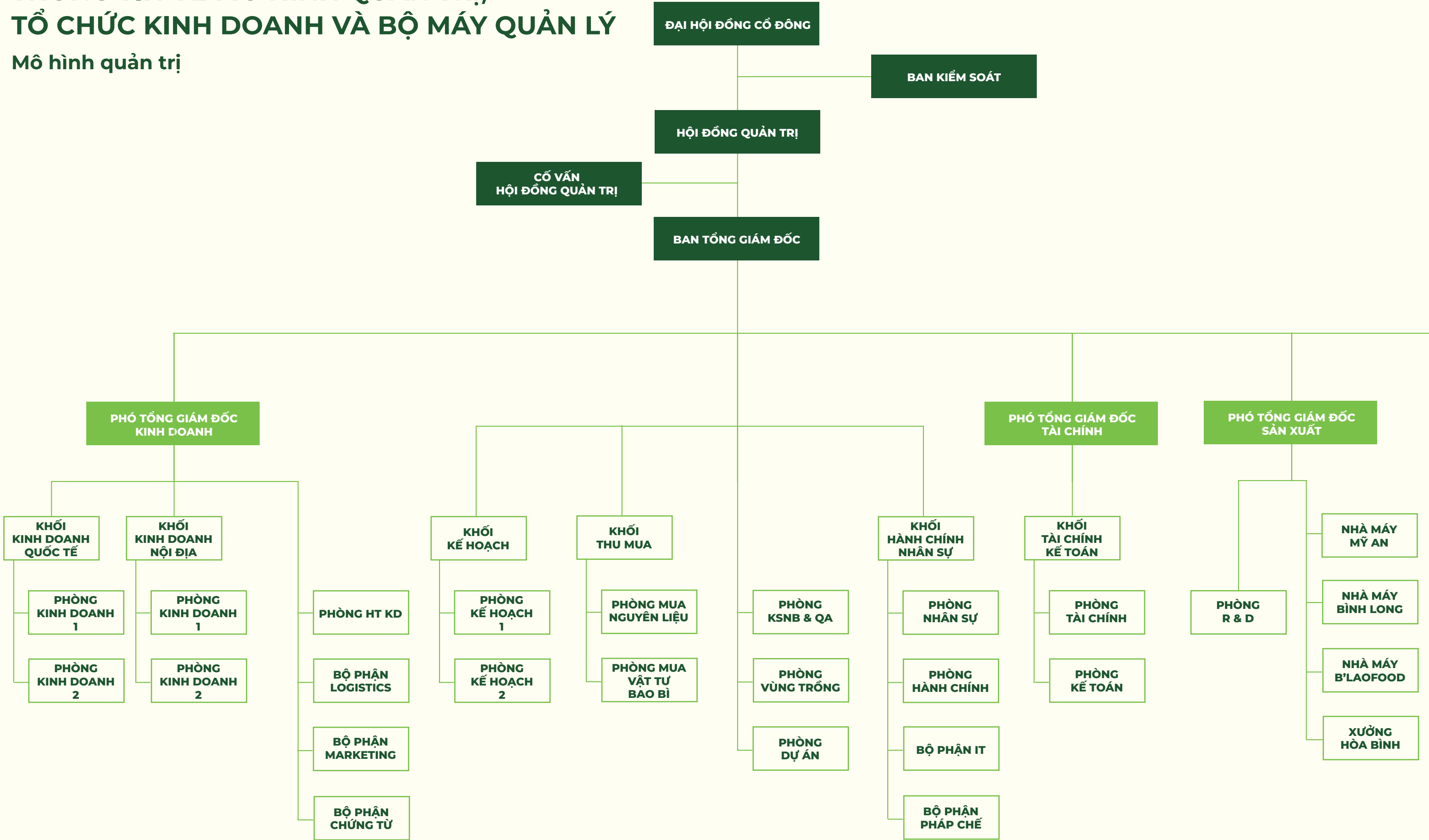
Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ là không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, hoạt động theo nguyên tắc độc lập, khách quan và không chịu sự chi phối của Hội đồng quản trị cũng như Ban Tổng Giám đốc. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Trong đó, trọng tâm hoạt động của Ban Kiểm soát là giám sát tính tuân thủ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là vị trí lãnh đạo cao nhất do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc điều hành toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, Tổng Giám đốc có nghĩa vụ triển khai hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trọng tâm công tác điều hành bao gồm việc trực tiếp chỉ đạo các lĩnh vực then chốt: lập kế hoạch chiến lược, tổ chức nhân sự, quản trị tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản và phát triển dự án. Đồng thời, Tổng Giám đốc định kỳ báo cáo chi tiết tình hình hoạt động tại các kỳ họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông nhằm đảm bảo tính minh bạch và kịp thời trong công tác quản trị.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu bộ máy quản lý

ANTESCO hiện đang hoạt động với 01 Trụ sở chính, 04 Nhà máy và 01 Xưởng chế biến tại tỉnh An Giang và 01 Trung tâm phân phối, 01 Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh.

- **Nhà máy Bình Khánh:** Đường Phan Bội Châu, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang
- **Nhà máy Mỹ An:** Ấp Mỹ Long, Xã Long Kiến, Tỉnh An Giang
- **Nhà máy Bình Long:** Đường số 2, Lô D, KCN Bình Long, Xã Châu Phú, Tỉnh An Giang
- **Nhà máy B'LaoFood:** Lô CN4, Khu công nghiệp Lộc Sơn, Phường B'lao, Tỉnh Lâm Đồng
- **Xưởng Hoà Bình:** Ấp An thuận, Xã Hội An, Tỉnh An Giang
- **Trung tâm phân phối – Cửa hàng bán lẻ:** 155/9 Đinh Bộ Lĩnh, Phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- **Văn phòng đại diện:** UOA Tower, Số 6 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, TP Hồ Chí Minh

Các công ty con, công ty liên kết

CÔNG TY TNHH B'LAOFOOD

- **Địa chỉ:** Lô CN4, Khu công nghiệp Lộc Sơn, Phường B'Lao, Tỉnh Lâm Đồng
- **Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:** Chế biến và bảo quản rau quả (Sản xuất và chế biến nông sản, rau, củ, quả, trái cây)
- **Vốn điều lệ thực góp:** 90 tỷ đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của ANTESCO:** 65%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

◀ **Tầm nhìn: Đại diện Việt Nam trở thành Top 3 doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến rau quả tại khu vực Đông Nam Á**

ANTESCO hướng tới việc trở thành một trong những doanh nghiệp định hình tiêu chuẩn và diện mạo của ngành chế biến rau quả tại Đông Nam Á. Tầm nhìn này được hiện thực hóa dựa trên ba trụ cột vững chắc: quy mô doanh thu tăng trưởng đột phá, năng lực vận hành xuất sắc và sự tin cậy bền vững trong lòng khách hàng quốc tế.

Từ vị thế chiến lược đó, ANTESCO đóng vai trò là nhịp cầu quan trọng, kết nối nông sản Việt Nam thâm nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị nông nghiệp của Đông Nam Á và toàn cầu. Từ đó, Công ty không chỉ dẫn đầu về sản lượng xuất khẩu mà còn tiên phong trong việc kiến tạo các nền tảng hợp tác đa phương, nâng tầm vị thế thương hiệu nông sản Việt trên bản đồ kinh tế khu vực.

◀ **Sứ mệnh: Tăng trưởng tạo giá trị cho sự phát triển trường tồn của hệ sinh thái nông nghiệp Việt Nam**

Với bề dày kinh nghiệm hơn 50 năm trong ngành chế biến rau quả, ANTESCO tập trung mọi nguồn lực để xây dựng một hệ sinh thái vận hành nhất quán, bền vững và đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe nhất của thị trường quốc tế.

ANTESCO tin rằng, sự phát triển của doanh nghiệp phải song hành với sự thịnh vượng của cộng đồng. Thông qua việc đầu tư vào nhân tố con người, chuẩn hóa các năng lực cốt lõi từ quản trị vùng trồng, quy trình sản xuất đến ứng dụng công nghệ hiện đại và mở rộng mạng lưới đối tác chiến lược, ANTESCO sẽ tạo ra giá trị thiết thực cho khách hàng, người lao động và các bên liên quan. Đây chính là tiền đề vững chắc để củng cố sức mạnh nội tại của doanh nghiệp và đóng góp vào sự phát triển chung của nền nông nghiệp nước nhà.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

◀ Giá trị cốt lõi: Hệ giá trị PILLAR

P

PURPOSE

ANTESCO được định hướng phát triển như một doanh nghiệp có tầm nhìn dài hạn, nơi mọi quyết định chiến lược tại ANTESCO luôn được đặt trong bức tranh tổng thể của nhiều thập kỷ thay vì chạy theo những mục tiêu ngắn hạn mang tính nhất thời. Cách tiếp cận này là tiền đề để ANTESCO từng bước khẳng định vị thế dẫn đầu trong ngành chế biến rau quả của khu vực, đồng thời góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam trên trường quốc tế.

I

INTEGRITY

Tại ANTESCO, sự chính trực được thể hiện qua sự nhất quán trong chất lượng sản phẩm, quy trình vận hành và mọi cam kết hợp tác. Sự nhất quán này chính là nền tảng cốt lõi tạo nên niềm tin vững chắc cho thị trường và đối tác đối với thương hiệu ANTESCO. Đây chính là khẳng định chắc chắn từ ANTESCO trong việc đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe về tính minh bạch, khả năng truy xuất nguồn gốc và các tiêu chuẩn kiểm định quốc tế nghiêm ngặt nhất trong toàn bộ chuỗi giá trị sản xuất.

L

LONGEVITY

Các chiến lược tăng trưởng của ANTESCO được xây dựng với tầm nhìn dài hạn, ưu tiên sự ổn định và bền vững hơn là các kế hoạch mở rộng trong ngắn hạn. Các khoản đầu tư vào công nghệ tiên tiến, năng lực sản xuất thực tế và phát triển đội ngũ con người được thực hiện một cách có chọn lọc và bài bản, với mục tiêu cuối cùng là xây dựng một nền tảng phát triển vững chắc cho doanh nghiệp, đảm bảo lợi ích lâu dài cho đội ngũ nhân sự và cộng đồng nông nghiệp đã tin tưởng gắn bó cùng Công ty.

L

LEADERSHIP

ANTESCO được định hướng phát triển như một doanh nghiệp có tầm nhìn dài hạn, nơi mọi quyết định chiến lược tại ANTESCO luôn được đặt trong bức tranh tổng thể của nhiều thập kỷ thay vì chạy theo những mục tiêu ngắn hạn mang tính nhất thời. Cách tiếp cận này là tiền đề để ANTESCO từng bước khẳng định vị thế dẫn đầu trong ngành chế biến rau quả của khu vực, đồng thời góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam trên trường quốc tế.

A

ALLIANCE

ANTESCO phát triển dựa trên triết lý đồng hành và hợp tác lâu dài với các nông hộ, hợp tác xã, đội ngũ nhân sự và các đối tác kinh doanh chiến lược. Sự cam kết này tạo nên mối quan hệ gắn bó bền vững trong toàn bộ hệ sinh thái của doanh nghiệp. Song hành với mục tiêu tối đa hóa lợi ích cho các đối tác, ANTESCO mà còn hướng đến việc chia sẻ giá trị, san sẻ trách nhiệm và cùng cộng đồng nông nghiệp địa phương kiến tạo những thành quả chung.

R

REACH

Các nền tảng cốt lõi của ANTESCO được xây dựng một cách bài bản và hệ thống từ vùng nguyên liệu rộng lớn, năng lực sản xuất hiện đại đến danh mục sản phẩm đa dạng và mô hình hợp tác linh hoạt. Nhờ đó, ANTESCO có đầy đủ khả năng và sự chủ động để mở rộng quy mô vận hành, đáp ứng nhanh chóng nhu cầu tăng trưởng của thị trường và từng bước hiện thực hóa mục tiêu mở rộng sự hiện diện thương hiệu trên phạm vi trong nước lẫn quốc tế.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang đã trải qua hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển với khát vọng trở thành đơn vị hàng đầu trong ngành chế biến nông sản tại Việt Nam. Trong suốt hành trình 50 năm này, ANTESCO đã kiên định hướng tới mục tiêu trở thành một những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực chế biến rau quả tại Việt Nam nói riêng và khu vực Đông Nam Á nói chung. Để hiện thực hóa tầm nhìn này, Công ty xác định chiến lược phát triển dài hạn dựa trên 03 trụ cột quan trọng: tăng trưởng doanh thu bền vững, nâng cao năng lực vận hành và duy trì sự tin cậy lâu dài từ khách hàng trong nước lẫn quốc tế.

Một trong những yếu tố then chốt để ANTESCO thực hiện chiến lược dài hạn là chất lượng sản phẩm. Công ty xác định chất lượng chính là giá trị cốt lõi không thể tách rời khỏi quá trình hoạt động và kinh doanh của Công ty. Với triết lý đó, ANTESCO duy trì hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm cuối cùng nhằm mục tiêu đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường quốc tế, giúp sản phẩm của Công ty tự tin tham gia vào những thị trường có rào cản thương mại và quy định nghiêm ngặt.

Cụ thể, nhằm đảm bảo sự ổn định trong nguồn cung nông sản và chất lượng sản phẩm cuối cùng, ANTESCO đã xây dựng một hệ sinh thái gắn chặt chẽ với các hộ nông dân và hợp tác xã trong khu vực thông qua kế hoạch phát triển các vùng nguyên liệu trọng điểm như bắp non, đậu nành rau, thanh long, xoài, sả, chanh dây và sầu riêng,... Điều này không chỉ giúp ANTESCO đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe về tính minh bạch, khả năng truy xuất nguồn gốc đối với từng sản phẩm, mà còn góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế - xã hội tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long.



Về mặt kỹ thuật sản xuất, ANTESCO luôn chú trọng tới việc chuyển đổi công nghệ và tối ưu hóa quy trình sản xuất để nâng cao hiệu quả và gia tăng sản lượng. Việc hiện đại hóa các dây chuyền chế biến theo tiêu chuẩn quốc tế giúp Công ty nâng cao năng suất lao động và giảm thiểu chi phí sản xuất. Đặc biệt, chiến lược rút ngắn khoảng cách giữa nhà máy và vùng nguyên liệu đã giúp công ty tạo ra một mô hình Logistics tinh gọn, tiết kiệm chi phí và nâng cao khả năng đáp ứng nhanh chóng trong những giai đoạn thị trường biến động mạnh. Tất cả các yếu tố trên không chỉ giúp ANTESCO duy trì chất lượng sản phẩm ổn định, đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế mà còn tạo nền tảng cho Công ty trong khả năng thích ứng nhanh với các biến động khách quan từ môi trường kinh doanh.

Một yếu tố quan trọng không thể thiếu trong chiến lược dài hạn của ANTESCO là công tác nghiên cứu và phát triển (R&D). Trong những năm gần đây, ANTESCO tập trung đẩy mạnh việc phát triển các dòng sản phẩm đông lạnh IQF và nước ép để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của thị trường. Các sản phẩm mới không chỉ mang lại giá trị gia tăng cao mà còn giúp ANTESCO dẫn dắt xu hướng tiêu dùng, gia tăng sự cạnh tranh của công ty trên thị trường quốc tế.

Bên cạnh các yếu tố trong lĩnh vực sản xuất, Công ty nhận thức rõ rằng nguồn nhân lực là yếu tố quyết định thành công của mọi chiến lược phát triển. Vì vậy, ANTESCO đặc biệt chú trọng đến việc đầu tư vào đào tạo, phát triển năng lực chuyên môn và đãi ngộ cho đội ngũ nhân viên. Công ty cam kết tạo ra một môi trường làm việc nhân văn và chuyên nghiệp, nơi mỗi cá nhân đều có thể phát huy tối đa khả năng của mình. Môi trường làm việc này không chỉ giúp đội ngũ nhân viên cống hiến hết mình mà còn tạo dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của công ty.

Cuối cùng, ANTESCO thực hiện chiến lược mở rộng thị trường đa cực, giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi ích cho cổ đông. Công ty không chỉ tập trung vào các thị trường truyền thống mà còn khai phá các thị trường xuất khẩu tiềm năng như Nhật Bản, Trung Đông,... Để làm được điều này, ANTESCO không ngừng tham dự các Hội thảo quốc tế, xây dựng các mối quan hệ hợp tác chiến lược, mở rộng mạng lưới khách hàng để gia tăng sản lượng xuất khẩu và nâng cao vị thế của thương hiệu nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Đây là những chiến lược phát triển chủ đạo, được thực hiện xuyên suốt trong quá trình hoạt động và kinh doanh của doanh nghiệp, giúp ANTESCO không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh hiện tại mà còn góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững doanh nghiệp, hướng tới mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực chế biến rau quả tại Việt Nam và Đông Nam Á.



Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

ANTESCO luôn cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế không chỉ trong hoạt động kinh doanh mà còn trong công tác bảo vệ môi trường và trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội. Ban Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty luôn chủ động tham gia vào các sáng kiến bảo vệ môi trường, đảm bảo rằng mục tiêu tăng trưởng kinh tế luôn hài hòa với trách nhiệm xã hội. Mọi hoạt động sản xuất tại ANTESCO đều được vận hành dựa trên nguyên tắc sử dụng tài nguyên một cách tiết kiệm và hiệu quả.

Bên cạnh đó, ANTESCO đặc biệt chú trọng đầu tư vào các hệ thống bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất của mình. Các hệ thống xử lý nước thải và khí thải tại các nhà máy như Mỹ An, Bình Khánh, Bình Long và B'LaoFood luôn được vận hành một cách nghiêm ngặt và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Ngoài ra, ANTESCO cũng tiến hành thu gom và xử lý kịp thời các chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại, ngăn ngừa mọi nguy cơ tiềm ẩn gây ô nhiễm, với mục tiêu là giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến môi trường, đồng thời đảm bảo rằng các quy trình sản xuất luôn tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế.

Không chỉ dừng lại ở việc bảo vệ môi trường, ANTESCO còn chú trọng đến việc phát triển cộng đồng địa phương, tạo cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập ổn định cho người dân thông qua các sáng kiến tạo việc làm và phát triển kinh tế tại các vùng nguyên liệu trọng điểm. Công ty nhận thức rõ rằng sự phát triển bền vững không chỉ mang lại lợi ích cho chính doanh nghiệp mà còn góp phần vào sự thịnh vượng chung của địa phương, hướng đến một tương lai phát triển ổn định và lâu dài, mang lại giá trị bền vững cho cả doanh nghiệp và xã hội.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế



Trong năm 2025, nền kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều biến động lớn, chủ yếu đến từ các chính sách thuế quan rộng khắp và sự leo thang của xung đột thương mại Mỹ - Trung. Những yếu tố này đã làm gia tăng sự dịch chuyển trong dòng chảy thương mại và tái cấu trúc lại chuỗi cung ứng toàn cầu. Dự báo tăng trưởng GDP thế giới của các tổ chức quốc tế như IMF, OECD và EU chỉ đạt từ 3,1% đến 3,2% vào cuối năm 2025, thấp hơn mức dự báo cho năm 2024. Mặc dù sự phát triển của lĩnh vực trí tuệ nhân tạo góp phần duy trì ổn định kinh tế, nhưng nền kinh tế toàn cầu vẫn cho thấy những dấu hiệu tăng trưởng chậm lại, do các yếu tố rủi ro địa chính trị, áp lực nợ công và các hàng rào bảo hộ thương mại.

Khu vực Châu Á tiếp tục thể hiện sự phân hóa rõ rệt giữa các quốc gia phát triển và các quốc gia mới nổi. Mặc dù tăng trưởng dự báo cho năm 2025 đạt 4,5%, các chuyên gia cảnh báo rằng vào năm 2026, khu vực này có thể đối mặt với sự suy giảm do nhu cầu tiêu dùng toàn cầu yếu và các chính sách thuế quan khắc nghiệt. Tuy nhiên, Đông Nam Á vẫn duy trì sức hấp dẫn đối với dòng vốn đầu tư quốc tế. Đặc biệt, Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế là nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực, trở thành điểm đến chiến lược cho các dòng vốn dịch chuyển từ các thị trường truyền thống, đặt nền móng cho sự phát triển của phân khúc bất động sản công nghiệp và dịch vụ tài chính phái sinh.

Dù bị ảnh hưởng nặng nề bởi thiên tai lịch sử, thiệt hại ước tính lên tới gần 100.000 tỷ đồng, nền kinh tế Việt Nam năm 2025 vẫn chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ. Chính phủ thực hiện các chính sách tài khóa mở rộng và đẩy mạnh giải ngân đầu tư công vào các dự án hạ tầng trọng điểm, giúp GDP của Việt Nam đạt mức tăng trưởng ấn tượng 8,02%. Điều này cũng đưa GDP bình quân đầu người của Việt Nam lên mức 5.000 USD, chính thức gia nhập nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình cao. Đây là động lực quan trọng không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn kích thích nhu cầu về bất động sản nhà ở và các loại hình tài sản đầu tư.

Cùng với sự phát triển kinh tế nội lực, hoạt động ngoại thương của Việt Nam cũng đạt kỷ lục mới khi tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 920 tỷ USD, tăng trưởng 16,9% so với năm 2024. Điều này không chỉ duy trì thặng dư cán cân thanh toán và ổn định tỷ giá, mà còn tạo ra môi trường vĩ mô thuận lợi cho các doanh nghiệp bất động sản tiếp cận vốn. Đặc biệt, việc kiểm soát lạm phát hiệu quả và các điều chỉnh lãi suất trong năm 2025 đã giúp giảm chi phí vốn, thúc đẩy thị trường bất động sản và thị trường tài chính phát triển mạnh mẽ. Mức lãi suất ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho dòng tiền chảy vào các kênh đầu tư dài hạn, mở ra chu kỳ phát triển mới cho thị trường bất động sản.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế toàn cầu có nhiều biến động và chính sách thuế quan quốc tế thay đổi, ANTESCO nhận thức rõ việc theo dõi sát sao các chỉ số vĩ mô là yếu tố quan trọng. Công ty sẽ chủ động đánh giá tác động từ biến động lãi suất và tỷ giá để điều chỉnh kế hoạch tài chính phù hợp. Sự chủ động trong việc kiểm soát rủi ro tài chính và nhạy bén với các xu hướng lãi suất chính là chìa khóa giúp Công ty duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và tối ưu hóa giá trị gia tăng cho cổ đông và nhà đầu tư trong những năm tới.

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh doanh

Rủi ro cạnh tranh

Theo số liệu từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Hiệp hội Rau quả Việt Nam (Vinafruit), kim ngạch xuất khẩu rau quả trong tháng 12/2025 đạt khoảng 795 triệu USD. Kết quả này đã đưa tổng giá trị xuất khẩu rau quả cả năm 2025 vượt 8,5 tỷ USD – đánh dấu mức kỷ lục trong lĩnh vực xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Theo ông Đặng Phúc Nguyên, Tổng Thư ký Vinafruit, sự bứt phá này không chỉ dựa vào các mặt hàng chủ lực mà còn nhờ sự tăng trưởng đồng đều của nhóm sản phẩm tiềm năng như bưởi, dưa, thanh long, nhãn và xoài. Việc đa dạng hóa danh mục sản phẩm và mở rộng thị phần tại các thị trường khắt khe như Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc đã giúp ngành nông sản nội địa giảm bớt sự lệ thuộc vào các thị trường truyền thống, tạo lập một nền tảng xuất khẩu bền vững và linh hoạt hơn. Thành tích là minh chứng rõ nét cho sự chỉ đạo, điều hành linh hoạt của Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đặc biệt trong việc thúc đẩy mở cửa thị trường, tháo gỡ rào cản kỹ thuật và hỗ trợ doanh nghiệp. Trên đà tăng trưởng đó, ngành rau quả Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục bứt phá trong năm 2026, tiến gần hơn tới mục tiêu kim ngạch 10 tỷ USD, khẳng định vị thế ngày càng vững chắc trên thị trường quốc tế.

Trong bối cảnh ngành chế biến và xuất khẩu rau quả đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ, ANTESCO đối mặt với áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt với đối thủ đầu ngành và các tập đoàn đa quốc gia với ưu thế vượt trội về vốn, công nghệ R&D và mạng lưới thương mại toàn cầu. Bên cạnh sức ép thị phần, sự biến động về giá thành và tính ổn định của chuỗi cung ứng nông sản vẫn là những thách thức trọng tâm, ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận và hiệu quả vận hành của doanh nghiệp. Nhận thức rõ

các rào cản này, Ban Lãnh đạo ANTESCO đã chủ động chuyển hóa thách thức thành động lực thông qua chiến lược toàn diện và kịp thời, đảm bảo doanh nghiệp không chỉ giữ vững vị thế hiện có mà còn sẵn sàng bứt phá trong chu kỳ tăng trưởng mới.

Cụ thể, trong thời gian qua, ANTESCO tập trung ưu tiên việc ổn định nguồn cung nguyên liệu bằng cách thắt chặt liên kết với các nông hộ và hợp tác xã địa phương, tạo ra một hệ sinh thái vùng nguyên liệu bền vững và đạt chuẩn chất lượng. Song song đó, Công ty đẩy mạnh lộ trình hiện đại hóa tại các cụm nhà máy trọng điểm như Bình Long, Mỹ An và B'laofood thông qua việc đầu tư vào các dây chuyền chế biến tiêu chuẩn quốc tế. Việc kết hợp giữa công nghệ tiên tiến và hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D) trọng tâm đã giúp ANTESCO tạo ra những dòng sản phẩm không chỉ mang đậm dấu ấn thương hiệu mà đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe của thị trường xuất khẩu, nhận được sự yêu thích từ các khách hàng lớn như ... (nêu sản phẩm nổi bật)

Về định hướng kinh doanh, ANTESCO đang quyết liệt thực thi chiến lược đa dạng hóa tệp khách hàng với các thị trường mục tiêu như Nhật Bản và Trung Đông. Việc chủ động kết nối với mạng lưới khách hàng mới không chỉ giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro từ những biến động địa chính trị toàn cầu mà còn khẳng định khát vọng vươn tầm của thương hiệu Việt. Với sự nhất trí cao và chỉ đạo sát sao từ Hội đồng quản trị, các chiến lược này đang được triển khai đồng bộ, hướng tới mục tiêu tối ưu hóa giá trị cho cổ đông và nâng cao năng lực cạnh tranh của ANTESCO trên cả bình diện nội địa lẫn quốc tế.

Rủi ro chất lượng sản phẩm

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng, ANTESCO xác định việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm là điều kiện tiên quyết để khai thác hiệu quả các lợi thế từ Hiệp định thương mại tự do Liên minh Châu Âu – Việt Nam (EVFTA) cùng các cam kết thương mại đa phương khác. Hệ thống chứng nhận uy tín mà Công ty đang duy trì như ISO 22000, SEDEX, BRC, KOSHER, HALAL, Global G.A.P và FDA không chỉ đóng vai trò là “giấy thông hành” thiết yếu để sản phẩm thâm nhập vào các thị trường khó tính, mà còn là thước đo cho sự đồng nhất về chất lượng đầu ra. Đây chính là nền tảng vững chắc giúp ANTESCO tạo dựng lòng tin với các đối tác chiến lược toàn cầu và duy trì năng lực cạnh tranh ổn định trên thị trường nông sản xuất khẩu.



Đặc biệt, tiêu chuẩn Global G.A.P được Công ty ưu tiên áp dụng như một công cụ quản trị toàn diện, từ khâu truy xuất nguồn gốc sản phẩm đến việc đảm bảo tính thân thiện với môi trường và đa dạng sinh học. Trong mảng sản xuất nông nghiệp, ANTESCO chú trọng mục tiêu giảm thiểu sử dụng phân bón hóa học nhằm hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến thổ nhưỡng và hệ sinh thái. Việc tập trung đầu tư phát triển vào các Vùng nguyên liệu đạt chuẩn Global G.A.P là bước đi chiến lược để Công ty làm chủ nguồn cung nguyên liệu ổn định cả về trữ lượng lẫn phẩm cấp cao nhất. Để hiện thực hóa mục tiêu này, ANTESCO đã tích cực thiết lập mạng lưới hợp tác chặt chẽ với các nông hộ, hợp tác xã và chính quyền địa phương, tạo ra một liên kết chuỗi giá trị nông nghiệp hiện đại và bền vững.

Bên cạnh các tiêu chuẩn về sản phẩm, ANTESCO còn chú trọng chuẩn hóa quy trình vận hành thông qua việc thực thi nghiêm ngặt các hệ thống quản trị tiên tiến như Quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), Quản lý dịch hại tổng hợp (IPC), Hệ thống quản lý chất lượng (QMS) và Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP). Việc tuân thủ chặt chẽ các quy trình này không chỉ giúp doanh nghiệp tối ưu hóa hiệu quả sản xuất mà còn thể hiện sự nhạy bén của Ban Lãnh đạo trong việc bắt kịp các xu hướng xanh và bền vững của thế giới. Qua đó, ANTESCO khẳng định vai trò là doanh nghiệp tiên phong trong việc thúc đẩy sự phát triển của nền nông nghiệp nước nhà theo hướng minh bạch, an toàn và bền vững.

CÁC RỦI RO

Rủi ro giá nguyên vật liệu

Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Trong bối cảnh thị trường chế biến và xuất khẩu rau quả đang bước vào giai đoạn cạnh tranh khốc liệt, ANTESCO đối mặt với những thách thức không nhỏ trong công tác thu mua và quản trị nguyên liệu đầu vào. Sự gia tăng đột biến của nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường xuất khẩu, cùng với áp lực cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp nội địa, đã đẩy nhu cầu nguyên liệu nông sản tại Việt Nam lên cao điểm. Thực trạng này không chỉ tạo áp lực trực tiếp lên giá thành và chi phí thu mua đối với các mặt hàng nông sản chủ lực của Công ty, mà còn đặt ra thách thức cho ANTESCO trong việc ổn định chi phí sản xuất và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh tổng thể.

Bên cạnh áp lực về giá, sự mất cân bằng cung – cầu trên thị trường nông sản còn tiềm ẩn rủi ro về tính đồng nhất của chất lượng sản phẩm. Tình trạng khan hiếm cục bộ hoặc biến động sản lượng có thể dẫn đến những gián đoạn nhất định trong quy trình sản xuất, gây khó khăn cho việc đáp ứng kịp thời các đơn hàng quy mô lớn từ đối tác quốc tế.

Nhận thức rõ sự thiếu ổn định của nguồn nguyên liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận, ANTESCO đánh giá công tác quản trị rủi ro

chuỗi cung ứng là nhiệm vụ tất yếu và cấp bách để duy trì sự ổn định và đồng đều trong chất lượng sản phẩm.

Để thích ứng và giải quyết triệt để vấn đề này, ANTESCO đã chủ động thực hiện các giải pháp như thiết lập cơ chế theo dõi, đánh giá định kỳ các yếu tố cấu thành chi phí sản xuất để đưa ra các đối sách linh hoạt, phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường. Song song đó, sự chủ động đối với nguồn cung được tăng cường thông qua chiến lược đa dạng hóa mạng lưới nhà cung cấp và đẩy mạnh dự án phát triển Vùng nguyên liệu đạt chuẩn Global G.A.P. Việc sở hữu vùng nguyên liệu tự chủ không chỉ giúp kiểm soát chất lượng từ gốc mà còn là “lá chắn” quan trọng giúp doanh nghiệp giảm bớt sự lệ thuộc vào biến động giá cả trên thị trường.

Ban Lãnh đạo ANTESCO tin rằng, khả năng quản trị chặt chẽ chi phí và năng lực cân đối các yếu tố đầu vào chính là chìa khóa để doanh nghiệp ứng phó hiệu quả với các kịch bản bất lợi của thị trường. Sự nhạy bén trong điều hành không chỉ đảm bảo quá trình vận hành được diễn ra ổn định, xuyên suốt, mà còn là nền tảng để Công ty duy trì đà tăng trưởng, đảm bảo lợi nhuận tối đa và giá trị bền vững cho các nhà đầu tư trong dài hạn.



Rủi ro thời tiết

Là một doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp, ANTESCO luôn nhận thức được ảnh hưởng của thời tiết đối với hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2025, biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn tiếp tục là những thách thức nổi bật đối với khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, đặc biệt trong mùa khô. Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, trong mùa khô 2024–2025, hiện tượng xâm nhập mặn tại Đồng bằng Sông Cửu Long diễn ra ở mức cao hơn so với trung bình nhiều năm. Mức độ xâm nhập mặn được ghi nhận có xu hướng tăng mạnh từ tháng 2 đến tháng 4/2025, với ranh mặn có thể đi sâu hàng chục kilomet vào nội đồng thông qua các cửa sông chính như Vàm Cỏ, Cái Lớn, Cỏ Chiên và sông Hậu. Đây là thời kỳ cao điểm mà vùng ven biển và các tỉnh nội đồng dễ chịu ảnh hưởng nhất từ hiện tượng này. Mặc dù mức độ xâm nhập mặn trong năm 2025 không nghiêm trọng bằng các đợt hạn mặn cực đoan và chưa có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty, nhưng ANTESCO vẫn cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng trong trường hợp tình trạng này tiếp tục kéo dài.

Nhìn chung, các rủi ro về thời tiết có ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn cung nguyên vật liệu và chi phí vận hành, đặt ra yêu cầu cho Ban Lãnh đạo ANTESCO trong việc thực hiện các biện pháp thiết thực như đa dạng hóa nguồn cung ứng nguyên vật liệu, xây dựng hệ thống lưu trữ hàng hóa đạt chuẩn để tránh tình trạng thiếu hụt nguyên vật liệu và duy trì sự ổn định trong quá trình sản xuất và kinh doanh.

Rủi ro lưu trữ hàng hóa và nguyên vật liệu

Đặc thù của ngành chế biến rau quả tươi đặt ANTESCO trước những thách thức khắt khe trong công tác bảo quản và quản trị hao hụt đối với hàng hóa và nguyên vật liệu. Với thời gian lưu trữ tự nhiên tương đối ngắn, dao động từ 45 ngày đến 2 tháng, các mặt hàng nông sản như thanh long, chuối, chôm chôm yêu cầu quy trình tiếp nhận và lưu trữ tương đối khắt khe. Bất kỳ sự thiếu đồng bộ nào trong điều kiện bảo quản cũng có thể dẫn đến rủi ro giảm giá trị hàng tồn kho, gây áp lực trực tiếp lên biên lợi nhuận hoạt động. Bên cạnh đó, yêu cầu chi tiết về nhiệt độ và độ ẩm trong suốt quá trình lưu kho đã làm gia tăng đáng kể sự phức tạp trong công tác quản lý logistics và điều phối chuỗi cung ứng toàn diện của Công ty.

Để gỡ bỏ những rào cản này, ANTESCO đã tập trung vào việc rút ngắn thời gian luân chuyển nguyên vật liệu và chuẩn hóa quy trình kiểm soát điều kiện bảo quản tại các kho trung chuyển. Những nỗ lực này không chỉ giúp giảm thiểu tỷ lệ hao hụt sau thu hoạch mà còn đảm bảo độ tươi ngon nguyên bản của nông sản trước khi đưa vào dây chuyền chế biến, từ đó giữ vững uy tín chất lượng đối với các đối tác nhập khẩu.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ cấp đông nhanh (IQF) tiên tiến không chỉ cho phép kéo dài thời gian sử dụng của sản phẩm mà còn giữ trọn vẹn cấu trúc và hàm lượng dinh dưỡng của trái cây nhiệt đới. Công nghệ này giúp ANTESCO tự chủ hơn trong kế hoạch kinh doanh, không còn bị lệ thuộc hoàn toàn vào tính mùa vụ ngắn hạn của nông sản tươi, giảm thiểu rủi ro tồn kho và tối ưu hóa chi phí sản xuất trong dài hạn.

CÁC RỦI RO

Rủi ro lãi suất

Trong hoạt động của đa số các doanh nghiệp hiện nay, đòn bẩy tài chính là một công cụ hỗ trợ giúp các doanh nghiệp đạt được nhiều mục tiêu kinh doanh hơn so với việc chỉ sử dụng nguồn vốn hiện hữu. Tuy nhiên, việc sử dụng nguồn vốn từ vay nợ có thể làm gia tăng chi phí tài chính và rủi ro mất thanh khoản đối với các doanh nghiệp. Trong năm 2025, thị trường tài chính Việt Nam ghi nhận sự ổn định tương đối về mặt bằng lãi suất nhờ chính sách tiền tệ linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước. Cụ thể, lãi suất huy động và cho vay trong nước được duy trì ở mức hợp lý nhằm hỗ trợ phục hồi kinh tế sau các đợt thiên tai và biến động chuỗi cung ứng. Việc duy trì mặt bằng lãi suất thấp trong phần lớn năm 2025 đã tạo điều kiện thuận lợi cho ANTESCO trong việc tối ưu hóa chi phí vốn cho các dự án đầu tư công nghệ sản xuất tại các nhà máy. Tuy nhiên, rủi ro lãi suất bắt đầu xuất hiện vào giai đoạn cuối năm khi áp lực tỷ giá từ đồng USD tăng cao, buộc các định chế tài chính phải có những đợt điều chỉnh nhẹ về lãi suất huy động để giữ chân dòng tiền.

Bước sang năm 2026, xu hướng lãi suất được dự báo sẽ có những diễn biến phức tạp và tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với các doanh nghiệp thâm dụng vốn như bất động sản và tài chính. Các cuộc chiến Mỹ - Iran gây áp lực lên giá dầu, hay chính sách tiền tệ thắt chặt của các ngân hàng trung ương lớn nhằm đối phó với hệ quả của thuế quan đều có thể dẫn đến một chu kỳ tăng lãi suất mới. Tại thị trường trong nước, dự báo lãi suất có thể chịu áp lực tăng từ 0,5% đến 1% do nhu cầu vốn cho đầu tư công tăng cao và mục tiêu kiểm soát lạm phát của Chính phủ.

ANTESCO luôn nhận thức được tầm quan trọng của sự biến động của lãi suất đến chi phí lãi vay nói riêng và kết quả hoạt động nói chung của Công ty. Vì vậy, để hạn chế rủi ro do sự biến động của lãi suất, Ban Lãnh đạo Công ty đã thường xuyên kiểm soát và áp dụng nhiều biện pháp trong việc phân bổ và sử dụng vốn hợp lý, tiết kiệm chi phí tài chính để luôn trong trạng thái sẵn sàng và chủ động trước những biến động lãi suất, từ đó đảm bảo quá trình vận hành được diễn ra xuyên suốt nhằm đạt được những mục tiêu trong chiến lược phát triển 5 năm 2026 - 2030.



Rủi ro tỷ giá

Trong năm 2025, rủi ro về tỷ giá tiếp tục là một yếu tố đáng lưu ý đối với môi trường kinh doanh tại Việt Nam và các doanh nghiệp xuất khẩu – nhập khẩu, trong đó có ANTESCO. Tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ chủ chốt, đặc biệt là đô la Mỹ (USD), đã diễn biến phức tạp và chịu ảnh hưởng mạnh từ các yếu tố kinh tế vĩ mô toàn cầu. Diễn biến này phản ánh sự nhạy cảm của thị trường ngoại hối trước các chính sách lãi suất, biến động dòng vốn quốc tế và tỷ giá toàn cầu.

Một trong những nguyên nhân chính khiến biến động tỷ giá trở thành rủi ro lớn trong năm 2025 là việc đồng đô la Mỹ vẫn giữ sức mạnh tương đối cao do kỳ vọng lãi suất tại Mỹ và các chính sách tài khóa – thương mại toàn cầu. Các chuyên gia nhận định rằng dù có thời điểm giảm nhiệt, tỷ giá USD/VND vẫn chịu áp lực tăng trong năm 2025 do nhu cầu USD thực tế cao và các yếu tố quốc tế khó lường như chính sách thương mại và lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ.

Mặc dù Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã duy trì chính sách điều hành linh hoạt nhằm ổn định thị trường ngoại hối và giảm thiểu rủi ro bất ổn, áp lực tỷ giá vẫn là yếu tố khó lường trong nhiều kịch bản kinh tế, đặt ra thách thức khi rà soát chi phí, kế hoạch dòng tiền và quản trị rủi ro tài chính tổng thể của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu như ANTESCO.

Nhận thức được rủi ro tỷ giá có thể gặp phải, trong thời gian sắp tới, Ban Lãnh đạo Công ty vẫn sẽ tiếp tục theo dõi tình hình chính trị - kinh tế trên thế giới, từ đó đưa ra những dự báo cần thiết, giúp Công ty hoạch định các chiến lược kinh doanh và kế hoạch tài chính phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực từ biến động tỷ giá đến lợi nhuận của Công ty.

CÁC RỦI RO

Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang đang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Vì vậy, mọi hoạt động của công ty đều phải tuân thủ hệ thống các quy định pháp luật trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, bao gồm các luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, cũng như các Hiệp định thương mại tự do ở thị trường mà ANTESCO đang có khách hàng và đối tác như Hiệp định EVFTA, VJFTA, VIFTA,..., và các nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn có liên quan.

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ và hội nhập quốc tế sâu rộng, các chính sách và quy định pháp lý liên tục được cập nhật để hỗ trợ Nhà nước trong công tác quản lý và thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường. Tuy nhiên, sự thay đổi này có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Do đó, Ban Lãnh đạo Công ty cần thường xuyên theo dõi sát sao và cập nhật kịp thời mọi thay đổi trong các quy định và chính sách Nhà nước.

Để giảm thiểu các rủi ro pháp lý tiềm ẩn, ANTESCO đã triển khai các giải pháp quản trị chặt chẽ thông qua hệ thống Điều lệ và các Quy chế. Nhờ đó, các hoạt động của Công ty được giám sát và kiểm soát nghiêm ngặt để đảm bảo tuân thủ các quy định về quản trị công ty, ANTESCO ngăn ngừa hiệu quả các rủi ro phát sinh, duy trì uy tín và nâng cao hình ảnh doanh nghiệp trong mắt khách hàng và đối tác.

Rủi ro môi trường

Vấn đề bảo vệ môi trường ngày càng trở nên quan trọng và nhận được sự quan tâm sâu rộng từ cộng đồng. Trong bối cảnh này, việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng và duy trì hình ảnh tích cực của công ty trong mắt cộng đồng, đồng thời hỗ trợ công ty thực hiện chiến lược phát triển bền vững.

Công ty luôn duy trì các hoạt động kiểm tra và giám sát an toàn nhằm bảo đảm rằng mọi quy trình diễn ra đúng quy định và không gây hại đến môi trường. Công tác kiểm tra này đóng vai trò then chốt trong việc bảo vệ uy tín công ty, đồng thời thể hiện trách nhiệm xã hội của ANTESCO.

Bên cạnh đó, ANTESCO cũng đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong đội ngũ nhân viên. Công ty khuyến khích việc sử dụng tài nguyên như điện và nước một cách tiết kiệm, đồng thời động viên nhân viên tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường. Những hành động này không chỉ mang lại hiệu quả về mặt tài chính mà còn giúp nâng cao hình ảnh ANTESCO trong cộng đồng và xã hội.

Rủi ro khác

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang không chỉ đối mặt với những rủi ro chính liên quan đến thị trường và ngành công nghiệp, mà còn phải đối diện với những tác động không lường trước được như thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ, dịch bệnh, và nhiều yếu tố khác. Những rủi ro này có thể gây ra thiệt hại nặng nề về người, tài sản và hoạt động tổng thể của Công ty.

Để giảm thiểu tối đa các tác động từ những yếu tố không thể kiểm soát, ANTESCO đã triển khai các biện pháp phòng cháy chữa cháy, cứu hộ và cứu nạn một cách nghiêm ngặt. Công ty thường xuyên kiểm tra, bảo trì và duy trì hệ thống thiết bị an toàn để đảm bảo các hệ thống này hoạt động hiệu quả trong tình huống khẩn cấp. Hơn nữa, đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản về các kỹ năng an toàn và các biện pháp phòng ngừa để hạn chế rủi ro liên quan đến sức khỏe và sự an toàn của con người.

Ngoài các biện pháp phòng ngừa, ANTESCO cũng bảo vệ tài sản và người lao động thông qua việc mua bảo hiểm cho cả nhân viên và toàn bộ tài sản của công ty, không chỉ giúp Công ty có nguồn lực tài chính để ứng phó khi xảy ra sự cố mà còn giảm thiểu những thiệt hại có thể xảy ra, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục duy trì ổn định và xuyên suốt trong mọi tình huống.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



- ◀ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ◀ Tổ chức và nhân sự
- ◀ Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- ◀ Tình hình tài chính
- ◀ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- ◀ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/ Giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu thành phẩm	1.332.521	94,85%	1.673.065	92,91%	25,56%
2	Doanh thu hàng hóa	57.361	4,08%	83.849	4,66%	46,18%
3	Doanh thu khác	14.933	1,06%	43.910	2,44%	194,05%
Tổng cộng		1.404.815	100%	1.800.824	100%	28,19%

Nhận xét

Năm 2025 ghi nhận một cột mốc lịch sử đối với ngành nông sản Việt Nam khi kim ngạch xuất khẩu rau quả chính thức vượt ngưỡng 8,5 tỷ USD. Theo số liệu từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng Hiệp hội Rau quả Việt Nam (Vinafruit), chỉ riêng tháng 12/2025, giá trị xuất khẩu đã chạm mốc 795 triệu USD. Sự bứt phá này không chỉ dựa vào các mặt hàng chủ lực truyền thống mà còn nhờ đà tăng trưởng đồng đều của nhóm sản phẩm tiềm năng như bưởi, dưa, thanh long, nhãn và xoài. Việc đa dạng hóa danh mục sản phẩm và mở rộng thành công thị phần tại các thị trường khắt khe như Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc đã giúp ngành rau quả giảm bớt sự lệ thuộc vào các thị trường đơn lẻ, kiến tạo một nền tảng xuất khẩu bền vững và linh hoạt hơn cho nông sản Việt Nam.

Thành tích kỷ lục này là minh chứng rõ nét cho sự chỉ đạo, điều hành linh hoạt từ phía Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Các nỗ lực trong việc thúc đẩy mở cửa thị trường, tháo gỡ rào cản kỹ thuật và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các chuẩn mực quốc tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị xuất khẩu như ANTESCO tận dụng tối đa cơ hội. Với đà tăng trưởng mạnh mẽ này, ngành rau quả Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục bứt phá trong năm 2026, hướng tới mục tiêu kim ngạch 10 tỷ USD và khẳng định vị thế ngày càng vững chắc trên bản đồ kinh tế quốc tế.

Là một doanh nghiệp tiêu biểu trong ngành chế biến rau quả, Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang đã chủ động bắt kịp các xu thế tiêu dùng hiện đại, quyết liệt mở rộng quy mô sản xuất và tích cực khai phá các thị trường xuất khẩu tiềm năng. Nhờ sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa Khối Kinh doanh và Khối Sản xuất, kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2025 đã ghi nhận tốc độ tăng trưởng vượt trội. Doanh thu thuần xác lập cột mốc kỷ lục với giá trị đạt 1.800.824 triệu đồng, tăng trưởng ấn tượng 28,19% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này là minh chứng rõ nét cho chiến lược phát triển thị trường đúng đắn và khả năng thích ứng linh hoạt của Ban điều hành trước các biến động kinh tế toàn cầu.

Cơ cấu doanh thu của Công ty trong những năm gần đây duy trì sự ổn định, phần lớn nguồn thu đến từ việc kinh doanh các mặt hàng thành phẩm thể mạnh bao gồm: rau củ quả cấp đông nhanh (IQF), thực phẩm đóng lon và nước ép trái cây. Nhóm sản phẩm này ghi nhận giá trị 1.673.065 triệu đồng, đóng góp chủ lực với tỷ trọng 92,91% tổng doanh thu thuần năm 2025.

Bên cạnh mảng sản xuất cốt lõi, hoạt động doanh thu hàng hóa và các nguồn thu khác lần lượt đạt 83.849 triệu đồng và 43.910 triệu đồng, tương ứng với tỷ trọng 4,66% và 2,44% trong cơ cấu tổng thể. Hiện nay, mạng lưới phân phối của Công ty đã vươn rộng tới các khu vực có tiêu chuẩn chất lượng khắt khe nhất thế giới như Bắc Mỹ, Châu Âu và các quốc gia phát triển tại Châu Á. Việc duy trì và mở rộng thị phần tại những thị trường khó tính này không chỉ khẳng định chất lượng sản phẩm vượt trội của thương hiệu ANTESCO mà còn phản ánh hiệu quả của chiến lược đa dạng hóa thị trường. Nhìn chung, sự tăng trưởng đồng đều ở tất cả các mảng doanh thu trong năm qua là thành quả từ những nỗ lực không ngừng trong việc nâng cao năng lực sản xuất và tối ưu hóa quy trình bán hàng của toàn thể Công ty.

▶ **1.800.824** Triệu đồng **↑ 28,19%**
Doanh thu so với năm 2024

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	TH 2025	KH 2025	TH 2025/ TH 2024	TH 2025/ KH 2025
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	34.822	40.895	39.500	117,44%	103,53%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.405	1.800	1.550	128,19%	116,12%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	88	149	85	169,77%	175,76%

Nhận xét

Năm 2025 ghi nhận sự thành công toàn diện của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang khi tất cả các chỉ tiêu cốt lõi từ sản lượng, doanh thu đến lợi nhuận đều không chỉ vượt kế hoạch mà còn xác lập mức tăng trưởng kỷ lục so với năm 2024. Cụ thể, tổng doanh thu thuần của Công ty đạt 1.800 tỷ đồng, ghi nhận mức tăng trưởng 28,19% so với năm trước. Kết quả này đồng thời vượt 16,12% so với mục tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã tin tưởng giao phó. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện các biện pháp quản lý chi phí hiệu quả nhằm hạn chế tốc độ gia tăng của các khoản chi, giúp cho Công ty đạt được hiệu quả kinh doanh ấn tượng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của ANTESCO đạt 149 tỷ đồng, tăng 69,77% so với cùng kỳ năm 2024 và vượt 75,76% so với kế hoạch. Sự bứt phá về doanh thu và lợi nhuận là minh chứng cho nỗ lực mở rộng thị phần và sự phối hợp nhịp nhàng trong toàn bộ chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.



► **40.895** Tấn
Sản lượng tiêu thụ ↑ **17,44%**
so với năm 2024

↑ **3,53%**
so với kế hoạch

► **1.800** Tỷ đồng
Doanh thu thuần ↑ **69,77%**
so với năm 2024

↑ **75,76%**
so với kế hoạch

► **149** Tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế ↑ **17,44%**
so với năm 2024

↑ **3,53%**
so với kế hoạch

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Hoàng Minh	Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	628.983	2,620%
2	Nguyễn Huy Cường	Phó Tổng Giám đốc	13.090	0,055%
3	Bùi Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	13.090	0,055%
4	Đặng Hoàng Lục Uyển	Phó Tổng Giám đốc	11.550	0,048%
5	Trần Thụy Tố Trinh	Kế toán trưởng	13.090	0,055%

Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2025 Không có



Lý lịch Ban Điều hành



Nguyễn Hoàng Minh Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT

- Năm sinh

:

1977
- Nơi sinh

:

Tiền Giang
- Quốc tịch

:

Việt Nam
- Địa chỉ

:

275 Xóm Đất, Phường Bình Thời, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn

:

Thạc sĩ Công nghệ thông tin (Học viện Innotech, Pháp)

Quá trình công tác

- 2000 – 2007

:

Giảng viên Đại học Văn Lang
- 2007 – 2011

:

Giám đốc điều hành Công ty IeSVN
- 2012 – 2018

:

Giám đốc CTCP Thương mại – Sản xuất – Dịch vụ Gia Thịnh Phát
- 2014 – 2018

:

Phó Tổng Giám đốc CTCP Lavifood
- 12/2021 – 03/2022

:

Phó Tổng Giám đốc CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 03/2022 – nay

:

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 07/2023 – nay

:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH B’Laofood

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH B’Laofood

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 628.983 cổ phần, chiếm 3,07% vốn điều lệ;
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Lý lịch Ban Điều hành



Nguyễn Huy Cường
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1978
Nơi sinh : An Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ : Ấp Mỹ Trung, Xã Long Kiến, Tỉnh An Giang
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chuyên ngành Điện – Điện tử (Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh)

Quá trình công tác

- 08/2002 – 2003** : Nhân viên phòng Kỹ thuật cơ điện Nhà máy Mỹ An Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang
- 2003 – 10/2004** : Trưởng ca phòng Kỹ thuật cơ điện Nhà máy Mỹ An Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang
- 11/2004 – 01/2011** : Trưởng phòng Kỹ thuật cơ điện Nhà máy Mỹ An – Nhà máy Bình Khánh Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang
- 02/2011 – 05/2016** : Phó Giám đốc Nhà máy Mỹ An - CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 06/2016 – 07/2016** : Phó Giám đốc Nhà máy Bình Long - CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 08/2016 – 09/2019** : Giám đốc Nhà máy Bình Long - CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 10/2019 – 04/2022** : Giám đốc Nhà máy Mỹ An - CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 04/2022 – nay** : Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 01/2023 – nay** : Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH B'Laofood

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH B'Laofood

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 13.090 cổ phần, chiếm 0,055% vốn điều lệ;
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1990
Nơi sinh : Nam Định
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ : Chung cư SaiGon Airport Plaza, Số 1 Bạch Đằng, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn : Cử nhân chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng (Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh)

Quá trình công tác

- 10/2012 – 12/2012** : Cán bộ tín dụng Phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)
- 12/2012 – 07/2015** : Cán bộ tín dụng Phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LienVietPostBank)
- 07/2015 – 05/2019** : Trưởng phòng tín dụng Phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank)
- 05/2019 – 02/2021** : Trợ lý Tổng Giám đốc CTCP Lavi Holding
- 03/2021 – 10/2022** : Trợ lý Tổng Giám đốc CTCP Ylang Holdings
- 04/2021 – 09/2022** : Thành viên Ban kiểm soát CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 04/2021 – nay** : Giám Đốc Công ty TNHH Greenfood Việt Nam
- 04/2021 – nay** : Giám đốc Công ty TNHH Soybean
- 09/2022 – nay** : Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính CTCP Rau quả thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty Cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Giám đốc Công ty TNHH Soybean
- Giám đốc Công ty TNHH Greenfood Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 13.090 cổ phần, chiếm 0,055% vốn điều lệ;
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Lý lịch Ban Điều hành



Đặng Hoàng Lục Uyên
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1980
Nơi sinh : An Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ : 802 Đốc Binh Là, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Ngoại thương (Trường Đại học Cần Thơ)

Quá trình công tác

- 2003 - 06/2011** : Nhân viên Kinh doanh tại Công ty Dịch vụ kỹ thuật Nông nghiệp An Giang
- 06/2011 - 10/2013** : Nhân viên Kinh doanh tại CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 11/2013 - 02/2019** : Phó phòng Kinh doanh tại CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 03/2019 - 05/2023** : Trưởng phòng Kinh doanh tại CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 06/2023 - 09/2024** : Quyền Giám đốc Khối Kinh doanh quốc tế tại CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 10/2024 - nay** : Phó TGD phụ trách kinh doanh tại CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 11.550 cổ phần, chiếm 0,048% vốn điều lệ;
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Trần Thụy Tố Trinh
Kế toán trưởng

Năm sinh : 1977
Nơi sinh : An Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ : 526/27 Quận Cơ Thành, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán (Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh)

Quá trình công tác

- 1994 – 2004** : Kế toán viên tại Nhà Máy Bình Khánh Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang
- 2004 – 06/2016** : Kế toán viên Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang (sau đó cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang)
- 07/2016 – 05/2021** : Phó phòng Kế toán CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 06/2021 – 07/2022** : Trưởng phòng Tài chính Kế toán CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 07/2022 – nay** : Kế toán trưởng CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 13.090 cổ phần, chiếm 0,055% vốn điều lệ;
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	1.444	100%
1	Trên đại học, Đại học	217	15,0
2	Cao đẳng	40	2,8
3	Trình độ trung cấp chuyên nghiệp	38	2,6
4	Công nhân kỹ thuật	15	1,0
5	Lao động phổ thông	1.134	78,6
B	Theo giới tính	1.444	100%
1	Nam	551	38,2
2	Nữ	893	61,8
C	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.444	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	470	32,5
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	-	-
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	974	67,5

Thu nhập bình quân

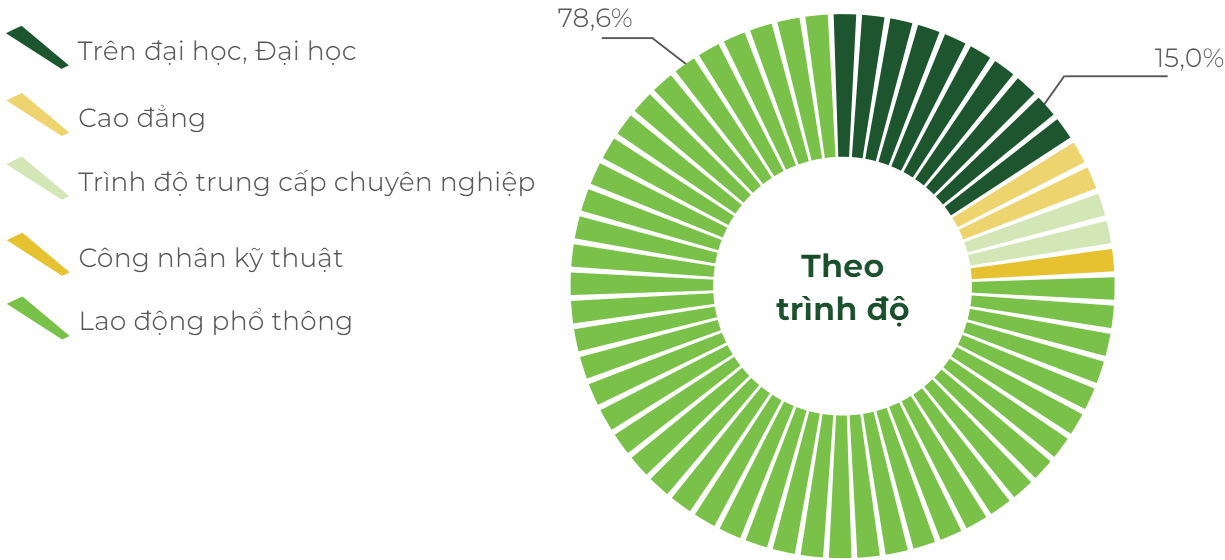
Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động (người)	685	773	1.444
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.400.000	11.000.000	11.800.000

Chính sách nhân sự

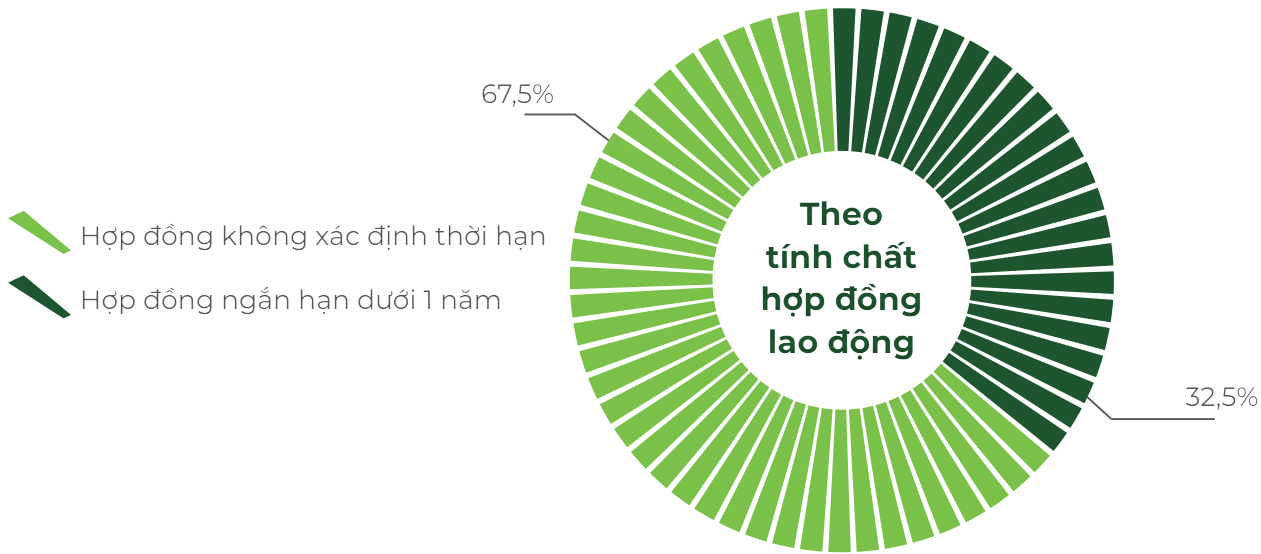
Với triết lý “Con người là tài sản vô giá”, Antesco đã xây dựng và áp dụng:

- Sổ tay Trách nhiệm xã hội (Bộ Quy tắc ứng xử - Bộ Tiêu chuẩn về Trách nhiệm Xã hội): Cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động
- Sổ tay quản lý EHS (An toàn - Sức khỏe - Môi trường): Người lao động được làm việc trong môi trường an toàn, văn minh
- Đào tạo liên tục cả trong nội bộ và với chuyên gia bên ngoài: để nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn, tư duy sáng tạo cho nhân viên cũng là hoạt động được ANTESCO chú trọng thực hiện hàng năm
- Xây dựng chế độ lương thưởng và phúc lợi minh mạch như:
 - Xây dựng bộ KPIs CEO và Quy trình quản trị thành tích
 - Xây dựng hệ thống ngạch bậc nội bộ và Hệ thống quản trị tiền lương 3P; Cơ chế thưởng KPI
 - Xây dựng hệ thống khung năng lực
 - Xây dựng cấu trúc Doanh nghiệp theo tầm nhìn chiến lược (2026 – 2030)

Theo trình độ



Theo tính chất hợp đồng lao động



Theo giới tính



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị tiếp tục thông qua Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐQT ngày 25/09/2025 về việc đầu tư, nâng cấp, sửa chữa thiết bị - nhà xưởng tại các nhà máy Bình Long, Nhà máy Bình Khánh, Nhà máy Mỹ An, Nhà máy B'Laofood với tổng giá trị đầu tư tối đa là 30 tỷ đồng để nhằm hỗ trợ cho việc tăng sản lượng doanh thu tại các nhà máy.



Đơn vị tính: Triệu đồng

Các công ty con, công ty liên kết

CÔNG TY TNHH B'LAOFOOD

- **Địa chỉ:** Lô CN4, Khu công nghiệp Lộc Sơn, Phường B'Lao, Tỉnh Lâm Đồng
- **Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:** Chế biến và bảo quản rau quả (Sản xuất và chế biến nông sản, rau, củ, quả, trái cây)
- **Vốn điều lệ thực góp:** 90 tỷ đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của ANTESCO:** 65%

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2025	%2025/2024
1	Tổng tài sản	436.049	514.590	118,01%
2	Doanh thu thuần	470.358	414.370	88,10%
3	Giá vốn hàng bán	420.901	363.703	86,41%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	876	3.444	393,25%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	42.266	45.371	107,35%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.067	8.741	108,35%
7	Lợi nhuận khác	720	6.072	842,98%
8	Lợi nhuận trước thuế	8.788	14.813	168,56%
9	Lợi nhuận sau thuế	7.105	13.322	187,49%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% 2025/2024
1	Tổng giá trị tài sản	1.223.556	1.436.568	117,41%
2	Doanh thu thuần	1.404.766	1.799.798	128,12%
3	Giá vốn hàng bán	1.060.377	1.349.972	127,31%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	19.140	31.579	164,99%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	276.529	337.691	122,12%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	87.001	143.715	165,19%
7	Lợi nhuận khác	603	5.684	942,19%
8	Lợi nhuận trước thuế	87.604	149.399	170,54%
9	Lợi nhuận sau thuế	73.694	129.244	175,38%

► 1.436.569 Triệu đồng

TỔNG TÀI SẢN

↑ 17,41%

so với năm 2024

► 1.799.798 Triệu đồng

DOANH THU THUẦN

↑ 28,12%

so với năm 2024

► 149.399 Triệu đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

↑ 70,54%

so với năm 2024

► 129.244 Triệu đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

↑ 75,38%

so với năm 2024

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,03	1,20
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,59	0,92
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	75,33%	66,74%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	305,32%	200,70%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,33	4,98
(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)			
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,40	1,35
(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)			
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,25%	7,18%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	27,81%	33,16%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	7,33%	9,72%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,19%	7,99%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Nhìn chung, các hệ số khả năng thanh toán của ANTESCO duy trì xu hướng tăng lên qua các năm, phần nào phản ánh hiệu quả cân đối nguồn vốn của Công ty.

Trong năm 2025, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty tăng từ 1,03 lên 1,20, nguyên nhân chính là do sự tăng trưởng vượt trội trong giá trị của tài sản ngắn hạn, cụ thể đến từ khoản mục tiền mặt của Công ty được bổ sung đáng kể thông qua hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ, khiến cho tài sản ngắn hạn của Công ty tăng từ 760.466 triệu đồng lên 965.124 triệu đồng, tương đương mức tăng 26,92%.

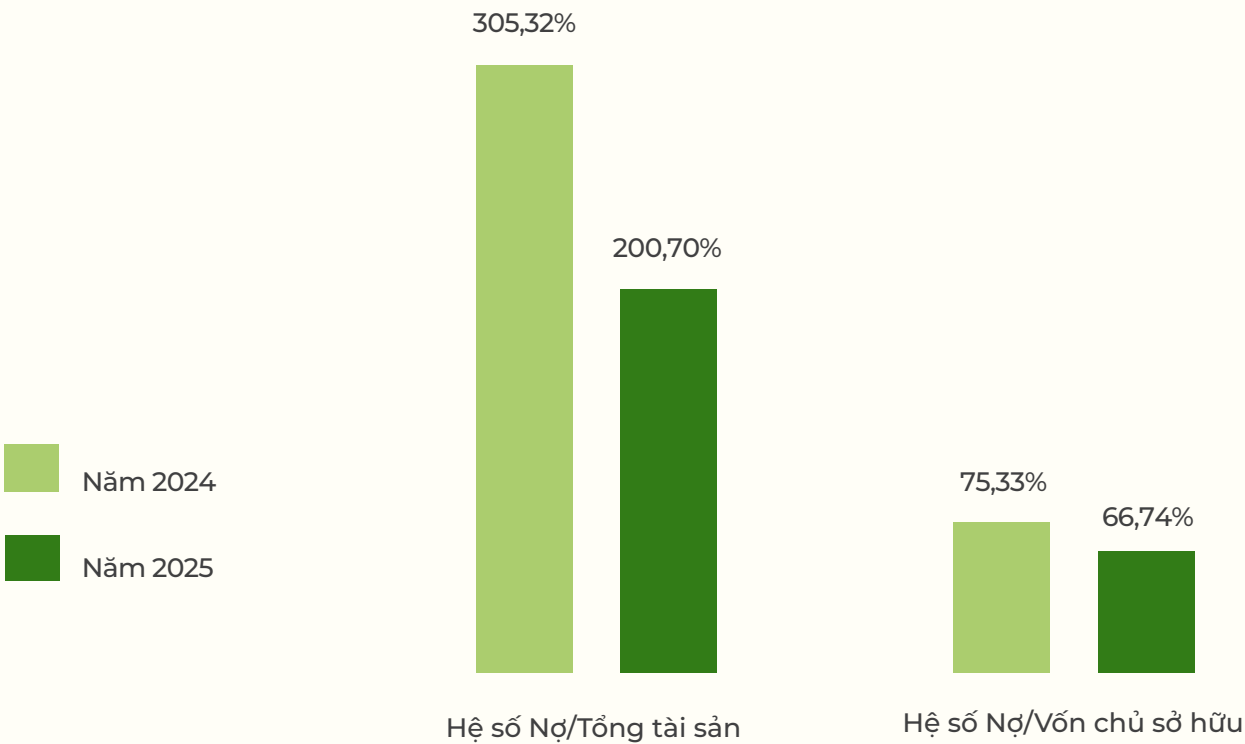
Trong khi đó, nợ ngắn hạn của ANTESCO tăng từ 736.624 triệu đồng lên 807.453 triệu đồng, tương đương với tốc độ tăng 4,03%so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty gia tăng lượng thu mua nguyên vật liệu và số lượng nhân công để đáp ứng các đơn đặt hàng lớn, khiến cho các khoản mục phải trả người bán và phải trả người lao động lần lượt tăng 9,62% và 20,09% so với cùng kỳ.

Sự chênh lệch trong tốc độ tăng lên giữa tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đã khiến cho các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2025 tăng lên đáng kể, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt đạt 1,20 và 0,92, tương ứng tăng 0,17 và 0,33 đơn vị so với năm 2024.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Do đặc thù trong lĩnh vực sản xuất, chế biến và rau củ quả và các sản phẩm từ rau củ quả và mục tiêu nâng cao sản lượng sản xuất và mở rộng thị phần kinh doanh, nhu cầu nguồn vốn của Công ty ngày càng gia tăng, đặc biệt là đối với nguồn vốn vay ngắn hạn, Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang tiếp tục duy trì chiến lược sử dụng đòn bẩy tài chính hợp lý để thúc đẩy đà tăng trưởng. Mặc dù hệ số chỉ tiêu về cơ cấu vốn của ANTESCO vẫn ở mức tương đối cao, nhưng xu hướng đã giảm dần so với năm 2024 nhờ lợi nhuận giữ lại tăng trưởng mạnh mẽ, góp phần củng cố đáng kể nền tảng vốn chủ sở hữu.

Nhờ các đợt phát hành cổ phiếu thành công, kết hợp với kết quả kinh doanh đột phá, vốn chủ sở hữu của Công ty đã đạt 477.741 triệu đồng, tăng 58,26% so với đầu năm. Những thay đổi này không chỉ giúp tối ưu hóa cấu trúc tài chính, giảm dần mức độ phụ thuộc vào nợ vay mà còn tạo nền tảng vốn vững chắc, nâng cao khả năng chống chịu rủi ro và mở rộng đầu tư trong tương lai của ANTESCO.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang ghi nhận hiệu quả hoạt động vượt trội so với năm trước.

Cụ thể, giá vốn hàng bán của ANTESCO tăng từ 1.060.377 triệu đồng lên 1.349.972 triệu đồng, tương đương 27,31%. Trong khi đó, nhờ vào nhu cầu tiêu thụ tăng lên của thị trường và sự chủ động tìm kiếm khách hàng mới, lượng hàng tồn kho của Công ty giảm từ 322.996 triệu đồng còn 219.194 triệu đồng, tương đương -32,14%. Từ các yếu tố trên, vòng quay hàng tồn kho của ANTESCO trong năm 2025 đạt 4,98 vòng, sự tăng trưởng này cho thấy quy trình quản lý kho bãi đã trở nên khoa học hơn, tốc độ luân chuyển hàng hóa nhanh chóng và chuỗi cung ứng được tối ưu hóa toàn diện từ khâu thu mua đến thành phẩm.

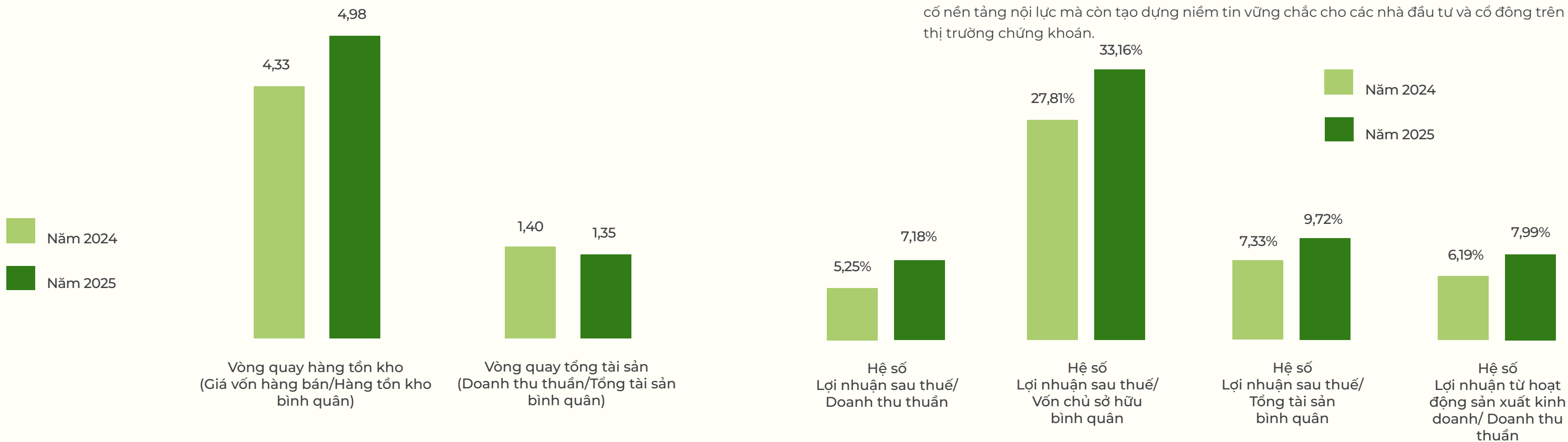
Trong khi đó, do sự tăng trưởng tương đối đồng đều của tổng tài sản và doanh thu nên vòng quay tổng tài sản của Công ty trong năm 2025 đạt 1,35 vòng, tương đương so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2025 đánh dấu bước ngoặt lịch sử của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang với những con số tăng trưởng vượt bậc. Theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán, doanh thu thuần đạt 1.800.824 triệu tỷ đồng, tăng 28,19% so với năm 2024. Song song với mức tăng trưởng doanh thu, các chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty cũng đạt được nhiều cột mốc lớn, cụ thể: lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chạm mốc 143.715 triệu đồng (tăng 65,19%), lợi nhuận sau thuế ghi nhận con số kỷ lục 129.244 triệu đồng (tăng 75,38%) – đồng thời là mức lợi nhuận cao nhất trong lịch sử hình thành và phát triển của Công ty.

Nhờ vậy, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của ANTESCO trong năm 2025 đều ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ, là minh chứng rõ nét cho năng lực quản trị vốn xuất sắc của Ban Điều hành. Cụ thể, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đã tăng ấn tượng từ 27,81% lên 33,16%. Đây là mức sinh lời vượt trội so với mức trung bình của ngành chế biến nông sản (thường dao động trong khoảng 15-20%), khẳng định vị thế dẫn đầu của doanh nghiệp về hiệu quả hoạt động. Bên cạnh đó, việc duy trì và nâng cao mức ROE trong bối cảnh vốn chủ sở hữu tăng vọt cho thấy Công ty đang khai thác nguồn lực từ cổ đông một cách cực kỳ hiệu quả, tạo ra giá trị thặng dư tối ưu.

Đồng thời, tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) cũng có sự cải thiện đáng kể, tăng từ 7,33% lên 9,72%. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh lần lượt đạt 7,18% và 7,99%. Những chỉ số tài chính tích cực này không chỉ củng cố nền tảng nội lực mà còn tạo dựng niềm tin vững chắc cho các nhà đầu tư và cổ đông trên thị trường chứng khoán.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 183.998.230.000 đồng lên 240.037.080.000 đồng, thông qua các đợt tăng vốn điều lệ theo các hình thức: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Giao dịch cổ phiếu quỹ Không có

Các chứng khoán khác Không có

Cổ phần



Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 24.003.708 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 24.003.708 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 20.263.708 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 3.740.000 cổ phiếu



Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông



Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày 23/03/2026

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	0	0	0%
II	Cổ đông trong nước	23.972.716	239.727.160.000	99,87%
1	Cá nhân	9.826.930	98.269.300.000	40,94%
2	Tổ chức	14.145.786	141.457.860.000	58,93%
III	Cổ đông nước ngoài	30.992	309.920.000	%
1	Cá nhân	30.992	309.920.000	0,13%
2	Tổ chức	0	0	0%
Tổng cộng (II+III)		24.003.708	240.037.080.000	100%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Ylang Holdings	8.559.999	85.599.990.000	35,66%
2	Cty TNHH Soybean	3.782.350	37.823.500.000	15,76%
3	Công ty TNHH Passion Fruit	1.608.827	16.088.270.000	6,70%
Tổng cộng		13.951.176	139.511.760.000	58,12%

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường

- ▶ **Hoạt động sản xuất của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực chế biến rau quả đông lạnh và đóng hộp, có các tác động môi trường chính gồm**
 - Phát thải khí nhà kính từ tiêu thụ năng lượng (điện, nhiên liệu lò hơi, môi chất lạnh)
 - Phát sinh nước thải từ quá trình sơ chế, rửa nguyên liệu, rửa thiết bị
 - Chất thải rắn hữu cơ (phụ phẩm nông sản, vỏ trái cây)
- ▶ **Công ty đã triển khai kiểm kê phát thải khí nhà kính theo ISO 14064-1 và bước đầu đánh giá dấu chân carbon sản phẩm xoài, khóm, đậu nành rau theo ISO 14067**
- ▶ **Định hướng giảm tác động**
 - Tối ưu hóa vận hành năng lượng
 - Tăng tỷ lệ tái sử dụng phụ phẩm (sản xuất phân bón hữu cơ)
 - Duy trì kiểm soát hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- ▶ **Nguồn nguyên liệu chính: bắp non, xoài, khóm, đậu nành rau, thanh long... từ các vùng trồng liên kết tại ĐBSCL**
- ▶ **Công ty từng bước xây dựng vùng nguyên liệu đạt chuẩn**
 - Global G.A.P
 - Truy xuất nguồn gốc
- ▶ **Định hướng**
 - Phát triển mô hình nông nghiệp bền vững (giảm phân bón hóa học, tăng hữu cơ)
 - Kiểm soát phát thải từ nguyên liệu, bao bì, vận chuyển (Scope 3)
- ▶ **Thành lập đơn vị chuyên trách (ANTAGRI) để quản lý vùng trồng và chuỗi cung ứng bền vững**

Tiêu thụ năng lượng

- ▶ **Các nguồn năng lượng sử dụng**
 - Điện lưới
 - Điện mặt trời áp mái
 - Nhiên liệu sinh khối (trấu, viên nén)
 - Dầu DO (dự phòng)
- ▶ **Định hướng giảm tác động**
 - Tận dụng tối đa diện tích mái để lắp điện mặt trời
 - Chuyển đổi dần sang nhiên liệu sinh khối
- ▶ **Định hướng**
 - Tối ưu hệ thống lạnh IQF
 - Giảm tiêu hao điện/kWh trên đơn vị sản phẩm
 - Giảm phát thải Scope 1 & 2

Tiêu thụ nước

- ▶ **Nước sử dụng chủ yếu cho**
 - Rửa nguyên liệu
 - Vệ sinh thiết bị
- ▶ **Biện pháp kiểm soát**
 - Tái sử dụng nước ở các công đoạn phù hợp
 - Giám sát định mức nước theo từng dây chuyền
- ▶ **Định hướng**
 - Giảm tiêu hao nước/kg sản phẩm
 - Tối ưu hệ thống xử lý nước thải

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- ▶ **Công ty tuân thủ đầy đủ**
 - Báo cáo ĐTM (Đánh giá tác động môi trường)
 - Giấy phép xả thải
 - Quy chuẩn QCVN về nước thải, khí thải
- ▶ **Không ghi nhận vi phạm nghiêm trọng về môi trường trong năm**
- ▶ **Định hướng**
 - Áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
 - Chuẩn hóa hệ thống theo yêu cầu khách hàng quốc tế (BRC, FSMA...)

Chính sách liên quan đến người lao động

- ▶ **Công ty đảm bảo**
 - Ký hợp đồng lao động theo quy định
 - Tham gia đầy đủ BHXH, BHYT
- ▶ **Chính sách**
 - Đào tạo an toàn lao động (ISO 45001)
 - Cải thiện điều kiện làm việc trong môi trường lạnh
- ▶ **Định hướng**
 - Nâng cao phúc lợi cho lao động mùa vụ
 - Tăng năng suất lao động gắn với thu nhập

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- ▶ **Tạo việc làm cho lao động địa phương (đặc biệt khu vực Tỉnh An Giang)**
- ▶ **Hỗ trợ nông dân**
 - Kỹ thuật canh tác
 - Bao tiêu sản phẩm
- ▶ **Định hướng**
 - Hỗ trợ an sinh xã hội
 - Tham gia chương trình phát triển nông nghiệp bền vững

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

- ▶ **Công ty đã**
 - Bắt đầu xây dựng hệ thống quản trị ESG theo chuẩn quốc tế (GRI, ISO)
 - Thực hiện kiểm kê khí nhà kính (ISO 14064-1)
- ▶ **Định hướng**
 - Công bố báo cáo ESG định kỳ
 - Tích hợp ESG vào chiến lược phát triển
- ▶ **Nâng cao minh bạch thông tin với nhà đầu tư**
- ▶ **Hướng tới**
 - Tiếp cận các nguồn vốn xanh
 - Nâng cao uy tín trên thị trường xuất khẩu

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Phát triển bền vững

1

TẦM NHÌN VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Năm 2025 đánh dấu bước ngoặt quan trọng của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang trong hành trình hiện thực hóa trách nhiệm với môi trường và xã hội. Công ty đã chính thức triển khai hệ thống quản trị ESG toàn diện, hoàn thành thiết lập baseline phát thải khí nhà kính theo tiêu chuẩn ISO 14064-1 và bước đầu đánh giá dấu chân carbon sản phẩm (CFP) theo ISO 14067. Đây không chỉ là những con số, mà là nền tảng vững chắc để Công ty tự tin theo đuổi lộ trình: Trung hòa carbon vào năm 2035 và tiến tới Net Zero vào năm 2040.



2

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VÀ QUẢN TRỊ ESG

Tại ANTESCO, ESG không phải là một khẩu hiệu xa vời mà được chuyển hóa sâu sắc vào văn hóa doanh nghiệp. Với đặc thù sản xuất liên tục trong môi trường lạnh, Công ty xây dựng giá trị cốt lõi dựa trên kỷ luật sản xuất nghiêm ngặt và tư duy “Chất lượng là uy tín, là sự tồn tại và phát triển”. Công ty đang nỗ lực chuyển đổi từ “nhận thức” sang “ý thức” trong toàn hệ thống, nơi mỗi thao tác và trách nhiệm của người lao động đều gắn liền với mục tiêu cải tiến vận hành và phát triển bền vững.

3

NHỮNG DẤU ẤN NỔI BẬT TRONG NĂM 2025

Trong năm qua, chiến lược ESG đã mang lại những kết quả trên cả ba trụ cột:

► Môi trường (E)

Bên cạnh việc chuẩn hóa kiểm kê khí nhà kính và đánh giá CFP cho sản phẩm chủ lực, Công ty đã quyết liệt tối ưu hóa nguồn năng lượng thông qua sử dụng điện mặt trời và nhiên liệu sinh khối. Đặc biệt, định hướng xử lý phụ phẩm hữu cơ thành phân bón đang mở ra hướng đi mới cho nền kinh tế tuần hoàn.

► Xã hội (S)

Công ty cam kết tạo dựng một môi trường làm việc nhân văn, nơi lao động địa phương được đảm bảo đầy đủ chế độ bảo hiểm và phúc lợi. Việc chú trọng đào tạo an toàn, cải thiện điều kiện làm việc trong môi trường lạnh và giảm phụ thuộc vào lao động thủ công đã giúp nâng cao năng suất và ổn định đội ngũ.

► Quản trị (G)

Hệ thống quản trị ESG cấp Công ty đã được thiết lập và chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn quốc tế, giúp tăng cường tính minh bạch dữ liệu, củng cố niềm tin tuyệt đối với khách hàng và các nhà đầu tư.

4

LỘ TRÌNH GIẢM PHÁT THẢI

Lộ trình giảm phát thải của Công ty được hoạch định khoa học với mục tiêu:

- Giảm 60% phát thải từ các cải tiến nội bộ (hệ thống lạnh, năng lượng và xử lý chất thải).
- Bù đắp 40% còn lại thông qua cơ chế hấp thụ carbon nội bộ từ các vùng trồng, nông nghiệp tái sinh và tín chỉ carbon.

Tại ANTESCO, ESG không phải là chi phí, mà là khoản đầu tư cho tương lai. Bằng việc gắn kết ESG vào từng hoạt động vận hành thực tế, Công ty đang không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất, tối ưu chi phí và bồi đắp năng lực cạnh tranh dài hạn trên thị trường quốc tế.

03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- ◀ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- ◀ Tình hình tài chính
- ◀ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- ◀ Kế hoạch phát triển trong tương lai
- ◀ Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- ◀ Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	ĐVT	TH 2025	TH 2025/ TH 2024	TH 2025/ KH 2025
Sản lượng sản xuất	Tấn	44.879	117,83%	128,92%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	40.895	103,52%	112,84%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.800	128,19%	116,12%
<i>Kim ngạch xuất khẩu</i>	<i>Triệu USD</i>	<i>61,371</i>	<i>113,21%</i>	<i>134,84%</i>
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.350	127,36%	117,80%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	149	169,77%	175,76%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	129	175,38%	190,11%

Nhận xét

- ▶ Tổng sản lượng sản xuất 44.879 tấn, đạt 128,92% so với kế hoạch năm 2025 và tăng 17,83% so với cùng kỳ.
- ▶ Tổng sản lượng tiêu thụ 40,895 tấn, đạt 112,84% so với kế hoạch năm 2025 và tăng 3,52% so với cùng kỳ.
- ▶ Tổng doanh thu 1.800 tỷ đồng, đạt 116,12% so với kế hoạch năm 2025 và tăng 28,19% so với cùng kỳ.
Trong đó, tổng kim ngạch xuất khẩu 61,371 triệu USD, đạt 134,84% so với kế hoạch năm 2025 và tăng 13,21% so với cùng kỳ.
- ▶ Tổng lợi nhuận sau thuế 129 tỷ đồng, đạt 190,11% so với kế hoạch năm 2025 và tăng 75,38% so với cùng kỳ.



ĐẠT ĐƯỢC

Trong năm qua, Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang đã ghi nhận bước tiến đột phá trong công tác hiện đại hóa hạ tầng sản xuất. Cụ thể, sự chủ động trong việc kiểm soát nguồn cung là một điểm sáng tiêu biểu trong năm qua. Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch thu mua, đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào kịp thời cho sản xuất, trong đó diện tích vùng trồng ... ghi nhận mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2024. Đặc biệt, chiến lược xây dựng vùng nguyên liệu đạt chuẩn Global G.A.P đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình từ các hộ nông dân, hợp tác xã và chính quyền địa phương. Sự đồng lòng này không chỉ giúp đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường thế giới mà còn khẳng định cam kết của ANTESCO trong việc thúc đẩy một nền nông nghiệp xanh, bền vững và có trách nhiệm.

Về mặt kỹ thuật sản xuất, việc hoàn thành các dự án ..., cùng nỗ lực đầu tư đồng bộ máy móc thiết bị tại các nhà máy Bình Long và Bình Khánh đã mang lại hiệu quả vận hành vượt trội. Những cải tiến này không chỉ giúp chất lượng được duy trì đồng nhất từ khâu nhập nguyên vật liệu cho đến khâu sản xuất sản phẩm cuối cùng, mà còn trực tiếp giảm thiểu sức lao động, tối ưu hóa chi phí nhân công và đẩy mạnh năng suất sản xuất. Hiện nay, hệ thống các nhà máy đều đang vận hành tối đa công suất thiết kế với hiệu suất lao động không ngừng tăng trưởng, tạo nền tảng vững chắc để đáp ứng các đơn hàng quy mô lớn từ thị trường quốc tế.

Song song đó, hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ với những kết quả ấn tượng trên bản đồ xuất khẩu toàn cầu. Thương hiệu ANTESCO ngày càng khẳng định được uy tín và giá trị lớn, góp phần thúc đẩy sản lượng và doanh thu năm 2025 tăng trưởng vượt bậc so với cùng kỳ. Bên cạnh việc giữ vững các thị trường truyền thống, Công ty đã thành công trong việc khai phá và phát triển hàng loạt khách hàng mới tại khu vực Châu Âu, Mỹ và đặc biệt là sự trỗi dậy đầy tiềm năng của thị trường Châu Á. Các hoạt động xúc tiến thương mại quốc tế được triển khai bài bản, chuyên nghiệp và đạt chất lượng cao đã giúp ANTESCO kết nối sâu rộng hơn vào chuỗi giá trị nông sản toàn cầu.

CHƯA ĐẠT ĐƯỢC

Trong năm qua, hoạt động sản xuất của Công ty đôi lúc còn gặp khó khăn do sự thiếu ổn định của nguồn nguyên liệu đầu vào. Những tác động bất lợi từ thời tiết cùng với tình trạng cạnh tranh thu mua gay gắt giữa các doanh nghiệp cùng ngành đã dẫn đến những thời điểm thiếu hụt nguyên liệu tại địa phương. Điều này không chỉ gây gián đoạn kế hoạch sản xuất mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến việc đảm bảo đủ việc làm thường xuyên cho người lao động.

Mặc dù mảng xuất khẩu ghi nhận nhiều kết quả khả quan, song năng lực khai thác thị trường nội địa của bộ phận kinh doanh vẫn còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng hiện có của doanh nghiệp. Danh mục sản phẩm của Công ty vẫn đang trong quá trình đa dạng hóa với mục tiêu là khai thác hiệu quả phân khúc hàng đông lạnh IQF và nước ép. Trong thời gian tới, ANTESCO sẽ nhanh chóng thâm nhập vào các phân khúc mới này, hướng đến việc mở rộng thị trường và tầm ảnh hưởng của thương hiệu ANTESCO tại thị trường trong nước cũng như quốc tế.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

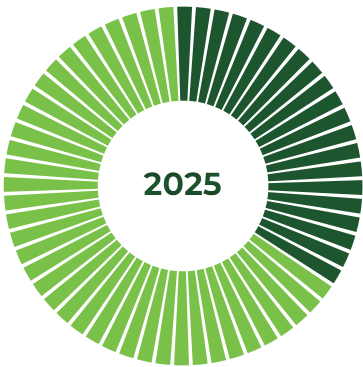
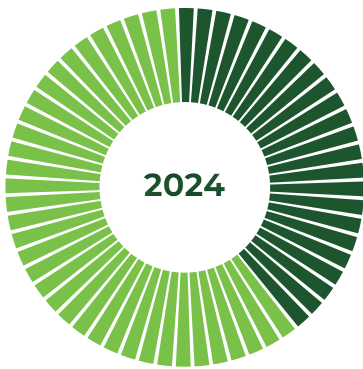
Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	2025/2024	Tỷ trọng năm 2024	Tỷ trọng năm 2025
Tài sản ngắn hạn	760.446	965.124	126,92%	62,15%	67,18%
Tài sản dài hạn	463.110	471.443	101,80%	37,85%	32,82%
Tổng tài sản	1.223.556	1.436.568	117,41%	100%	100%

Tổng tài sản của ANT ghi nhận mức tăng trưởng tích cực trong năm 2025, đạt 1.436.568 triệu đồng, tăng 17,41% so với năm 2024. Mức tăng trưởng này phản ánh sự mở rộng quy mô hoạt động hiệu quả của Công ty, đặc biệt trong bối cảnh ngành chế biến rau quả xuất khẩu đang hưởng lợi lớn từ nhu cầu thị trường quốc tế ổn định. Bên cạnh đó, với mục tiêu hướng đến doanh nghiệp hàng đầu trong ngành chế biến và xuất khẩu rau quả, ANTESCO đang từng bước mở rộng quy mô kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp thông qua việc đầu tư vào ...

Cơ cấu tài sản của ANT có sự dịch chuyển rõ rệt theo hướng ưu tiên tính thanh khoản. Tài sản ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ đạo và tăng mạnh, đạt 965.124 triệu đồng (chiếm 67,18% tổng tài sản), với mức tăng trưởng ấn tượng 26,92% so với năm trước. Ngược lại, tài sản dài hạn chỉ tăng nhẹ 1,80%, đạt 471.443 triệu đồng, khiến tỷ trọng khoản mục này giảm từ 37,85% xuống còn 32,82%. Nguyên nhân chủ yếu cho sự thay đổi này đến sự nguồn vốn được huy động thông qua hình thức chào báo riêng lẻ vừa kết thúc vào cuối tháng 10/2025, khiến cho khoản tiền mặt của Công ty được tăng lên đáng kể.

Bên cạnh đó, tài sản cố định hữu hình của ANT ghi nhận mức tăng trưởng ổn định với giá trị còn lại cuối kỳ đạt hơn 401.150 triệu đồng, tăng khoảng 10,70% so với cuối năm 2024. Trong năm 2025, ANTESCO đã thực hiện các gói đầu tư/mua sắm máy móc thiết bị mới phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh như Đây là bước đi chiến lược nhằm mở rộng quy mô sản xuất và nâng cấp công nghệ chế biến, giúp sản phẩm của Công ty đạt được các tiêu chuẩn quốc tế khắt khe của các thị trường xuất khẩu lớn.



Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn

► **1.436.568** Triệu đồng **↑ 17,41%**
tổng tài sản so với năm 2024

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

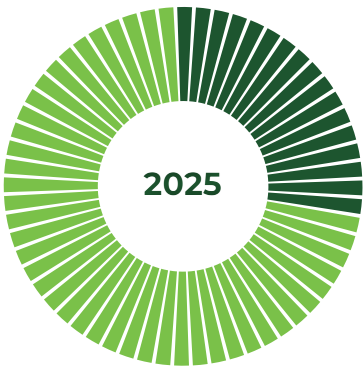
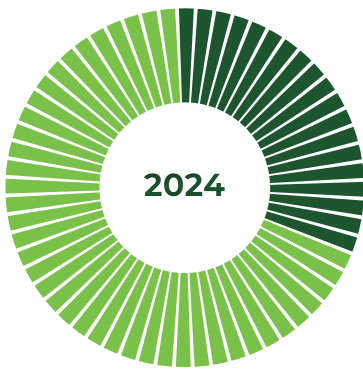
Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	2025/2024	Tỷ trọng năm 2024	Tỷ trọng năm 2025
Nợ ngắn hạn	736.624	807.454	109,62%	79,92%	84,21%
Nợ dài hạn	185.056	151.373	81,80%	20,08%	15,79%
Tổng nợ phải trả	921.680	958.827	104,03%	100%	100%

Tổng giá trị nợ phải trả của ANTESCO tính đến cuối năm 2025 đạt 958.827 triệu đồng, tăng nhẹ 4,03% so với năm 2024. Mức tăng này thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng của tổng tài sản. Điều này cho thấy rủi ro tài chính và công tác huy động vốn vay của Công ty đang được kiểm soát một cách ổn định.

Trong cấu trúc nợ phải trả của ANTESCO, cơ cấu nợ phải trả phản ánh rõ nét đặc thù vận hành của một doanh nghiệp đầu ngành chế biến nông sản. Tính đến cuối kỳ báo cáo, nợ ngắn hạn ghi nhận mức tăng mạnh 79,92% so với năm 2024, đạt con số 807,454 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng áp đảo 84,21% trong tổng dư nợ. Sự gia tăng này là hệ quả tất yếu từ nhu cầu vốn lưu động dồi dào để phục vụ chiến lược thu mua nguyên liệu tập trung, giúp Công ty chủ động nguồn cung và tối ưu hóa chi phí sản xuất đầu vào.

Ngược lại, nợ dài hạn cho thấy sự chuyển biến tích cực khi giảm đáng kể 18,2%, xuống còn 151,373 tỷ đồng. Việc chủ động tắt toán các khoản nợ dài hạn không chỉ giúp ANTESCO tối ưu hóa cấu trúc vốn mà còn trực tiếp giảm bớt áp lực chi phí lãi vay trong dài hạn. Sự dịch chuyển này chứng minh năng lực quản trị dòng tiền linh hoạt của Ban Lãnh đạo Công ty, vừa đảm bảo nguồn lực cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trọng điểm, vừa gia tăng tính tự chủ và an toàn tài chính cho doanh nghiệp trước những biến động của thị trường vốn.

Do đặc thù của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất – chế biến nông sản, ANTESCO thường có nhu cầu cao về nguồn vốn lưu động, dẫn đến nợ ngắn hạn của Công ty thường duy trì tỷ trọng cao trong cơ cấu nợ phải trả. Tuy nhiên, với mục tiêu quản trị tốt rủi ro tài chính, ANTESCO dự kiến sẽ ưu tiên sử dụng nguồn vốn tự có và lợi nhuận giữ lại để tài trợ cho kế hoạch mở rộng quy mô trong thời gian sắp tới.



Nợ ngắn hạn
Nợ dài hạn

► **958.827** Triệu đồng **↑ 4,03%**
tổng nợ phải trả so với năm 2024

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

ANTESCO luôn xác định sự phát triển của doanh nghiệp phải gắn liền với lợi ích chung của xã hội. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước, đồng thời đảm bảo mọi quyền lợi và phúc lợi tốt nhất cho người lao động. Không dừng lại ở mục tiêu kinh tế, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng luôn được nêu cao thông qua việc tham gia tích cực vào các hoạt động an sinh xã hội tại địa phương. Những nỗ lực này không chỉ góp phần đem lại giá trị tối đa cho các nhà đầu tư mà còn xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp nhân văn, đóng góp thiết thực vào sự ổn định và phồn vinh của xã hội.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh: ANTESCO không ngừng đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển để tạo ra những sản phẩm đạt chất lượng cao nhất, đặt ưu tiên hàng đầu vào sức khỏe người tiêu dùng. Đây chính là nền tảng để khẳng định vị thế uy tín của thương hiệu trên cả thị trường nội địa lẫn quốc tế. Bên cạnh việc duy trì sức mạnh của các mặt hàng truyền thống như rau củ quả đóng hộp, Công ty đang tập trung nguồn lực đẩy mạnh quảng bá các dòng sản phẩm chiến lược như hàng cấp đông nhanh (IQF) và nước ép trái cây. Sự đa dạng hóa này không chỉ đáp ứng xu hướng tiêu dùng hiện đại mà còn giúp ANTESCO mở rộng thị phần và gia tăng giá trị thương hiệu toàn cầu.

Về mặt quản trị nhân sự: Ban Lãnh đạo Công ty thường xuyên thực hiện việc rà soát, cập nhật và điều chỉnh các quy trình, chính sách kinh doanh theo diễn biến cung cầu của thị trường. Những cải tiến này không chỉ giúp tối ưu hóa chi phí vận hành mà còn tạo ra một bộ máy điều hành linh hoạt, nhạy bén. Trong những năm gần đây, ANTESCO đã mạnh dạn điều động, bổ nhiệm đội ngũ quản lý trẻ, năng động vào các vị trí then chốt. Sự chuyển dịch này nhằm đáp ứng kịp thời tốc độ phát triển nhanh chóng của Công ty, đồng thời thổi luồng gió mới vào văn hóa làm việc sáng tạo và tiến bộ.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu trong năm 2026

STT	Chỉ tiêu	TH 2025	KH 2026	KH 2026/TH 2025
1	Tổng doanh thu	1.800	2.000	111,11%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	129	140	108,32%

ĐỊNH HƯỚNG

Về hoạt động kinh doanh, Công ty kiên định với mục tiêu đa phương hóa thị trường. Bên cạnh việc duy trì thị phần tại các thị trường truyền thống như Bắc Mỹ và Châu Âu, chúng tôi sẽ tập trung nguồn lực để bứt phá tại Châu Á và Châu Úc. Đồng thời, các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ quốc tế và tiếp xúc song phương sẽ được đẩy mạnh để khai phá tiềm năng tại Nga, Trung Quốc và khu vực Trung Đông.

Nhằm đáp ứng thị hiếu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng toàn cầu, Công ty sẽ tăng cường nghiên cứu xu hướng thị trường để đa dạng hóa các dòng sản phẩm OEM, OBM, cải tiến ngành hàng và quy cách đóng gói. Đặc biệt, chiến lược phát triển sản phẩm mang thương hiệu riêng sẽ được ưu tiên đầu tư để khẳng định bản sắc doanh nghiệp. Trong danh mục sản phẩm chiến lược, Công ty tập trung nghiên cứu và triển khai phương án kinh doanh đột phá cho mặt hàng sầu riêng, kỳ vọng sẽ tạo nên lợi thế cạnh tranh mới và đóng góp tích cực vào tăng trưởng doanh thu trong năm 2026.

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 của Công ty Rau quả Thực phẩm An Giang. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Song hành với mục tiêu mở rộng quy mô kinh doanh và nâng cao năng lực sản xuất, Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang luôn xác định bảo vệ môi trường là một phần không thể tách rời trong chiến lược phát triển bền vững. Trong suốt thời gian qua, Công ty đã không ngừng nỗ lực cải tiến quy trình vận hành và đầu tư nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị hiện đại. Trọng tâm của các cải tiến này hướng tới việc tối ưu hóa hiệu suất sử dụng, giảm thiểu tiêu thụ năng lượng và cắt giảm phát thải, qua đó đóng góp thiết thực vào nỗ lực chung của cộng đồng trong việc bảo vệ hệ sinh thái.

Tuân thủ nghiêm túc chủ trương của Chính phủ Việt Nam và các cam kết quốc tế về phát triển xanh, Công ty đã tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ đối với các chỉ tiêu vận hành cốt lõi. Công tác quản lý nguồn nước, tiết kiệm điện năng, đảm bảo an toàn lao động và đặc biệt là an toàn vệ sinh thực phẩm được thực hiện một cách chặt chẽ và khoa học.

Việc hoàn thiện hệ thống sản xuất theo tiêu chuẩn xanh không chỉ giúp ANTESCO tối ưu hóa bài toán kinh tế mà còn giúp sản phẩm của Công ty vượt qua các hàng rào kỹ thuật và đáp ứng những yêu cầu khắt khe nhất về tiêu chuẩn môi trường từ các thị trường quốc tế khó tính.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Với tư duy quản trị lấy con người làm trung tâm, Công ty không ngừng xây dựng và hoàn thiện các chính sách đào tạo, phúc lợi toàn diện. Đây không chỉ là cam kết về mặt trách nhiệm mà còn là chiến lược tạo dựng lợi thế cạnh tranh bền vững, giúp mỗi cá nhân không chỉ có cơ hội học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn mà còn được hưởng thụ những thành quả lao động xứng đáng, đảm bảo một cuộc sống ổn định và thịnh vượng.

Công tác đào tạo tại Công ty được triển khai bài bản thông qua các chương trình huấn luyện chuyên sâu, bám sát thực tế công việc. Việc trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ không chỉ giúp người lao động tự tin làm chủ công nghệ mà còn gia tăng hiệu quả đóng góp vào chuỗi giá trị chung. Bên cạnh đó, hệ thống đãi ngộ của Công ty được thiết kế dựa trên nguyên tắc công bằng và cạnh tranh. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm, trợ cấp và xây dựng cơ chế thưởng linh hoạt theo hiệu quả công việc.

Bên cạnh các giá trị vật chất, Công ty đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng một môi trường làm việc nhân văn, thân thiện và năng động. Các hoạt động chăm sóc đời sống tinh thần và các phong trào gắn kết tập thể thường xuyên được tổ chức, tạo không gian để nhân viên giao lưu, chia sẻ và thấu hiểu.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Tại Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang, trách nhiệm đối với cộng đồng được cụ thể hóa bằng cam kết cao nhất về chất lượng sản phẩm và an toàn sức khỏe người tiêu dùng. Mỗi sản phẩm mang thương hiệu ANTESCO trước khi đến tay khách hàng đều trải qua quá trình nghiên cứu thị trường chuyên sâu và quy trình kiểm soát chất lượng đầu ra nghiêm ngặt. Việc tuân thủ và đạt được các chứng nhận quốc tế uy tín như ISO, HALAL, GlobalG.A.P... không chỉ là minh chứng cho năng lực sản xuất hiện đại mà còn là lời khẳng định về đạo đức kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, ANTESCO luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm xã hội thông qua những hành động thiết thực. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Ban Lãnh đạo, tập thể người lao động tại các phòng ban đã đồng lòng tham gia tích cực vào các chương trình hỗ trợ an sinh xã hội tại địa phương. Từ việc giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn đến việc đóng góp vào hạ tầng cộng đồng. Những nỗ lực này không chỉ góp phần làm đẹp thêm hình ảnh doanh nghiệp trong lòng công chúng mà còn tạo ra những giá trị cộng hưởng tích cực, thúc đẩy sự phát triển bền vững và thịnh vượng chung cho xã hội.



04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- ◀ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- ◀ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- ◀ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thực hiện kế hoạch năm 2025

Trích xuất từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, kết quả kinh doanh của Công ty đạt được các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2025	KH 2025	TH 2025/ TH 2024	TH 2025/ KH 2025
Doanh thu thuần	1.404	1.800	1.550	128,19%	116,12%
Tổng lợi nhuận trước thuế	88	149	85	169,77%	175,76%

Đánh giá

Năm 2025 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử hình thành và phát triển của ANTESCO khi Công ty không chỉ hoàn thành mà còn vượt xa các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận đã đề ra. Cụ thể, doanh thu thuần xác lập kỷ lục mới với con số 1.800 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng ấn tượng 28,19% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức doanh thu cao nhất từ trước đến nay, khẳng định vị thế vững chắc và sức bứt phá mạnh mẽ của thương hiệu trên thị trường nông sản chế biến.

Tương xứng với đà tăng trưởng doanh thu, hiệu quả sinh lời của Công ty cũng ghi nhận sự bùng nổ khi lợi nhuận trước thuế chạm mốc 149 tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng đột phá 69,77% so với năm 2024. Kết quả tài chính khả quan này là minh chứng rõ nét cho năng lực quản trị vận hành xuất sắc và sự nhạy bén của Ban điều hành trong việc thực thi các chiến lược kinh doanh linh hoạt. Việc tối ưu hóa quy trình sản xuất kết hợp với các giải pháp thị trường thiết thực đã giúp ANTESCO chuyển hóa hiệu quả các nguồn lực thành giá trị lợi nhuận vượt trội, tạo tiền đề vững chắc cho niềm tin của cổ đông và các nhà đầu tư trong những giai đoạn tiếp theo.

Thù lao, ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký năm 2025

Công tác chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty trong năm 2025 đã được ANTESCO thực hiện một cách nghiêm túc, đảm bảo tính công khai và minh bạch tuyệt đối. Mọi khoản chi trả đều tuân thủ chặt chẽ theo các điều khoản quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, đồng thời bám sát hạn mức đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2025 của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang.



Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2025 của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang, Hội đồng quản trị được ủy quyền lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính trong năm 2025. Theo đó, Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐQT ngày 27/05/2025.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm tài chính 2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc vai trò quản trị, giám sát tối cao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Sau khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị đã liên tục bám sát, định hướng và đưa ra các chỉ đạo chiến lược đối với Ban Tổng Giám đốc. Mục tiêu trọng tâm là đảm bảo mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh đều nhất quán với các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết sách của Hội đồng quản trị, hướng tới việc tối ưu hóa lợi ích cho cổ đông và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Thông qua các phiên họp Hội đồng quản trị chính thức, các cuộc họp chuyên đề bổ sung cũng như hệ thống báo cáo điện tử và trao đổi trực tiếp, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tiến độ thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được phê duyệt. Quy trình giám sát này không chỉ dừng lại ở việc kiểm tra tính tuân thủ mà còn tập trung vào việc đánh giá hiệu quả thực thi các chỉ tiêu tài chính và vận hành trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

Sự phối hợp chặt chẽ và nhịp nhàng giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc là nhân tố then chốt giúp ANTESCO duy trì sự ổn định, vượt qua các thách thức khách quan và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra cho năm 2025.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hướng tới mục tiêu chiến lược trở thành Top 3 doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu rau quả hàng đầu khu vực Đông Nam Á, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang xác định việc nâng cao năng lực quản trị và điều hành là nhân tố quyết định. Trong năm 2026, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục thực hiện việc phân công và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, phát huy tối đa trình độ chuyên môn cao và khả năng nhạy bén trong việc nắm bắt diễn biến thị trường. Mọi hoạt động điều hành toàn diện sẽ được thực thi trên nguyên tắc tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành, cũng như bám sát các Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Song song với vai trò định hướng, Hội đồng quản trị cam kết duy trì cơ chế giám sát chặt chẽ và thường xuyên đối với mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc. Sự giám sát này không chỉ dừng lại ở việc kiểm soát tính tuân thủ mà còn tập trung vào việc hỗ trợ kịp thời, tháo gỡ các nút thắt vận hành để đảm bảo hiệu quả điều hành cao nhất. Hội đồng quản trị sẽ đặc biệt chú trọng đến việc kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, coi đây là bộ phận nòng cốt để hiện thực hóa các mục tiêu kinh doanh đầy thách thức của doanh nghiệp.

Với tâm thế chủ động và trách nhiệm cao trước các cổ đông, Hội đồng quản trị khẳng định sẽ luôn đồng hành sát sao cùng đội ngũ điều hành, không ngừng cải tiến quy trình quản trị doanh nghiệp theo các chuẩn mực hiện đại. Sự nhất quán trong tư duy và quyết liệt trong hành động của Hội đồng quản trị chính là nền tảng vững chắc để ANTESCO từng bước chinh phục những cột mốc mới, khẳng định vị thế và uy tín của nông sản Việt Nam trên bản đồ kinh tế khu vực và thế giới.

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY



◀ Hội đồng quản trị

◀ Ban Kiểm soát

◀ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu Hội đồng quản trị

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%
2	Ông Đinh Hùng Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT không điều hành	25.520	0,11%
3	Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	628.983	2,62%
4	Ông Lê Hải Linh	Thành viên HĐQT điều hành	0	0%
5	Ông Nguyễn Phước Hiếu	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%

Danh sách thay đổi Thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2025

Bổ nhiệm

- ▶ Ông Nguyễn Ngọc Bảo tại vị trí Chủ tịch HĐQT vào ngày 15/04/2025
- ▶ Ông Đinh Hùng Dũng tại vị trí Phó Chủ tịch HĐQT vào ngày 15/04/2025
- ▶ Ông Nguyễn Đình Khương tại vị trí Thành viên HĐQT vào ngày 11/04/2025
- ▶ Ông Lê Hải Linh tại vị trí Thành viên HĐQT vào ngày 11/04/2025
- ▶ Ông Nguyễn Phước Hiếu tại vị trí Thành viên HĐQT vào ngày 11/04/2025

Miễn nhiệm

- ▶ Ông Đinh Hùng Dũng tại vị trí Chủ tịch HĐQT vào ngày 15/04/2025
- ▶ Ông Bùi Ngọc Duy tại vị trí Thành viên HĐQT vào ngày 11/04/2025
- ▶ Ông Trương Văn Nhân tại vị trí Thành viên HĐQT vào ngày 11/04/2025
- ▶ Ông Nguyễn Đình Khương tại vị trí Thành viên HĐQT vào ngày 04/11/2025

Lý lịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bảo Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh : 1963
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ : 32 Lô C1, KĐT Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Kinh tế (Đại học Kinh tế tại Học viện Ngân hàng)

Quá trình công tác

- 1983 : Tốt nghiệp Đại học Kinh tế, vào làm việc ở hệ thống Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 2005 : Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 2011 : Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)
- 2014 : Phó trưởng Ban Kinh Tế Trung ương
- 09/2017 – 2023 : Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
- 10/2019 – nay : Chủ tịch Hội đồng quản lý Viện kinh tế xanh
- 10/2023 – nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Ylang Agri
- 11/2023 – 07/2025 : Chủ tịch HĐQT CTCP Ylang Holdings
- 08/2025 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Ylang Holdings
- 17/04/2024 – 04/2025 : Thành viên HĐQT CTCP Rau quả thực phẩm An Giang
- 04/2025 – nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Rau quả thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Ylang Holdings
- Chủ tịch Hội đồng quản lý Viện kinh tế xanh
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Ylang Agri

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lý lịch Hội đồng quản trị



Đinh Hùng Dũng
Phó Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh : 1967
- Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ : 54/9/4 Đường 36, Phường Linh Đông, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Triết học (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh)

Quá trình công tác

- 1991 – 2003 : Thỉnh giảng các trường Cao đẳng và Đại học tại TP. Hồ Chí Minh
- 2003 – 2010 : Giảng dạy tại Trường Đại học Công nghệ Thực phẩm và Đại học Khoa học Tự nhiên TP. Hồ Chí Minh
- 2005 – 2015 : Phó Giám đốc CTCP Thương mại – Sản xuất – Dịch vụ Gia Thịnh Phát
- 2015 – 2021 : Phó Tổng Giám đốc CTCP Lavifood & Giám đốc CTCP Tanifood
- 08/2019 – nay : Tổng Giám đốc CTCP Lavi Ilmi
- 2021 – nay : Cố vấn cấp cao, Thành viên HĐQT CTCP Ylang Holdings
- 10/2023 - nay : Tổng Giám đốc CTCP Ylang Group
- 04/2022 – 04/2023 : Thành viên HĐQT CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 05/2023 – 04/2025 : Chủ tịch HĐQT CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 04/2025 – nay : Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 08/2025 – nay : Phó Tổng Giám đốc của CTCP Ylang Holdings

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Ylang Holdings
- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lavi Ilmi
- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ylang Group

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 25.520 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ;
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Lê Hải Linh
Thành viên HĐQT

- Năm sinh : 1988
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ : Số 02 Nguyễn Biểu, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Tài chính – chuyên ngành Quản lý Tài sản (Asset Management) (trường University of Nottingham, Nottingham, UK)

Quá trình công tác

- 06/2014 – 06/2016 : Quản lý Rủi Ro Tín Dụng, Ngân hàng Barclays, Anh Quốc (UK)
- 08/2016 – 06/2018 : Trưởng Phòng Tư Vấn Giao Dịch Tài Chính và Tư Vấn Chiến Lược, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- 08/2018 – 02/2025 : Giám đốc Công ty TNHH Thuận Phong Capital
- 08/2024 – 02/2025 : Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Viet Challenge
- 08/2025 – nay : Tổng Giám đốc CTCP Ylang Holdings
- 04/2025 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ylang Holdings

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lý lịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Phước Hiếu
Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh : 1975
Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ : 24 Đường 50, Khu phố 12, Phường Long Trường, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chuyên ngành Cơ khí (Trường Đại học Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh)

Quá trình công tác

- 03/1998 – 11/1999** : Kỹ thuật viên tại Công ty TNHH Mabuchi Motor Vietnam
- 12/1999 – 05/2003** : Kỹ sư trưởng tại Công ty TNHH Nissei Electric Việt Nam, chịu trách nhiệm kỹ thuật và điều phối hoạt động sản xuất kỹ thuật
- 05/2003 – 08/2008** : Phó Giám đốc tại Công ty TNHH Kỹ thuật Thành Nghĩa, phụ trách vai trò quản lý điều hành
- 09/2008 – 07/2017** : Quản lý cấp cao tại Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia
- 08/2017 – nay** : Phó Tổng Giám Đốc tại Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia
- 11/2025 – nay** : Thành viên HĐQT độc lập CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Nguyễn Hoàng Minh
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
(đã trình bày tại Lý lịch Ban Điều hành)



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Ngày 05/08/2025, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐQT về việc thành lập Ban đổi mới trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An giang với số lượng tối thiểu là 02 thành viên để triển khai Chiến lược vận hành toàn diện giai đoạn 2025-2030.

Nghị quyết cũng đã bổ nhiệm Ông Lê Hải Linh, Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Trưởng ban Đổi mới.

Ngày 03/9/2025, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐQT và 42/2025/NQ-HĐQT về việc bổ nhiệm Trưởng nhóm Nhân sự - văn hóa thuộc Ban đổi mới và Thư ký Ban đổi mới.

Hoạt động của Ban đổi mới năm 2025:

► IPO

Dự án chuyển niêm yết cổ phiếu ANT sang Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE), phục vụ mục tiêu nâng cao tính minh bạch, vị thế doanh nghiệp và khả năng tiếp cận nhà đầu tư.

► Thương hiệu & OBM

Triển khai khảo sát và xây dựng chiến lược tái định vị thương hiệu, phục vụ công tác Quan hệ Nhà đầu tư (IR) cho IPO và nâng tầm thương hiệu Công ty theo chiến lược mới; đồng thời khảo sát thị trường làm nền tảng cho chiến lược phát triển sản phẩm OBM (Own Brand Manufacturing).

► Vùng trồng & ESG

Khảo sát và đề xuất định hướng, kế hoạch dài hạn về phát triển vùng trồng gắn với ESG; đồng thời phối hợp tư vấn xây dựng chiến lược ESG dài hạn (05 năm) nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển chuỗi giá trị bền vững.

► Chuyển đổi số

Xây dựng định hướng chiến lược chuyển đổi số, bao gồm kế hoạch triển khai hệ thống ERP mới, hệ thống quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, và ứng dụng công nghệ trong chuỗi cung ứng nông nghiệp.

► Đầu tư mở rộng sản xuất

Khảo sát và xây dựng kế hoạch đầu tư nhà máy mới theo mục tiêu mở rộng và nâng cao công suất sản xuất.

► Tổ chức & Nhân sự

Triển khai xây dựng cơ cấu tổ chức theo chiến lược mới, hệ thống KPI và Hệ thống quản trị tiền lương 3P, làm nền tảng triển khai chiến lược phát triển nhân sự, hướng tới mục tiêu thu hút – phát triển – giữ chân nhân tài, xây dựng đội ngũ lãnh đạo kế thừa và nguồn nhân sự bền vững.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong suốt năm tài chính, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang luôn duy trì chế độ làm việc nghiêm túc thông qua việc tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ và các phiên họp bất thường theo đúng quy định; các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên, cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Ngọc Bảo	40/40	100%	
2	Ông Đinh Hùng Dũng	40/40	100%	
3	Ông Bùi Ngọc Duy	09/09	100%	Miễn nhiệm ngày 11/04/2025
4	Ông Nguyễn Hoàng Minh	40/40	100%	
5	Ông Nguyễn Đình Khương	26/26	100%	Bổ nhiệm từ ngày 11/04/2025; Miễn nhiệm ngày 04/11/2025
6	Ông Lê Hải Linh	31/31	100%	Bổ nhiệm từ ngày 11/04/2025
7	Ông Trương Văn Nhân	09/09	100%	Miễn nhiệm ngày 11/04/2025
8	Ông Nguyễn Phước Hiếu	05/05	100%	Bổ nhiệm từ ngày 04/11/2025



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tổ chức 40 phiên họp, trong đó có ... phiên họp trực tiếp và ... phiên họp được tiến hành thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/NQ-HĐQT	03/01/2025	V/v thông qua chủ trương thực hiện các Hợp đồng/giao dịch giữa Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang với các bên liên quan năm 2025	100%
2	02/2025/NQ-HĐQT	14/01/2025	V/v thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2025 để trình ĐHĐCĐ năm 2025	100%
3	03/2025/NQ-HĐQT	24/01/2025	V/v thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty (từ ngày 03/1 đến 22/1/2025)	100%
4	04/2025/NQ-HĐQT	14/02/2025	V/v thông qua thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ năm 2025	100%
5	05/2025/NQ-HĐQT	20/02/2025	V/v thông qua việc sửa đổi Điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, đăng ký chứng khoán bổ sung với VSDC và đăng ký giao dịch bổ sung với HNX	100%
6	06/2025/NQ-HĐQT	20/02/2025	V/v Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023	100%
7	07/2025/NQ-HĐQT	07/03/2025	V/v thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sài Gòn (MB Bank)	100%
8	08/2025/NQ-HĐQT	21/03/2025	V/v chốt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023	100 %
9	09/2025/NQ-HĐQT	21/03/2025	V/v thông qua nội dung chương trình và bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100 %
10	10/2025/NQ-HĐQT	31/03/2025	V/v tiếp nhận đơn xin từ nhiệm và trình ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua	100 %
11	11/2025/NQ-HĐQT	31/03/2025	V/v thông qua việc điều chỉnh hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP.HCM (VietinBank CN7)	100 %
12	12/2025/NQ-HĐQT	15/04/2025	V/v Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT	100 %
13	13/2025/NQ-HĐQT	15/04/2025	V/v bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT	100 %
14	14/2025/NQ-HĐQT	15/04/2025	V/v Phân công nhiệm vụ Thành viên HĐQT	100 %
15	15/2025/NQ-HĐQT	25/04/2025	V/v Thông qua hạn mức đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị Quý I và II/2025	100 %
16	16/2025/NQ-HĐQT	25/04/2025	V/v Điều chỉnh phân công nhiệm vụ Thành viên HĐQT	100 %

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17	17/2025/NQ-HĐQT	25/04/2025	V/v Chương trình công tác trọng tâm 08 tháng cuối năm 2025 của các Thành viên HĐQT	100 %
18	18/2025/NQ-HĐQT	28/04/2025	V/v thông qua việc sửa đổi Điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, đăng ký chứng khoán bổ sung với VSDC và đăng ký giao dịch bổ sung với HNX	100%
19	19/2025/NQ-HĐQT	27/05/2025	V/v thông qua Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An giang bảo lãnh cho nghĩa vụ tín dụng của Cty TNHH B’Laofood tại Ngân hàng Quân đội (MBBank)	100%
20	20/2025/NQ-HĐQT	27/05/2025	V/v thông qua khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	100%
21	21/2025/NQ-HĐQT	27/05/2025	V/v thông qua việc chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025	100%
22	23/2025/NQ-HĐQT	24/06/2025	V/v Thông qua Tờ trình xây dựng tiêu chí đánh giá, lựa chọn nhân sự cam kết đồng hành triển khai chiến lược chuyển đổi tăng trưởng và hoạt động năm 2025-2030	100 %
23	24/2025/NQ-HĐQT	24/06/2025	V/v giải thể và đóng mã số thuế của Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang - Trung tâm phân phối - Cửa hàng bán lẻ	100 %
24	25/2025/NQ-HĐQT	25/06/2025	V/v thông qua phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100 %
25	26/2025/NQ-HĐQT	25/06/2025	V/v thông qua triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư, phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài	100 %
26	27/2025/NQ-HĐQT	25/06/2025	V/v thông qua thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư	100 %
27	28/2025/NQ-HĐQT	26/06/2025	V/v Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An giang để trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông	100 %
28	29/2025/NQ-HĐQT	02/07/2025	V/v lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	100 %

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
29	30/2025/NQ-HĐQT	08/07/2025	V/v tổ chức họp công bố Kế hoạch triển khai chiến lược vận hành toàn diện 2025-2030 của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang	100%
30	31/2025/NQ-HĐQT	08/07/2025	V/v nghiệm thu Báo cáo chiến lược chuyển đổi tăng trưởng và hoạt động giai đoạn 2025-2030 của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang theo hợp đồng tư vấn ký kết với McKinsey	100%
31	32/2025/NQ-HĐQT	08/07/2025	V/v thống nhất phương án lựa chọn nhân sự tham gia chương trình ESOP và cam kết đồng hành chiến lược 2025-2030 của Công ty cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang	100%
32	33/2025/NQ-HĐQT	25/07/2025	V/v thành lập Văn phòng đại diện của Công ty cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang tại TP.Hồ Chí Minh	100%
33	34/2025/NQ-HĐQT	05/08/2025	V/v thành lập Ban đổi mới thuộc Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An giang	100%
34	35/2025/NQ-HĐQT	06/08/2025	V/v thông qua vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN An Giang	100%
35	36/2025/NQ-HĐQT	06/08/2025	V/v thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 7 TP.HCM (VietinBank CN7)	100%
36	37/2025/NQ-HĐQT	06/08/2025	V/v thông qua phương án tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeaABank) - CN An Giang	100%
37	38/2025/NQ-HĐQT	06/08/2025	V/v thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng BPCE IOM - CN TP.HCM	100 %
38	39/2025/NQ-HĐQT	26/08/2025	V/v thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank)	100 %
39	40/2025/NQ-HĐQT	26/08/2025	V/v thông qua chủ trương thực hiện các Hợp đồng/giao dịch giữa Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang với các bên liên quan (Cty TNHH B'Laofood)	100 %
40	41/2025/NQ-HĐQT	03/09/2025	V/v bổ nhiệm trưởng nhóm Nhân sự - Văn hóa thuộc Ban đổi mới	100 %
41	42/2025/NQ-HĐQT	03/09/2025	V/v bổ nhiệm Thư ký Ban đổi mới	100 %
42	43/2025/NQ-HĐQT	25/09/2025	Về vốn đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị và sửa chữa đối với các Nhà máy trong năm 2025	100 %

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
43	44/2025/NQ-HĐQT	25/09/2025	V/v chọn đơn vị tư vấn niêm yết chứng khoán Công ty cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)	100 %
44	45/2025/NQ-HĐQT	25/09/2025	V/v thực hiện phân phối cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
45	46/2025/NQ-HĐQT	25/09/2025	V/v thành lập văn phòng đại diện của Công ty cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang tại TP. Hồ Chí Minh	100%
46	47/2025/NQ-HĐQT	01/10/2025	V/v lấy ý kiến của cổ đông để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ	100%
47	48/2025/NQ-HĐQT	03/10/2025	V/v tiếp nhận đơn từ nhiệm Thành viên HĐQT	100%
48	49/2025/NQ-HĐQT	03/10/2025	V/v thông qua bộ tài liệu đề cử, ứng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2029	100 %
49	50/2025/NQ-HĐQT	22/10/2025	V/v thông qua bộ tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của ĐHĐCĐ bất thường 2025	100 %
50	51/2025/NQ-HĐQT	22/10/2025	V/v thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100 %
51	52/2025/NQ-HĐQT	10/11/2025	V/v thông qua việc sửa đổi Điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, đăng ký chứng khoán bổ sung với VSDC và đăng ký giao dịch bổ sung với HNX	100 %
52	53/2025/NQ-HĐQT	15/12/2025	V/v thông qua chủ trương thực hiện các Hợp đồng/giao dịch giữa Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang với các bên liên quan (Cty TNHH B'Laofood)	100 %
53	54/2025/NQ-HĐQT	22/12/2025	V/v thông qua Hệ thống thang lương, bảng lương và phụ cấp năm 2026	100 %
54	55/2025/NQ-HĐQT	29/12/2025	V/v thông qua Chủ trương xây dựng đề án triển khai ESG phục vụ chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2026-2030	100 %
55	56/2025/NQ-HĐQT	31/12/2025	V/v thông qua Phương pháp xác định giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang trong ngày giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Năm 2025, thực hiện nhiệm vụ theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, thành viên độc lập đã tham gia sâu sát vào công tác xem xét, giám sát và đóng góp ý kiến cho các dự án đầu tư máy móc, hạ tầng kỹ thuật và lộ trình chuyển đổi số của Công ty. Hoạt động giám sát được triển khai thường xuyên thông qua các kỳ họp Hội đồng quản trị, nghiên cứu quy trình vận hành thực tế và phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành để nắm bắt kịp thời các báo cáo chuyên môn. Nhìn chung, công tác đầu tư công nghệ và hạ tầng kỹ thuật trong năm đã bám sát định hướng nâng cao năng lực chế biến và bảo quản sản phẩm. Ban Điều hành đã duy trì được sự ổn định của hệ thống thiết bị hiện hữu, đồng thời từng bước chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật cần thiết để nâng cao công suất và chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Để đảm bảo nền tảng kỹ thuật phục vụ tốt cho chiến lược phát triển bền vững, thành viên độc lập kiến nghị Công ty cần triển khai các dự án đầu tư theo hướng có trọng tâm, gắn liền với nhu cầu thực tế và tránh tình trạng đầu tư dàn trải. Bên cạnh đó, công tác quản lý kỹ thuật và đánh giá hiệu quả sau đầu tư cần được chú trọng hơn để giảm thiểu rủi ro vận hành. Đồng thời, lộ trình chuyển đổi số và tự động hóa cần được thực hiện có chọn lọc theo từng giai đoạn, ưu tiên các khâu có tầm ảnh hưởng lớn đến chất lượng sản phẩm. Cuối cùng, sự phối hợp đồng bộ giữa bộ phận kỹ thuật với các khối sản xuất, tài chính và kinh doanh là yếu tố then chốt để đảm bảo mọi quyết định đầu tư công nghệ đều mang lại giá trị tối ưu và phù hợp với mục tiêu dài hạn của Công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Ban Kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty đã tham gia và hoàn thành khóa đào tạo về quản trị Công ty theo quy định do Viện phát triển nguồn Nhân lực và kinh doanh-Đại học kinh tế TP.HCM tổ chức vào tháng 09/2025.

BAN KIỂM SOÁT

Thành phần và cơ cấu Ban Kiểm soát

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Bùi Ngọc Duy	Trưởng BKS	10.450	0,044%
2	Ông Phạm Thanh Quang	Thành viên BKS	7.370	0,031%
3	Ông Trần Văn Hợp	Thành viên BKS	2.750	0,011%

Danh sách thay đổi Thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2025

Bổ nhiệm

- Ông Bùi Ngọc Duy tại vị trí Trưởng BKS vào ngày 11/04/2025

Miễn nhiệm

- Bà Hoàng Ngân Hà tại vị trí Trưởng BKS vào ngày 11/04/2025



Lý lịch Ban Kiểm soát



Bùi Ngọc Duy Trưởng BKS

- Năm sinh : 1988
- Nơi sinh : Quảng Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ : Tổ 4, Khu phố Nam Sơn, Phường Vàng Danh, Tỉnh Quảng Ninh
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kế toán – Kiểm toán (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

Quá trình công tác

- 09/2010 – 06/2012 : Trợ lý kiểm toán, Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- 07/2012 – 06/2017 : Trưởng nhóm kiểm toán, Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- 07/2017 – 03/2020 : Trưởng phòng kiểm toán, Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- 07/2020 – 11/2021 : Phó Tổng Giám đốc CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 03/2020 – 04/2025 : Thành viên HĐQT CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 06/2023 – nay : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty TNHH Đầu tư Ylang
- 04/2025 – nay : Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty TNHH Đầu tư Ylang

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 10.450 cổ phần, chiếm 0,044%vốn điều lệ;
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

BAN KIỂM SOÁT

Lý lịch Ban Kiểm soát



Phạm Thanh Quang Thành viên BKS

Năm sinh : 1991
Nơi sinh : Đắk Lắk
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ : Thôn Chư Cúc, Xã Eakar, Tỉnh Đắk Lắk
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Công nghệ hóa thực phẩm (Trường Đại học Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh)

Quá trình công tác

- 09/2014 – 04/2018** : Chuyên viên R&D Công ty TNHH TM DV Tân Hiệp Phát
- 05/2018 – 04/2020** : Chuyên viên R&D Công ty Cổ phần Lavi Holding
- 05/2020 – 02/2021** : Chuyên viên lập kế hoạch dự án cấp cao CTCP Lavi Holding
- 02/2021 – nay** : Chuyên viên dự án CTCP Ylang Holdings

Thành viên Ban kiểm soát CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chuyên viên dự án Công ty Cổ phần Ylang Holdings

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 7.370 cổ phần, chiếm 0,031%vốn điều lệ;
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Trần Văn Hợp Thành viên BKS

Năm sinh : 1975
Nơi sinh : ...
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ : Số 92, Tổ 6, Ấp Hòa Phú I, Xã An Châu, Tỉnh An Giang
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán (Trường Đại học Bình Dương)

Quá trình công tác

- 04/1994 – 12/1997** : Công nhân Nhà máy Bình Khánh – Trực thuộc Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang
- 01/1998 – 12/1999** : Thủ kho Vật tư – Nguyên liệu Nhà máy Bình Khánh – Trực thuộc Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang
- 01/2000 – 05/2011** : Nhân viên Kế toán Nguyên vật liệu Nhà máy Bình Khánh – Trực thuộc Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang
- 06/2011 – 06/2016** : Nhân viên kế toán Kho và Tài sản cố định Phòng Kế toán – CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 07/2016 – 02/2018** : Trưởng nhóm Nghiệp vụ Kho và Tài sản cố định Phòng Kế toán – CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 03/2018 – 05/2019** : Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ Nhà máy Bình Long – Trực thuộc CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 06/2019 – 05/2020** : Trưởng Ban Điều hành Sản xuất Nhà máy Bình Long – Trực thuộc CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 06/2020 – 12/2020** : Trưởng bộ phận sản xuất Nhà máy Bình Khánh – Trực thuộc CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 01/2021 – 10/2021** : Chuyên viên Phòng Dự án – Đầu tư CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 11/2021 – 12/2021** : Chuyên viên Phòng Nhân sự CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
- 01/2022 - nay** : Trưởng nhóm Phòng Nhân sự CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
Thành viên Ban kiểm soát CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng nhóm Nhân sự, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 2.750 cổ phần, chiếm 0,011%vốn điều lệ;
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Hoàng Ngân Hà	1/1	100%	Miễn nhiệm ngày 11/04/2025
2	Ông Bùi Ngọc Duy	2/2	100%	Bổ nhiệm ngày 11/04/2025
3	Ông Phạm Thanh Quang	3/3	100%	
4	Ông Trần Văn Hợp	3/3	100%	

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2025.

Kiểm tra hoạt động của các nhà máy, giám sát việc tuân thủ quy trình sản xuất.

Giám sát tiến độ thực hiện và hiệu quả của hoạt động đầu tư.

Kiểm tra, rà soát việc chấp thuận hợp đồng, các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo đúng quy định.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nhận thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc.

Ban kiểm soát đã được tạo điều kiện làm việc thuận lợi cũng như sự hợp tác chặt chẽ, tích cực từ phía Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành luôn đáp ứng kịp thời các yêu cầu về thông tin phục vụ cho hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên trao đổi các vấn đề vướng mắc và đã được giải quyết nhanh chóng.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Ngọc Bảo	Chủ tịch HĐQT	108.323.077	33.846.154
2	Đình Hùng Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	93.138.462	60.000.000
3	Bùi Ngọc Duy	Thành viên HĐQT không điều hành	89.538.461	48.000.000
4	Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	76.153.846	-
5	Nguyễn Đình Khương	Thành viên HĐQT không điều hành	49.753.846	-
6	Lê Hải Linh	Thành viên HĐQT không điều hành	16.896.000	-
7	Trương Văn Nhân	Thành viên HĐQT không điều hành	13.384.615	48.000.000
8	Nguyễn Phước Hiếu	Thành viên HĐQT	13.384.615	33.846.154
9	Nguyễn Đắc Quỳnh Trang	Thành viên HĐQT không điều hành		14.153.846
Ban Điều hành				
1	Nguyễn Hoàng Minh	Tổng Giám đốc	1.829.179.344	1.707.643.328
2	Bùi Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	1.337.525.748	1.239.599.756
3	Nguyễn Huy Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.343.405.748	1.245.339.756
4	Đặng Hoàng Lục Uyển	Phó Tổng Giám đốc	1.116.725.928	296.691.982
5	Trần Thụy Tố Trinh	Kế toán trưởng	1.037.838.100	847.004.340
Ban Kiểm soát				
1	Bùi Ngọc Duy	Trưởng BKS	76.153.846	-
2	Hoàng Ngân Hà	Trưởng BKS	13.384.615	48.000.000
3	Phạm Thanh Quang	Thành viên BKS	67.153.847	36.000.000
4	Trần Văn Hợp	Thành viên BKS	67.153.847	36.000.000

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (*)	
1	Đinh Hùng Dũng		0	0%	25.520	0,106%	Mua cổ phiếu phát hành ESOP và nhận cổ tức
2	Nguyễn Hoàng Minh		548.404	2,98%	628.983	2,620%	Mua cổ phiếu phát hành ESOP và nhận cổ tức
3	Bùi Ngọc Duy		0	0%	10.450	0,044%	Mua cổ phiếu phát hành ESOP và nhận cổ tức
4	Hoàng Ngân Hà		0	0%	22.660	0,094%	Mua cổ phiếu phát hành ESOP và nhận cổ tức
5	Trần Văn Hợp		0	0%	2.750	0,011%	Mua cổ phiếu phát hành ESOP và nhận cổ tức
6	Phạm Thanh Quang		0	0%	7.370	0,031%	Mua cổ phiếu phát hành ESOP và nhận cổ tức
7	Bùi Phúc Lộc		0	0%	7.150	0,030%	Mua cổ phiếu phát hành ESOP và nhận cổ tức
8	Phan Thị Thúy Hằng		0	0%	2.750	0,011%	Mua cổ phiếu phát hành ESOP và nhận cổ tức

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (*)	
9	Nguyễn Huy Cường		0	0%	13.090	0,055%	Mua cổ phiếu phát hành ESOP và nhận cổ tức
10	Bùi Anh Tuấn		0	0%	13.090	0,055%	Mua cổ phiếu phát hành ESOP và nhận cổ tức
11	Đặng Hoàng Lục Uyển		0	0%	11.550	0,048%	Mua cổ phiếu phát hành ESOP và nhận cổ tức
12	Trần Thụy Tố Trinh		0	0%	13.090	0,055%	Mua cổ phiếu phát hành ESOP và nhận cổ tức
13	Phùng Thị Thanh Đào	Vợ của Bùi Phúc Lộc	0	0%	7.150	0,030%	Mua cổ phiếu phát hành ESOP và nhận cổ tức
14	Đỗ Văn Trí	Chồng của Đặng Hoàng Lục Uyển	0	0%	6.270	0,026%	Mua cổ phiếu phát hành ESOP và nhận cổ tức

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH B’Laofood	Công ty con	5801458111	Lô CN4, Khu Công Nghiệp Lộc Sơn, phường B’Lao, tỉnh Lâm Đồng	Tháng 6/2023	- Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐQT ngày 28/06/2023 - Nghị quyết số 40/2023/NQ-HĐQT ngày 20/11/2023 - Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐQT ngày 30/08/2024 - Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐQT ngày 15/12/2025	Mua hàng hóa: - Giá trị mua hàng hóa: 270.092.275.244 đồng - Giá trị bán hàng hóa: 28.452.994.001 đồng. Cho vay: - Giá trị 5 hợp đồng từ 01/06/2023 đến 31/12/2025 : 160.000.000.000 đồng - Giá trị giải ngân từ 01/01/2025 đến 31/12/2025: 103.700.000.000 đồng - Giá trị thu nợ gốc từ 01/01/2025 đến 31/12/2025: 32.200.000.000 đồng - Tiền lãi phát sinh từ 01/01/2025 đến 31/12/2025: 6.181.834.248 đồng - Dư nợ đến 31/12/2025: 146.300.000.000 đồng	
2	Công ty Cổ phần Ylang Agri	Công ty có cùng nhân sự chủ chốt	5801462492	Số 8/1 Pasteur, Phường Xuân Hương – Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.	Tháng 2/2025		Bán hàng hóa: - Giá trị bán hàng hóa: 1.027.778 đồng	
3	Công ty Cổ phần Ylang Holdings	Công ty mẹ sở hữu gián tiếp	0316806928	Unit 23-05, UOA Tower, Số 6 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, TP.HCM	Tháng 10/2025	- Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/12/2024 - Nghị quyết HĐQT số 45/2025-NQ-HĐQT ngày 25/09/2025	Mua 3.500.000 cổ phiếu của đợt phát hành riêng lẻ, giá 12.900 đ/ cổ phiếu. Tổng giá trị đã giao dịch thành công 45.150.000.000 đồng	

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Ylang Agri	Công ty có cùng nhân sự chủ chốt	Nhân sự chủ chốt (từ ngày 11 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 09 năm 2025)	5801462492	Số 8/1 Pasteur, Phường Xuân Hương – Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.	Công ty TNHH B'Laofood	Từ tháng 02/05 đến tháng 05/2025	Mua bán hàng hóa: 290.627.828 đồng	
2	Nguyễn Đình Khương	Người nội bộ của công ty	Nhân sự chủ chốt (từ ngày 11 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 09 năm 2025)	068083003013 cấp ngày 09/01/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH	45 Đinh Tiên Hoàng, phường 2 Bảo lộc, Lâm Đồng	Công ty TNHH B'Laofood	Từ tháng 01/2025 đến tháng 03/2025	Mua bán hàng hóa: 36.064.095 đồng	
3	Công ty Cổ phần Vật tư Ba Nông	Công ty do thành viên mật thiết trong gia đình của nhân sự chủ chốt nắm quyền (từ ngày 11 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 09 năm 2025)	Nhân sự chủ chốt (từ ngày 11 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 09 năm 2025)	5801286279	Số 8/1 Pasteur, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Công ty TNHH B'Laofood	Trong năm 2025	25.467.937.800 đồng	

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tại Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang, quản trị công ty được xác lập là yếu tố cốt lõi, đóng vai trò quyết định đến hiệu quả vận hành và sự trường tồn của doanh nghiệp. Trong suốt tiến trình hoạt động, Công ty kiên trì theo đuổi nguyên tắc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và hệ thống quy chế nội bộ. Bên cạnh việc đáp ứng các chuẩn mực

pháp lý hiện hành, Hội đồng quản trị đã chủ động nghiên cứu và vận dụng linh hoạt các thông lệ quốc tế tiên tiến về quản trị công ty. Mục tiêu chiến lược của công tác này là kiến tạo một bộ máy vận hành thông suốt, minh bạch, từ đó tối ưu hóa lợi ích kinh tế cho Công ty và đảm bảo giá trị gia tăng bền vững cho các cổ đông.

Trong năm qua, để thích ứng với những thay đổi của môi trường pháp lý và yêu cầu thực tiễn, Công ty đã thực hiện rà soát chuyên sâu, điều chỉnh và cập nhật kịp thời nội dung Điều lệ cũng như các Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc chuẩn hóa các văn bản quy định này không chỉ đảm bảo sự tương thích tuyệt đối với hệ thống pháp luật mà còn tạo hành lang pháp lý vững chắc cho mọi hoạt động quản lý và điều hành. Song song đó, các chương trình nâng cao năng lực quản trị cho thành viên Hội đồng quản trị tiếp tục được triển khai mạnh mẽ,

hướng tới việc tiệm cận các chuẩn mực quản trị tốt nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam và khu vực.

Những nỗ lực toàn diện trong công tác quản trị không chỉ giúp nâng tầm uy tín của doanh nghiệp mà còn tạo ra một nền tảng nội lực vững chắc, sẵn sàng cho những mục tiêu tăng trưởng dài hạn và bứt phá của ANTESCO trong tương lai.

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



◀ Ý kiến kiểm toán

◀ Báo cáo tài chính được kiểm toán

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



ANTESCO

Ý kiến kiểm toán

Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Đối với Báo cáo tài chính riêng: báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kiểm toán

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang đã được công bố thông tin đúng quy định và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo website:

www.antesco.com

An Giang, ngày 17 tháng 04 năm 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN NGỌC BẢO





CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 40



CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2025) Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2025)
Ông Đinh Hùng Dũng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2025) Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2025)
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên
Ông Lê Hải Linh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)
Ông Nguyễn Phước Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2025) Thành viên (từ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2026)
Ông Nguyễn Đình Khương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025) Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2025)
Bà Nguyễn Đức Quỳnh Trang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2025)
Ông Bùi Ngọc Duy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)
Ông Trương Văn Nhân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Minh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Hoàng Lục Uyên	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Bùi Ngọc Duy	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)
Bà Hoàng Ngân Hà	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)
Ông Phạm Thanh Quang	Thành viên
Ông Trần Văn Hợp	Thành viên

30112
CỘNG
HÒA
KIỂM
ĐẠI
VIỆT
NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Deloitte.

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza
16 Láng Hạ, Phường Giàng Vả
Thành phố Hà Nội
Việt Nam
Điện thoại: +84 24 710 50000
www.deloitte.com/vn

Số: 0725

/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Deloitte.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Tuấn Linh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2024-001-1

Trịnh Đình Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5779-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên
Tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		965.124.338.046	760.446.280.557
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	287.404.813.310	57.249.846.519
1. Tiền	111		11.904.813.310	57.249.846.519
2. Các khoản tương đương tiền	112		275.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	256.525.000.000	143.527.500.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		256.525.000.000	143.527.500.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		146.925.050.362	212.734.040.391
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	138.324.285.838	79.799.569.652
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	6.271.773.473	16.557.557.029
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	8.472.210.000	121.036.884.515
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(6.143.218.949)	(4.659.970.805)
IV. Hàng tồn kho	140	11	219.193.611.334	322.995.737.253
1. Hàng tồn kho	141		232.869.089.302	331.422.360.372
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.675.477.968)	(8.426.623.119)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		55.075.863.040	23.939.156.394
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	5.823.223.904	5.471.015.303
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		49.249.422.398	18.468.141.091
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	3.216.738	-

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên
Tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		471.443.206.028	463.109.698.464
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.970.756.477	6.958.203.636
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	6.970.756.477	6.958.203.636
II. Tài sản cố định	220		422.308.249.633	392.263.346.604
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	401.149.834.903	362.368.669.938
- Nguyên giá	222		661.320.379.102	577.174.797.339
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(260.170.544.199)	(214.806.127.401)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	18.499.976.768	26.866.428.032
- Nguyên giá	225		39.146.471.703	39.146.471.703
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(20.646.494.935)	(12.280.043.671)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	2.658.437.962	3.028.248.634
- Nguyên giá	228		5.222.623.200	5.222.623.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.564.185.238)	(2.194.374.566)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.674.578.000	34.622.412.276
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	5.674.578.000	34.622.412.276
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	4.000.000.000	4.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		4.000.000.000	4.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		32.489.621.918	25.265.735.948
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	24.016.737.855	13.879.147.739
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	2.680.281.654	4.812.960.748
3. Lợi thế thương mại	269	18	5.792.602.409	6.573.627.461
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.436.567.544.074	1.223.555.979.021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên
Tỉnh An Giang, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		958.826.669.333	921.679.705.774
I. Nợ ngắn hạn	310		807.453.734.732	736.624.144.973
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	67.236.598.935	70.222.601.141
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	1.741.491.962	63.701.312.031
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	18.080.202.925	15.055.007.946
4. Phải trả người lao động	314		14.861.916.539	8.411.040.485
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	15.682.210.158	25.332.665.140
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		3.652.180.936	1.549.937.003
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	684.964.648.374	546.261.022.303
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	25	779.224.334	6.064.261.155
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		455.260.569	26.297.769
II. Nợ dài hạn	330		151.372.934.601	185.055.560.801
1. Phải trả người bán dài hạn	331	19	-	1.182.023.513
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		31.571.584	69.457.516
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	148.629.218.025	181.723.735.019
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	2.712.144.892	2.080.344.753
NGUỒN VỐN				
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		477.740.874.741	301.876.273.247
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	477.740.874.741	301.876.273.247
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		240.037.080.000	183.998.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		240.037.080.000	183.998.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.638.186.120	(181.990.456)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		198.426.058.715	93.776.604.067
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		74.537.754.067	20.635.533.485
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		123.888.304.648	73.141.070.582
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		29.639.549.906	24.283.429.636
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.436.567.544.074	1.223.555.979.021

Võ Ngọc Thu Ngân
Người lập biểu

Trần Thụy Tố Trinh
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên
Tỉnh An Giang, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.800.823.867.893	1.404.814.766.800
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	1.025.907.005	48.586.421
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.799.797.960.888	1.404.766.180.379
4. Giá vốn hàng bán	11	30	1.349.972.173.482	1.060.377.347.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		449.825.787.406	344.388.832.879
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	31.579.413.523	19.140.303.154
7. Chi phí tài chính	22	33	73.156.588.400	54.536.837.275
- Trong đó: Chi phí lãi vay và nợ thuê tài chính	23		54.378.620.769	39.461.062.264
8. Chi phí bán hàng	25	34	139.338.301.239	126.444.927.645
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	125.195.638.449	95.546.754.420
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		143.714.672.841	87.000.616.693
11. Thu nhập khác	31		6.264.886.844	874.945.067
12. Chi phí khác	32		580.527.511	271.632.392
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.684.359.333	603.312.675
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		149.399.032.174	87.603.929.368
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	18.021.928.162	14.398.366.802
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	35	2.132.679.094	(488.003.601)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		129.244.424.918	73.693.566.167
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		123.888.304.648	73.141.070.582
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.356.120.270	552.495.585
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	5.875	3.580

Võ Ngọc Thu Ngân
Người lập biểu

Trần Thụy Tố Trinh
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên
Tỉnh An Giang, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	149.399.032.174	87.603.929.368
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và lợi thế thương mại phân bổ	02	56.920.675.557	47.735.265.101
Các khoản dự phòng	03	2.181.732.875	10.070.089.958
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	391.067.475	197.333.256
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14.150.868.799)	(3.213.387.305)
Chi phí lãi vay và nợ thuê tài chính	06	54.378.620.769	39.461.062.264
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	249.120.260.051	181.854.292.642
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	29.035.881.766	(69.290.983.067)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	100.662.861.844	(159.220.489.797)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(67.231.912.680)	79.885.081.454
Giảm chi phí trả trước	12	7.275.077.977	2.630.109.015
Tiền lãi vay đã trả	14	(54.177.915.133)	(39.344.295.870)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.626.859.466)	(3.185.154.600)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	35.100.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(309.003.664)	(88.385.425)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	249.783.490.695	(6.759.825.648)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(69.837.092.165)	(75.489.556.242)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	256.902.357	149.164.352
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(228.025.000.000)	(192.307.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	115.027.500.000	60.090.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.123.061.775	1.684.065.433
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(172.454.628.033)	(205.873.326.457)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên
Tỉnh An Giang, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	47.220.176.576	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.500.033.785.081	1.171.588.699.645
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.386.090.716.552)	(917.883.134.425)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(8.333.959.452)	(9.663.025.912)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	152.829.285.653	244.042.539.308
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	230.158.148.315	31.409.387.203
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	57.249.846.519	25.821.131.607
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.181.524)	19.327.709
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	287.404.813.310	57.249.846.519

Võ Ngọc Thu Ngân
Người lập biểu

Trần Thụy Tố Trinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên
Tỉnh An Giang, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang, theo Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2008. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1600230014 ngày 01 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán “ANT”) được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 1255/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 12 năm 2025 và chính thức giao dịch ngày đầu tiên tại HOSE kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026.

Công ty có trụ sở chính tại số 69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.776 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.050 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành công nghiệp chế biến nông sản.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến xuất khẩu thực phẩm đông lạnh và rau, củ quả đóng hộp, bán buôn thực phẩm đồ uống, gạo, giống cây trồng và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty con mà Công ty nắm giữ tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH B'Laofood	Tỉnh Lâm Đồng	65,00%	65,00%	Chế biến xuất khẩu thực phẩm đông lạnh và rau, củ quả đóng hộp

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thông tin chi tiết về các Chi nhánh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

STT	Tên Chi nhánh	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang - Nhà máy Bình Khánh	Đường Phan Bội Châu, phường Bình Đức, tỉnh An Giang
2.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang - Nhà máy Mỹ An	Ấp Mỹ Long, xã Long Kiến, tỉnh An Giang
3.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang - Nhà máy Bình Long	Đường số 2, Lô D, KCN Bình Long, xã Châu Phú, tỉnh An Giang
4.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang - Xưởng Hòa Bình	Ấp An Thuận, xã Hội An, tỉnh An Giang
5.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang - Văn phòng đại diện (ii)	UOA Tower, 06 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
6.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang - Trung tâm phân phối – Cửa hàng bán lẻ (i)	155/9 Đinh Bộ Lĩnh, phường Bình Thạnh, An Giang - Trung tâm phân phối – Cửa hàng bán lẻ (i) Thành phố Hồ Chí Minh

(i) Theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 6 năm 2025, Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị thông qua việc giải thể và đóng mã số thuế của Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang - Trung tâm phân phối – Cửa hàng bán lẻ. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục giải thể và đóng mã số thuế của Chi nhánh này.

(ii) Theo Nghị quyết số 33/2025/NQ -HĐQT ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị Công ty đã chấp thuận phương án thành lập văn phòng đại diện tại UOA Tower, 06 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 01 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn thành các thủ tục cần thiết và được Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện này.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)	MẪU SỐ B 09-DN/HH
3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau: - Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước), - Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200, - Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và - Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất: Ước tính kế toán Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.	01/01/2026 KIỂM Duyệt 01/01/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)	MẪU SỐ B 09-DN/HH
Hợp nhất kinh doanh Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận. Lợi thế thương mại Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm. Định kỳ Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng. Tiền và các khoản tương đương tiền Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị. Các khoản đầu tư tài chính Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu tại các ngân hàng thương mại cổ phần. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.	01/01/2026 KIỂM Duyệt 01/01/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)		MẪU SỐ B 09-DN/HN
Nợ phải thu		
Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.		
Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.		
Hàng tồn kho		
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.		
Tài sản cố định hữu hình và khấu hao		
Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.		
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.		
Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:		
	Số năm	
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 – 31	
Máy móc và thiết bị	05 – 15	
Thiết bị văn phòng	03 – 10	
Phương tiện vận tải	04 – 10	
Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.		
Thuê tài sản		
Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.		
Công ty là bên cho thuê		
Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.		
Công ty là bên đi thuê		
Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp		

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)		MẪU SỐ B 09-DN/HN
nhất như một khoản nợ phải trả về thuế tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuế tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.		
Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó :		
	Số năm	
Máy móc và thiết bị	04 - 15	
Phương tiện vận tải	04	
Tài sản cố định vô hình và hao mòn		
Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng các lô đất từ 37 đến 45 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.		
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.		
Các khoản trả trước		
Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí sửa chữa lớn, lợi thế vị trí địa lý, tiền thuê Quyền sử dụng đất, công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác.		
Chi phí sửa chữa lớn là các chi phí duy tu, bảo dưỡng, thay thế sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại năng lực hoạt động theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu của tài sản và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.		
Giá trị lợi thế vị trí địa lý phát sinh từ việc xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa Công ty. Theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính, hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, khoản lợi thế này được dùng để cần trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm kể từ năm 2014.		
Tiền thuê Quyền sử dụng đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê Quyền sử dụng đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.		
Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.		
Các khoản dự phòng phải trả		
Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tài sản phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không tính thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Trường hợp Công ty sau khi quyết toán thuế mà bị lỗ thì chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ vào thu nhập (thu nhập chịu thuế trừ thu nhập miễn thuế) của những năm tiếp theo. Thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Quá thời hạn 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ, nếu số lỗ phát sinh chưa chuyển hết thì sẽ không được chuyển vào thu nhập của các năm tiếp sau.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	689.446.524	511.641.728
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.215.366.786	56.738.204.791
Các khoản tương đương tiền (*)	275.500.000.000	-
	287.404.813.310	57.249.846.519

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng VND với kỳ hạn không quá 3 tháng với mức lãi suất từ 3,9%/năm đến 4,2%/năm. Một số khoản tương đương tiền tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh An Giang được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay tại chính ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 23.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a1) Ngắn hạn	256.525.000.000	256.525.000.000	143.527.500.000	143.527.500.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	256.525.000.000	256.525.000.000	143.527.500.000	143.527.500.000
a2) Dài hạn	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
- Trái phiếu (ii)	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
	260.525.000.000	260.525.000.000	147.527.500.000	147.527.500.000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn phản ánh giá trị các hợp đồng tiền gửi của Công ty với kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần và được sử dụng làm tài sản bảo đảm thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại ngân hàng đã mở hợp đồng tiền gửi như trình bày tại Thuyết minh số 23.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản trái phiếu phản ánh giá trị trái phiếu Công ty nắm giữ với kỳ hạn 120 tháng đáo hạn ngày 20 tháng 7 năm 2033 do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành và được sử dụng làm tài sản bảo đảm thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 23

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Future Foods Co., Ltd	16.884.904.267	-
Newberry International Produce Ltd.	18.670.023.548	3.797.043.372
Crop's Fruits NV	12.599.325.600	6.695.315.044
Polarica SP .Zó.o.	-	10.254.936.120
Khác	90.170.032.423	59.052.275.116
	138.324.285.838	79.799.569.652

Công ty sử dụng quyền tài sản phát sinh từ các khoản phải thu luân chuyển hình thành từ nguồn vốn vay để đảm bảo cho một số khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 23.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thái Nông Việt	1.266.598.605	1.266.598.605
Công ty TNHH SAIKOPACK Việt Nam	820.716.980	11.436.006.780
Khác	4.184.457.888	3.854.951.644
	6.271.773.473	16.557.557.029

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.682.044.837	1.614.731.505
Phải thu theo hợp đồng liên kết sản xuất (i)	-	118.723.000.000
Phải thu khác	2.790.165.163	699.153.010
	8.472.210.000	121.036.884.515

b. Dài hạn		
Kỳ cược, kỳ quỹ (i)	6.555.418.464	6.704.553.636
Tiền thuế GTGT của Hợp đồng thuê tài chính	415.338.013	253.650.000
	6.970.756.477	6.958.203.636

(i) Thể hiện khoản kỳ quỹ với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam cho các tài sản thuê tài chính, hợp đồng thuê có thời hạn từ 48 tháng đến 60 tháng.

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Alba	2.645.280.660	-	Trên 3 năm	2.645.280.660	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thái Nông Việt	1.457.508.605	-	Trên 3 năm	1.457.508.605	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	2.398.004.284	355.574.600	Từ 6 tháng đến 3 năm	557.181.540	-	Trên 3 năm
	6.498.793.549	355.574.600		4.659.970.805	-	

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đi đường	633.200.800	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	19.128.066.492	-	9.940.845.010	-
Công cụ, dụng cụ	1.826.395.256	-	1.605.068.874	-
Thành phẩm	194.484.829.189	(13.675.477.968)	296.928.099.510	(8.426.623.119)
Hàng hoá	2.320.517.300	-	16.998.883.167	-
Hàng gửi bán	14.476.080.265	-	5.949.463.811	-
	232.869.089.302	(13.675.477.968)	331.422.360.372	(8.426.623.119)

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 13.675.477.968 VND và hoàn nhập 8.426.623.119 VND, dựa trên việc đánh giá suy giảm giá trị hàng tồn tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất (năm 2024: trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 6.944.856.773 VND và hoàn nhập 3.750.820.820 VND).

Công ty sử dụng quyền tài sản phát sinh từ hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ nguồn vốn vay để đảm bảo cho một số khoản vay tại các Ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 23.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.700.824.453	2.647.953.928
Khác	4.122.399.451	2.823.061.375
	5.823.223.904	5.471.015.303
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn	16.034.309.053	1.877.398.431
Lợi thế vị trí địa lý	3.564.539.117	3.898.606.781
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.070.138.829	5.211.336.741
Tiền thuê Quyền sử dụng đất	975.000.000	1.065.000.000
Khác	1.372.750.856	1.826.805.786
	24.016.737.855	13.879.147.739

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phường tiện vận tải VND	Thiết bị vấn phòng VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư đầu năm	196.781.495.043	352.797.361.690	20.370.040.763	7.225.899.843	577.174.797.339
Tăng trong năm	18.254.085.502	66.664.175.463	330.000.000	1.084.855.000	86.333.115.965
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.294.385.537)	(710.350.000)	(182.798.665)	(2.187.534.202)
Số dư cuối năm	215.035.580.545	418.167.151.616	19.989.690.763	8.127.956.178	661.320.379.102
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	45.626.304.250	153.814.020.292	11.805.669.586	3.560.133.273	214.806.127.401
Khấu hao trong năm	10.629.182.091	33.703.409.741	2.313.315.857	757.480.880	47.403.388.569
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.294.385.537)	(561.787.569)	(182.798.665)	(2.038.971.771)
Số dư cuối năm	56.255.486.341	186.223.044.496	13.557.197.874	4.134.815.488	260.170.544.199
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	151.155.190.793	198.983.341.398	8.564.371.177	3.665.766.570	362.368.669.938
Tại ngày cuối năm	158.780.094.204	231.944.107.120	6.432.492.889	3.993.140.690	401.149.834.903

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao vẫn còn được sử dụng là 73.027.864.396 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 68.149.183.058 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình được Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng là 350.571.245.512 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 325.623.964.918 VND) như trình bày tại Thuyết minh số 23 và Thuyết minh số 24.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	36.770.693.532	2.375.778.171	39.146.471.703
Số dư cuối năm	36.770.693.532	2.375.778.171	39.146.471.703
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	11.402.144.700	877.898.971	12.280.043.671
Khấu hao trong năm	7.772.506.716	593.944.548	8.366.451.264
Số dư cuối năm	19.174.651.416	1.471.843.519	20.646.494.935
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	25.368.548.832	1.497.879.200	26.866.428.032
Tại ngày cuối năm	17.596.042.116	903.934.652	18.499.976.768

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	3.750.673.200	1.471.950.000	5.222.623.200
Số dư cuối năm	3.750.673.200	1.471.950.000	5.222.623.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.647.298.954	547.075.612	2.194.374.566
Khấu hao trong năm	73.748.388	296.062.284	369.810.672
Số dư cuối năm	1.721.047.342	843.137.896	2.564.185.238
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	2.103.374.246	924.874.388	3.028.248.634
Tại ngày cuối năm	2.029.625.858	628.812.104	2.658.437.962

Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.029.625.858 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.103.374.246 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 23.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	5.674.578.000	18.601.724.476
Các công trình xây dựng dở dang	-	16.020.687.800
	5.674.578.000	34.622.412.276

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Hoạt động chịu thuế suất thông thường	20%	20%
- Hoạt động chịu thuế suất ưu đãi tại công ty mẹ	10%	10%
- Hoạt động chịu thuế suất ưu đãi tại công ty con	10%	10%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.916.582.709	2.344.651.375
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	763.696.945	2.466.309.373
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.680.281.654	4.812.960.748

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Công ty TNHH B'Laofood
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm nay	7.810.250.456
Số dư cuối năm nay	7.810.250.456
HAO MÒN	
Số dư đầu năm nay	1.236.622.995
Khấu hao trong năm	781.025.052
Số dư cuối năm nay	2.017.648.047
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	6.573.627.461
Tại ngày cuối năm	5.792.602.409

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Giá trị/Số có khả năng trả nợ		
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại Mùa vàng Long An	5.659.984.188	2.083.375.700
Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Phú Thịnh An Khánh	4.112.522.728	309.861.000
Các nhà cung cấp khác	57.464.092.019	67.829.364.441
	67.236.598.935	70.222.601.141
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn		
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng An Gia Việt	-	1.182.023.513
	-	1.182.023.513

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Mercer Foods, LLC.	-	55.046.315.165
Khác	1.741.491.962	8.654.996.866
	<u>1.741.491.962</u>	<u>63.701.312.031</u>

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Tiền thuê đất	-	366.235.048	369.451.786	3.216.738
	-	<u>366.235.048</u>	<u>369.451.786</u>	<u>3.216.738</u>
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	536.903.852	536.903.852	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.398.366.802	18.021.928.162	14.626.859.466	17.793.435.498
Thuế thu nhập cá nhân	637.833.125	3.910.465.305	4.284.885.494	263.412.936
Thuế khác	18.808.019	265.688.103	261.141.631	23.354.491
	<u>15.055.007.946</u>	<u>22.734.985.422</u>	<u>19.709.790.443</u>	<u>18.080.202.925</u>

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền thưởng Tết cho người lao động	11.608.559.139	21.982.295.251
Chi phí lãi vay	917.457.188	716.751.552
Khác	3.156.193.831	2.633.618.337
	<u>15.682.210.158</u>	<u>25.332.665.140</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm	Số cuối năm
	VND		VND	VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	503.247.062.851	1.483.838.833.014	1.347.903.716.552	639.182.179.313
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 (i)	175.551.073.102	617.891.668.622	546.156.525.077	247.286.216.647
Ngân hàng TMCP Tận Phong - Chi nhánh Hồ Chí Minh (ii)	134.263.754.594	378.335.260.663	398.170.730.059	114.428.285.198
Ngân hàng TMCP Bản Việt	2.303.287.000	-	2.303.287.000	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn (iii)	191.128.948.155	331.886.122.268	398.557.064.416	124.458.006.007
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (iv)	-	79.814.179.777	-	79.814.179.777
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh An Giang (v)	-	46.432.131.181	2.716.110.000	43.716.021.181
Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (vi)	-	27.677.118.736	-	27.677.118.736
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quận 10 (vii)	-	1.802.351.767	-	1.802.351.767
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	43.013.959.452	49.289.469.061	46.520.959.452	45.782.469.061
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 (thuyết minh 24)	34.680.000.000	41.303.000.000	38.187.000.000	37.796.000.000
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (thuyết minh 24)	6.981.159.456	6.633.669.065	6.981.159.456	6.633.669.065
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (thuyết minh 24)	1.352.799.996	1.352.799.996	1.352.799.996	1.352.799.996
	<u>546.261.022.303</u>	<u>1.533.128.302.075</u>	<u>1.394.424.676.004</u>	<u>684.964.648.374</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

(i) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7:

- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0801/2025-HĐCVHM/NHCT924-ANT ngày 18/08/2025; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0812/2024-HĐCVHM/NHCT924-ANT ngày 29/08/2024 và các văn bản sửa đổi bổ sung có thời hạn 12 tháng với hạn mức cho vay 250.500.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất chế biến rau củ quả, đồ ăn đông hộp và hạt giống. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi giấy nhận nợ không quá 6 tháng, được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay chịu lãi suất theo từng lần giải ngân và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay bao gồm: tài sản vô hình với giá trị còn lại là 2.029.625.858 VND như trình bày tại Thuyết minh số 15; tài sản cố định hữu hình gắn liền trên đất với tổng giá trị còn lại là 187.024.981.926 VND như trình bày tại Thuyết minh số 13, các tài sản này đồng thời bảo đảm cho các khoản vay dài hạn tại ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 24; trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trị giá 4.000.000.000 VND như trình bày tại Thuyết minh số 06; hàng tồn kho luân chuyển tại kho nhà máy Mỹ An, nhà máy Bình Long với giá trị là 46.000.0000.0000 VND như trình bày tại Thuyết minh số 11 và các quyền và lợi ích phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm (bao gồm quyền nhận tiền bảo hiểm, bồi thường) gắn liền với hàng tồn kho; quyền đòi nợ từ các khoản phải thu luân chuyển với giá trị là 94.000.000.000 VND như trình bày tại Thuyết minh số 07 và các hợp đồng tiền gửi có giá trị là 101.500.000.000 VND (trong đó đảm bảo dư nợ vay của Công ty là 58.300.000.000 VND; bảo lãnh cho Công ty TNHH B'LaoFood là 43.200.000.000 VND) (bao gồm cả tiền lãi, lợi tức, các quyền, lợi ích phát sinh từ hợp đồng tiền gửi) như trình bày tại Thuyết minh số 06. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc lần lượt là 208.911.494.691 VND và 139.215 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 160.937.248.318 VND và 47.250 USD).

- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 theo Hợp đồng Cho vay hạn mức số 1004/2025-HĐCVHM/NHCT924-BLAO ngày 08 tháng 10 năm 2025 có thời hạn đến ngày 08 tháng 10 năm 2026 với hạn mức cho vay là 35.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay có kỳ hạn 06 tháng kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất theo từng lần giải ngân. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 34.702.647.901 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 13.406.540.034 VND).

- Khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty TNHH B'laofood được đảm bảo đồng thời bởi được đảm bảo sau:

- Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 06 đến 09 tháng trị giá 43.000.000.000 VND thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang.
- Tất cả các quyền và lợi ích thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị của quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 992209 của Công ty bao gồm: toàn bộ các quyền khai thác phát sinh từ thửa đất (trong đó không bao gồm quyền sử dụng đất); các quyền, lợi ích phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm (bao gồm cả quyền nhận tiền bảo hiểm, bồi thường); tất cả các lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác có thể nhận được.
- Tài sản gắn liền với đất theo giấy phép xây dựng số 04/GPXD-KCN ngày 15 tháng 6 năm 2022 do UBND tỉnh Lâm Đồng, Ban Quản lý các Khu Công nghiệp cấp cho Công ty gồm: khối nhà xưởng, khối văn phòng, trạm bơm, nhà để xe, nhà bảo vệ (cổng chính), nhà bảo vệ (cổng phụ), nhà rác, nhà điều hành, có giá trị còn lại tại 31 tháng 12 năm 2025 là 80.659.883.480 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 84.612.979.664 VND) như trình bày tại thuyết minh số 13.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

- Các tài sản bao gồm 01 băng chuyền IQF phẳng 1000 kg/h (băng chuyền IQF đôi) và 01 băng chuyền tiền đông 1500 kg/h (xoài cắt hạt lựu 15 x 15) và các vật tư phụ lắp đặt kèm theo; hệ thống lạnh NH3, panel cách nhiệt; hệ thống xử lý nước thải; hệ thống xử lý nước cấp; hệ thống điều hòa không khí; hệ thống IQF OCTOFROST; xe nâng điện đứng lái 2,5 tấn hiệu Sumitomo; xe nâng điện ngồi lái 1,5 tấn hiệu Sumitomo; dây chuyền rửa – sơ chế trái cây và kệ kho lạnh) có giá trị còn lại tại 31 tháng 12 năm 2025 là 82.886.360.106 VND (tại 31 tháng 12 năm 2024: 87.195.465.316 VND) như trình bày tại Thuyết minh số 13.

(ii) Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hồ Chí Minh:

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Cấp tín dụng hạn mức số 276/2025/HĐTD/GDH ngày 05 tháng 9 năm 2025 có thời hạn 12 tháng với hạn mức cho vay 350.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất chế biến rau củ quả. Thời gian cho vay tối đa không quá 06 tháng và được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sở hữu bởi một bên thứ ba, tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi (bao gồm cả tiền lãi, lợi tức, các quyền, lợi ích phát sinh từ hợp đồng tiền gửi) có giá trị là 10.000.000.000 VND như trình bày tại thuyết minh số 06. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc lần lượt là 70.629.005.841 VND và 78.750 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.393.820.186 VND và 1.946.453 USD).
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 189/2025/HĐTD/GDH ngày 02 tháng 6 năm 2025 có thời hạn 12 tháng với hạn mức cấp tín dụng là 100.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay có kỳ hạn 06 tháng kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất theo từng lần giải ngân. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số BK 852118 thuộc sở hữu của Bên thứ ba. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 41.722.090.607 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 74.137.618.122 VND).

(iii) Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn:

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng Cấp tín dụng hạn mức số 279311.25.110.32561114.TD ngày 12 tháng 3 năm 2025 và các văn bản sửa đổi bổ sung có thời hạn đến ngày 15/01/2026 với hạn mức cho vay 200.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất chế biến rau củ quả. Thời gian cho vay tối đa không quá 06 tháng và được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Khoản vay chịu lãi suất theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sở hữu bởi một bên thứ ba; hợp đồng tiền gửi (bao gồm toàn bộ tiền lãi và các quyền, lợi ích phát sinh từ số dư tiền gửi) có giá trị là 91.500.000.000 VND (trong đó đảm bảo dư nợ vay của Công ty là 51.500.000.000 VND; bảo lãnh cho Công ty TNHH B'Laofood là 40.000.000.000 VND) như trình bày tại thuyết minh số 06. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 50.608.240.394 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 110.324.455.113 VND và 814.391,69 USD).
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng Cấp tín dụng số 301241.25.110.32792344.TD ngày 14 tháng 5 năm 2025 có thời hạn đến ngày 26 tháng 4 năm 2026 với hạn mức cấp tín dụng là 100.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay có kỳ hạn 06 tháng kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất theo từng lần giải ngân. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng giá trị Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 6 tháng trị giá 12.000.000.000 VND mở tại Ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 6 và các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 6 tháng trị giá 40.000.000.000 VND của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang - công ty mẹ của công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 73.849.765.613 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 59.995.970.971 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(iv) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang:

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo Hợp đồng Cấp tín dụng số 48/2025/HĐTD/VCB.AGI ngày 18 tháng 8 năm 2025 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng; Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 49/2025/BB/VCB.AGI ngày 18/08/2025, hợp đồng có thời hạn 12 tháng với hạn mức cho vay 100.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất chế biến rau củ quả. Thời gian cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 05 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là cố định, được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay của Vietcombank An Giang có giá trị tối thiểu là 55.000.000.000 VND tại mọi thời điểm theo hợp đồng thế chấp số 30/2025/TC.BB/VCB.AGI ngày 18 tháng 8 năm 2025 như tại thuyết minh số 11; các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng có giá trị là 50.000.000.000 VND như tại thuyết minh số 6. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 79.814.179.777 VND.

(v) Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh An Giang:

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh An Giang theo Hợp đồng Cấp tín dụng số REF2512981474/HĐCV ngày 25 tháng 8 năm 2025 và các phụ lục hợp đồng, hợp đồng có thời hạn 12 tháng với hạn mức cho vay 100.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất chế biến rau củ quả. Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay thuộc hạn mức không được vượt quá 06 tháng. Thời hạn cụ thể sẽ được quy định trong từng Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan mỗi lần khách hàng nhận nợ vốn vay. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong suốt thời hạn cho vay. Mức lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn được Ngân hàng và khách hàng thỏa thuận phù hợp quy định pháp luật và được quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Ngân hàng và khách hàng. Tài sản đảm bảo là phải thu luân chuyển với giá trị là 18.000.000.000 VND và hàng tồn kho luân chuyển với giá trị là 18.000.000.000 VND như tại thuyết minh số 11; các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng có giá trị 15.000.000.000 VND như tại thuyết minh số 6. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 43.716.021.181 VND.

(vi) Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

- Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Cấp tín dụng số FCA-000810-2025 ngày 07 tháng 08 năm 2025 có hiệu lực để rút tiền vay đến hết ngày 30/06/2026 với hạn mức cho vay 4.000.000 USD để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất chế biến rau củ quả. Lãi suất vay được xác định bằng chi phí vốn của Ngân hàng + 2,50%/năm tính trên cơ sở số ngày vay thực tế và một năm có 365 ngày. Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày giải ngân khoản cấp tín dụng đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản cấp tín dụng. (Chi phí vốn sẽ được quyết định dựa trên lãi suất thị trường tại thời điểm rút vốn vay). Lãi vay được xác định lại vào ngày cuối của mỗi kỳ tuần hoàn. Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay của Ngân hàng BPCE IOM – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị là 50.000.000.000 VND như tại thuyết minh số 11. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 22.697.657.554 VND.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng BPCE - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số FCA-000811-2025 ngày 07 tháng 08 năm 2025 có thời hạn đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 với hạn mức cấp tín dụng là 2.000.000 USD. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay có kỳ hạn tuần hoàn 01 tháng, các khoản vay có thể được tuần hoàn 06 tháng kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất theo từng lần giải ngân, lãi suất được xác định lại vào ngày cuối của mỗi kỳ tuần hoàn. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng giá trị Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 6 tháng trị giá 1.500.000.000 VND mở tại Ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 6. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 4.979.461.182 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(vii) Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Quận 10:

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Quận 10 theo Hợp đồng Cấp tín dụng số 1068448.25 ngày 07 tháng 07 năm 2025 có thời hạn 12 tháng với hạn mức cho vay 100.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất chế biến rau củ quả. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi được xác định tại thời điểm giải ngân theo từng lần giải ngân. Mức lãi suất vay được cố định trong suốt thời hạn vay. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng có giá trị 2.000.000.000 VND như tại thuyết minh số 6. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 1.802.351.767 VND.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm VND		Trong năm VND	Số cuối năm VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Tăng khác	Giảm	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 (i) Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam Cty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	200.876.723.763 17.577.730.707 6.283.240.001	16.194.952.067 - -	38.187.000.000 6.981.159.456 1.352.799.996	178.884.675.830 10.596.571.251 4.930.440.005
	224.737.694.471	16.194.952.067	46.520.959.452	194.411.687.086
Trong đó:				
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	43.013.959.452			45.782.469.061
- Số phải trả sau 12 tháng	181.723.735.019			148.629.218.025

(i) Chi tiết các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 theo Hợp đồng cho vay số 1111/2022-HĐCVDADT/NHCT924-ANT ngày 29 tháng 11 năm 2022 có thời hạn 37 tháng với tổng hạn mức 28.000.000.000 VND để thanh toán các chi phí đầu tư dự án nhà máy Bình Long. Khoản vay sẽ được trả gốc trong vòng 12 kỳ, giá trị thanh toán được quy định trong lịch trả nợ với Ngân hàng và được thanh toán vào ngày 30 của tháng cuối quý. Khoản vay chịu lãi suất theo từng lần giải ngân và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau VND cao nhất được niêm yết tại Ngân hàng này cộng chi phí huy động vốn tăng thêm và cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 1.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000.000.000 VND).
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 theo Hợp đồng cho vay số 1208/2022-HĐCVDADT/NHCT924-ANT ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 1208/2022-HĐCVDADT-SDBS03-NHCT924-ANT ký ngày 17 tháng 07 năm 2023 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức 21.000.000.000 VND để thanh toán các chi phí đầu tư dự án, sửa chữa nâng cấp Nhà máy Bình Long. Khoản vay sẽ được trả gốc trong vòng 56 kỳ, mỗi kỳ 240.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất theo từng lần giải ngân và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau VND cao nhất được niêm yết tại Ngân hàng cộng chi phí huy động vốn tăng thêm và cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 5.677.590.070 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 8.557.590.070 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tài sản đảm bảo cho 2 khoản vay nêu trên là giá trị tài sản cố định hữu hình gắn liền trên đất tại Nhà máy Bình Long, đồng thời đảm bảo cho các khoản vay khác tại ngân hàng này, như trình bày tại Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 23.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 theo Hợp đồng cho vay số 0105/2023-HĐCVDADT/NHCT924-ANT ngày 18 tháng 01 năm 2023 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 0105/2023-HĐCVDADT-SDBS06-NHCT924-ANT ký ngày 27 tháng 03 năm 2025 có thời hạn 84 tháng với tổng hạn mức 52.000.000.000 VND để thanh toán các chi phí đầu tư dự án Nhà máy Mỹ An. Khoản vay sẽ được trả gốc trong vòng 63 kỳ, mỗi kỳ 888.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất theo từng lần giải ngân và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau VND cao nhất được niêm yết tại Ngân hàng cộng chi phí huy động vốn tăng thêm và cộng biên độ tối thiểu 4%/năm. Tài sản đảm bảo các khoản vay là các tài sản cố định hữu hình đồng thời đảm bảo cho các khoản vay khác tại ngân hàng này, như trình bày tại Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 23. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 29.328.505.058 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 39.285.505.058 VND).
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 theo Hợp đồng cho vay số 1207/2024-HĐCVDADT/NHCT924-ANT ngày 26 tháng 12 năm 2024 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức 50.000.000.000 VND để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng, cải tạo và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh tại Nhà máy Mỹ An, Nhà máy Bình Long và Nhà máy Bình Khánh. Khoản vay sẽ được trả gốc trong vòng 60 kỳ theo phụ lục sửa đổi ngày 18 tháng 07 năm 2025, mỗi kỳ 855.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất theo từng lần giải ngân và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau VND cao nhất được niêm yết tại Ngân hàng cộng chi phí huy động vốn tăng thêm và cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là giá trị tài sản cố định hữu hình (bao gồm máy móc và thiết bị quản lý), hình thành từ dự án đầu tư xây dựng, cải tạo và mua sắm máy móc thiết bị tại Nhà máy Mỹ An, Nhà máy Bình Long và Nhà máy Bình Khánh như trình bày tại Thuyết minh số 16; tất cả các lợi ích, khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác có thể nhận được liên quan đến Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 41.015.452.360 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản vay có dư nợ gốc là 33.670.500.293 VND).
- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0601/2022-HĐCVDADT/NHCT924-B'LAQFOOD ngày 20 tháng 6 năm 2022 có thời hạn 120 tháng với hạn mức 130.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Nhà máy chế biến rau củ quả - Giai đoạn 1 với công suất 18.600 tấn/năm của Công ty. Thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đầu tiên, thời gian ân hạn là 12 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn của khoản nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 101.863.128.342 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 109.363.128.342 VND).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	37.796.000.000	34.680.000.000
Trong năm thứ hai	39.713.590.070	32.180.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	101.375.085.760	93.153.595.421
Sau năm năm	-	40.863.128.342
	178.884.675.830	200.876.723.763
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(37.796.000.000)	(34.680.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	141.088.675.830	166.196.723.763

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	8.328.715.846	9.133.189.986	7.986.469.061	8.333.959.452
Trong năm thứ hai	4.398.734.506	8.531.326.852	4.164.074.760	8.333.959.452
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.529.362.409	9.698.941.909	3.376.467.435	7.193.051.804
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	16.256.812.761	27.363.458.747	15.527.011.256	23.860.970.708
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			(7.986.469.061)	(8.333.959.452)
Số phải trả sau 12 tháng			7.540.542.195	15.527.011.256

25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí kiểm tra chất lượng hàng hóa tại nước nhập khẩu	779.224.334	6.064.261.155
	779.224.334	6.064.261.155
b. Dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.712.144.992	2.080.344.753
	2.712.144.992	2.080.344.753

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	143.999.880.000	(181.990.456)	60.633.883.485	23.730.934.051	228.182.707.080
Lợi nhuận trong năm	-	-	73.141.070.582	552.495.585	73.693.566.167
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	39.998.350.000	-	(39.998.350.000)	-	-
Số dư đầu năm nay	183.998.230.000	(181.990.456)	93.776.604.067	24.283.429.636	301.876.273.247
Lợi nhuận trong năm	-	-	123.888.304.648	5.356.120.270	129.244.424.918
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (ii)	18.638.850.000	-	(18.638.850.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP (iii)	2.400.000.000	(79.823.424)	-	-	2.320.176.576
Tặng do góp vốn (i)	35.000.000.000	9.900.000.000	-	-	44.900.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (iv)	-	-	(600.000.000)	-	(600.000.000)
Số dư cuối năm nay	240.037.080.000	9.638.186.120	198.426.058.715	29.639.549.906	477.740.874.741

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 51/2025/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 10 năm 2025 đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Tại ngày 12 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn thành phát hành 3.500.000 cổ phiếu, tương đương với 35.000.000.000 VND.
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/2025/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 03 năm 2025, Công ty thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1 vốn điều lệ. Công ty hoàn thành chia cổ tức bằng cổ phiếu tại ngày 23 tháng 4 năm 2025.
- (iii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2025/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2025 đã thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP2022. Tại ngày 22 tháng 01 năm 2025, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 240.000 cổ phiếu, tương đương với 2.400.000.000 VND.
- (iv) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty đã trích 600 triệu VND quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 12 tháng 11 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 240.037.080.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 183.998.230.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Ylang Holdings	85.599.990.000	35,66	46.000.000.000	25,00
Công ty TNHH Soybean	37.823.500.000	15,76	34.385.000.000	18,69
Công ty TNHH Passion Fruit	16.088.270.000	6,70	14.625.700.000	7,95
Trịnh Ngọc Kim Thi	10.782.920.000	4,49	34.247.200.000	18,61
Các cổ đông khác	89.742.400.000	37,39	54.740.330.000	29,75
	240.037.080.000	100,00	183.998.230.000	100,00

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.003.708	18.399.823
Cổ phiếu phổ thông	24.003.708	18.399.823
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.003.708	18.399.823
Cổ phiếu phổ thông	24.003.708	18.399.823

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	321.526,36	213.765,39
Rúp Nga (RUB)	28.910,00	30.230,00
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	5.158,00	5.158,00
Đô la Úc (AUD)	617,59	547,93

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực chế biến xuất khẩu thực phẩm đông lạnh và rau, củ quả đóng hộp, bán buôn thực phẩm đồ uống, gạo, giống cây trồng và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản và tất cả các hoạt động diễn ra trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài. Các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khác ngoài hoạt động chế biến xuất khẩu thực phẩm đông lạnh và rau, củ quả đóng hộp, bán buôn thực phẩm đồ uống, gạo, giống cây trồng và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản của Công ty chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, không lập báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận: Theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động cả trong nước và nước ngoài. Báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý như sau:

NĂM NAY

Chi tiêu	Tổng	Trong nước		Nước ngoài	
		Châu Á	Châu Mỹ	Châu Âu	
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.799.797.960.888	177.266.531.864	372.560.054.320	577.842.766.143	672.128.608.561
2. Tài sản bộ phận	422.308.249.633	-	-	-	-
3. Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản	85.622.765.965	-	-	-	-

NĂM TRƯỚC

Chi tiêu	Tổng	Trong nước		Nước ngoài	
		Châu Á	Châu Mỹ	Châu Âu	
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.404.766.180.379	233.013.108.320	279.489.850.459	473.816.754.179	418.446.467.421
2. Tài sản bộ phận	392.263.346.604	-	-	-	-
3. Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản	37.939.503.701	-	-	-	-



29. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.800.823.867.893	1.404.814.766.800
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.673.065.293.377	1.332.521.422.326
Doanh thu bán hàng hóa	83.848.829.110	57.360.663.624
Doanh thu khác	43.909.745.406	14.932.680.850
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.025.907.005)	(48.586.421)
Chiết khấu thương mại	(119.807.005)	-
Hàng bán bị trả lại	(906.100.000)	(48.586.421)
	1.799.797.960.888	1.404.766.180.379
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	332.730.019	13.944.444

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.253.509.432.077	1.009.677.053.135
Giá vốn của hàng hóa đã bán	62.374.904.682	37.326.325.939
Giá vốn khác	28.838.981.874	10.179.932.473
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.248.854.849	3.194.035.953
	1.349.972.173.482	1.060.377.347.500

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	862.823.253.298	837.829.082.322
Chi phí nhân công	206.125.743.527	179.320.989.523
Chi phí khấu hao tài sản cố định và lợi thế thương mại phân bổ	56.820.675.557	47.735.265.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	204.461.258.377	165.606.465.244
Chi phí khác bằng tiền	91.321.347.112	87.475.702.147
	1.421.752.277.871	1.317.967.504.337

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	17.388.322.219	15.509.651.217
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.191.091.304	3.630.451.937
	31.579.413.523	19.140.303.154

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi vay	53.044.365.883	38.306.045.541
Lỗi chênh lệch tỷ giá	18.777.967.631	15.075.775.011
Lãi nợ thuế tài chính	1.334.254.886	1.155.016.723
	73.156.588.400	54.536.837.275

34. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí cước tàu, xếp dỡ	48.941.308.747	46.402.538.939
Chi phí nhân công	9.354.227.100	9.791.591.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.207.788.558	3.134.116.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.995.309.543	50.833.672.672
Các khoản chi phí bán hàng khác	9.839.667.291	16.283.007.965
	139.338.301.239	126.444.927.645
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	59.039.560.346	55.805.232.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.232.883.679	3.417.865.667
Chi phí lợi thế thương mại phân bố	781.025.052	781.025.052
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.483.248.144	811.792.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.433.625.182	17.551.451.538
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	24.225.296.046	17.179.386.624
	125.195.638.449	95.546.754.420

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện hành được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	18.021.928.162	14.398.366.802
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	2.132.679.094	(488.003.601)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.154.607.256	13.910.363.201

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	123.888.304.648	73.141.070.582
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	(600.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	123.888.304.648	72.541.070.582
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	21.087.041	20.263.708
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.875	3.580

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ hiện tại và tất cả các kỳ trình bày phải được điều chỉnh cho các sự kiện (trừ việc chuyển đổi cổ phiếu phổ thông tiềm năng) tạo ra sự thay đổi về số lượng cổ phiếu phổ thông mà không dẫn đến thay đổi về nguồn vốn. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được xác định lại trên cơ sở trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, cụ thể lại như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	73.141.070.582	73.141.070.582
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	(600.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	73.141.070.582	72.541.070.582
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.399.823	20.263.708
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.975	3.580

37. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Ylang Agri	Công ty cổ cùng nhân sự chủ chốt
Công ty Cổ phần Ylang Consumer	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Vật tư Ba Nông	Công ty do thành viên mật thiết trong gia đình của nhân sự chủ chốt nắm quyền (từ ngày 11 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 9 năm 2025)
Ông Nguyễn Đình Khương	Nhân sự chủ chốt (từ ngày 11 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 9 năm 2025)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Ylang Agri	290.627.828	13.944.444
Công ty Cổ phần Ylang Consumer	1.027.778	-
Ông Nguyễn Đình Khương (*)	42.102.191	-
	333.757.797	13.944.444
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Ylang Agri	-	97.464.000
Công ty Cổ phần Vật tư Ba Nông (*)	23.602.937.800	-
	23.602.937.800	97.464.000

(*) Giao dịch được tính đến trước thời điểm không còn là bên liên quan hoặc bắt đầu từ thời điểm trở thành bên liên quan. Không trình bày giao dịch năm trước/năm nay do không còn là bên liên quan hoặc chưa trở thành bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Thu nhập ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác, Thủ lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thủ lao Hội đồng Quản trị (i)	460.572.922	237.846.154
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác (ii)	6.664.674.868	5.336.279.162
Thủ lao Ban kiểm soát (iii)	223.846.155	120.000.000
	7.349.093.945	5.694.125.316

(i) Bao gồm thủ lao của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	460.572.922	237.846.154
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	108.323.077	33.846.154
Ông Đinh Hùng Dũng	93.138.462	60.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Minh	89.538.461	48.000.000
Ông Lê Hải Linh	76.153.846	-
Ông Nguyễn Đình Khương	49.753.846	-
Ông Nguyễn Đình Khương	16.896.000	-
Ông Nguyễn Phước Hiếu	13.384.615	48.000.000
Ông Bùi Ngọc Duy	13.384.615	33.846.154
Bà Nguyễn Đức Quỳnh Trang	-	14.153.846

(ii) Bao gồm tiền lương và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	6.664.674.868	5.336.279.162
Ông Nguyễn Hoàng Minh	1.829.179.344	1.707.643.328
Ông Bùi Anh Tuấn	1.337.525.748	1.239.599.756
Ông Nguyễn Huy Cường	1.343.405.748	1.245.339.756
Bà Đặng Hoàng Lục Uyên	1.116.725.928	296.691.982
Bà Trần Thụy Tố Trinh	1.037.838.100	847.004.340

(iii) Bao gồm thủ lao của từng thành viên trong Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ban kiểm soát	223.846.155	120.000.000
Ông Bùi Ngọc Duy	76.153.846	-
Bà Hoàng Ngân Hà	13.384.615	48.000.000
Ông Trần Văn Hợp	67.153.847	36.000.000
Ông Phạm Thanh Quang	67.153.847	36.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 13.331.071.755 VND (2024: 19.083.839.985 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

39. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 03 năm 2026, Hội đồng quản trị phê duyệt việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần ANTAGRI với số vốn điều lệ là 10 tỷ VND, trong đó, tỉ lệ vốn góp của Công ty tương ứng với 65% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần ANTAGRI.


Vũ Ngọc Thu Ngân
 Người lập biểu


Trần Thụy Tố Trinh
 Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Minh
 Tổng Giám đốc



Ngày 20 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 36



CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2025) Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2025)
Ông Đinh Hùng Dũng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2025) Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2025)
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên
Ông Lê Hải Linh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)
Ông Nguyễn Phước Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2025) Thành viên (từ nhiệm ngày 12 tháng 03 năm 2026)
Ông Nguyễn Đình Khương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025) Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2025)
Ông Bùi Ngọc Duy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)
Ông Trương Văn Nhân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Minh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Hoàng Lục Uyên	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Bùi Ngọc Duy	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)
Bà Hoàng Ngân Hà	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)
Ông Phạm Thanh Quang	Thành viên
Ông Trần Văn Hợp	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Deloitte.

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza
16 Láng Hạ, Phường Giàng Vả
Thành phố Hà Nội
Việt Nam
Điện thoại: +84 24 7 10 50000
www.deloitte.com/vn

Số: 0724 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Deloitte.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Tuấn Linh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2024-001-1

Trịnh Đình Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5779-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên
Tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		796.627.564.768	611.770.764.310
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	58.944.680.487	55.016.064.367
1. Tiền	111		8.944.680.487	55.016.064.367
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	242.000.000.000	137.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		242.000.000.000	137.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		286.107.280.820	164.341.260.860
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	135.467.198.978	76.004.741.652
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	4.447.090.167	10.291.767.896
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	35	146.300.000.000	74.800.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	6.036.210.624	7.904.722.117
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(6.143.218.949)	(4.659.970.805)
IV. Hàng tồn kho	140	11	165.097.375.332	237.414.302.219
1. Hàng tồn kho	141		169.773.295.150	244.359.158.992
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.675.919.818)	(6.944.856.773)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		44.478.228.129	17.999.136.864
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	4.775.774.867	4.996.200.592
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		39.699.236.524	13.002.936.272
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	3.216.738	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		324.297.036.510	310.136.535.282
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.301.768.464	6.176.550.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	6.301.768.464	6.176.550.000
II. Tài sản cố định	220		227.132.960.435	197.352.289.146
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	213.327.990.163	175.464.390.266
- Nguyên giá	222		437.789.078.101	367.917.721.192
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(224.461.087.938)	(192.453.330.926)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	11.234.719.821	18.973.587.753
- Nguyên giá	225		30.955.471.703	30.955.471.703
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(19.720.751.882)	(11.981.883.950)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	2.570.250.451	2.914.311.127
- Nguyên giá	228		5.076.623.200	5.076.623.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.506.372.749)	(2.162.312.073)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.674.578.000	34.622.412.276
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	5.674.578.000	34.622.412.276
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	62.500.000.000	62.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		58.500.000.000	58.500.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		4.000.000.000	4.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		22.687.729.611	9.485.283.860
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	20.764.452.189	7.140.632.485
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	1.923.277.422	2.344.651.375
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.120.924.601.278	921.907.299.592

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên
Tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		675.158.116.230	637.480.786.546
I. Nợ ngắn hạn	310		616.225.949.980	560.400.817.605
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	52.518.864.865	62.967.248.953
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	1.741.491.962	58.319.672.031
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	18.061.453.346	15.047.919.748
4. Phải trả người lao động	314		11.558.449.035	6.513.897.575
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	12.171.886.266	22.391.425.361
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	3.581.436.528	1.505.288.833
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	515.357.883.075	387.564.806.180
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	779.224.334	6.064.261.155
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		455.260.569	26.297.769
II. Nợ dài hạn	330		58.932.166.250	77.079.968.941
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		31.571.584	69.457.516
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	56.188.449.674	74.930.166.672
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	2.712.144.992	2.080.344.753
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		445.766.485.048	284.426.513.046
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	445.766.485.048	284.426.513.046
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		240.037.080.000	183.998.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		240.037.080.000	183.998.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.638.186.120	(181.990.456)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		196.091.218.928	100.610.273.502
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		81.371.423.502	27.296.426.814
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		114.719.795.426	73.313.846.688
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.120.924.601.278	921.907.299.592

Vô Ngọc Thu Ngân
Người lập biểuTrần Thụy Tố Trinh
Kế toán trưởngNguyễn Hoàng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên
Tỉnh An Giang, Việt Nam

MAU SỐ B 02-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	1.684.998.813.384	1.217.274.786.440
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	1.025.907.005	48.586.421
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.683.972.906.379	1.217.226.200.019
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	1.287.018.557.242	909.575.644.922
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		396.954.349.137	307.650.555.097
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	34.317.133.896	23.755.972.835
7. Chi phí tài chính	22	32	48.872.629.137	35.965.761.523
- Trong đó: Chi phí lãi vay và lãi nợ thuê tài chính	23		30.730.374.199	21.146.069.713
8. Chi phí bán hàng	25	33	134.405.459.661	122.334.940.215
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	114.442.698.153	85.915.810.922
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		133.550.696.082	87.190.015.272
11. Thu nhập khác	31		43.525.119	153.799.972
12. Chi phí khác	32		431.123.660	264.968.531
13. Lãi khác (40=31-32)	40		(387.598.541)	(111.168.559)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		133.163.097.541	87.078.846.713
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	18.021.928.162	14.398.366.802
16. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34	421.373.953	(633.366.777)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		114.719.795.426	73.313.846.688

Võ Ngọc Thu Ngân
Người lập biểu

Trần Thụy Tố Trinh
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên
Tỉnh An Giang, Việt Nam

MAU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	133.163.097.541	87.078.846.713
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	41.567.869.822	33.570.357.964
Các khoản dự phòng	03	(5.336.058.929)	12.369.698.607
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	376.391.115	214.672.415
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(17.566.619.302)	(8.334.458.287)
Chi phí lãi vay và nợ thuê tài chính	06	30.730.374.199	21.146.069.713
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	182.935.054.446	146.045.187.125
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(86.928.427.656)	(37.867.132.859)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	74.585.863.842	(100.254.443.919)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(68.300.191.668)	75.233.501.800
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.361.482.715	2.101.095.748
Tiền lãi vay đã trả	14	(30.536.007.808)	(21.069.576.978)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.626.859.466)	(3.185.154.600)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	35.100.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(309.003.664)	(88.385.425)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	61.217.010.541	60.915.090.892
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(58.624.584.083)	(54.657.647.781)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	29.629.630	149.164.352
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(307.200.000.000)	(264.090.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	130.700.000.000	115.690.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.538.160.897	1.596.637.784
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(213.556.793.556)	(201.311.845.645)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên
Tỉnh An Giang, Việt Nam

MÃ SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND			
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	47.220.176.576	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.094.631.212.997	896.858.218.002
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(978.598.693.644)	(719.391.667.290)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(6.981.159.456)	(7.002.165.913)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	156.271.536.473	170.464.384.799
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	3.931.753.458	30.067.630.046
Tiền đầu năm	60	55.016.064.367	24.935.945.771
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.137.338)	12.488.550
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	58.944.680.487	55.016.064.367


Võ Ngọc Thu Ngân
Người lập biểu


Trần Thụy Tố Trinh
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Minh
Tổng Giám đốc



Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên
Tỉnh An Giang, Việt Nam

MÃ SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang, theo Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2008, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1600230014 ngày 01 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán “ANT”) được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 1255/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 12 năm 2025 và chính thức giao dịch ngày đầu tiên tại HOSE kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026.

Công ty có trụ sở chính tại số 69-71-73 Nguyễn Huệ, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.444 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 773 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành công nghiệp chế biến nông sản.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến xuất khẩu thực phẩm đông lạnh và rau, củ quả đóng hộp, bán buôn thực phẩm đồ uống, gạo, giống cây trồng và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty con mà Công ty nắm giữ tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH B'Laofood	Tỉnh Lâm Đồng	65,00%	65,00%	Chế biến xuất khẩu thực phẩm đông lạnh và rau, củ quả đóng hộp

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Thông tin chi tiết về các Chi nhánh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

STT	Tên Chi nhánh	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang - Nhà máy Bình Khánh	Đường Phan Bội Châu, phường Bình Đức, tỉnh An Giang
2.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang - Nhà máy Mỹ An	Ấp Mỹ Long, xã Long Kiến, tỉnh An Giang
3.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang - Nhà máy Bình Long	Đường số 2, Lô D, KCN Bình Long, xã Châu Phú, tỉnh An Giang
4.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang - Xưởng Hòa Bình	Ấp An Thuận, xã Hội An, tỉnh An Giang
5.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang - Văn phòng đại diện (ii)	UOA Tower, 06 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
6.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang - Trung tâm phân phối - Cửa hàng bán lẻ (i)	155/9 Đinh Bộ Lĩnh, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

(i) Theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 6 năm 2025, Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị thông qua việc giải thể và đóng mã số thuế của Chi nhánh Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang - Trung tâm phân phối - Cửa hàng bán lẻ. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục giải thể và đóng mã số thuế của Chi nhánh này.

(ii) Theo Nghị quyết số 33/2025/NQ -HĐQT ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị Công ty đã chấp thuận phương án thành lập văn phòng đại diện tại UOA Tower, 06 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 01 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn thành các thủ tục cần thiết và được Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện này.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con trong một báo cáo khác. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng này với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200 và,
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (kỳ hạn gốc không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có). Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 12
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	04
Phương tiện vận tải	04

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng các lô đất từ 37 đến 45 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí sửa chữa lớn, lợi thế vị trí địa lý, tiền thuê Quyền sử dụng đất trả trước, công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác.

Chi phí sửa chữa lớn là các chi phí duy tu, bảo dưỡng, thay thế sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại năng lực hoạt động theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu của tài sản và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Giá trị lợi thế vị trí địa lý phát sinh từ việc xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa Công ty. Theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính, hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, khoản lợi thế này được dùng để căn trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm kể từ năm 2014.

Tiền thuê Quyền sử dụng đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê Quyền sử dụng đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tài phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	689.446.524	511.641.728
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.255.233.963	54.504.422.639
Các khoản tương đương tiền (*)	50.000.000.000	-
	58.944.680.487	55.016.064.367

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với mức lãi suất từ 3,9%/năm đến 4,2%/năm. Các khoản tương đương tiền này được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay tại chính Ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 24.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a1) Ngắn hạn	242.000.000.000	242.000.000.000	137.000.000.000	137.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	242.000.000.000	242.000.000.000	137.000.000.000	137.000.000.000
a2) Dài hạn	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
- Trái phiếu (ii)	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
	246.000.000.000	246.000.000.000	141.000.000.000	141.000.000.000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn phản ánh giá trị các hợp đồng tiền gửi của Công ty với kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần và được sử dụng làm tài sản bảo đảm thế chấp cho các khoản vay của Công ty và công ty con tại ngân hàng đã mở hợp đồng tiền gửi như trình bày tại Thuyết minh số 24 và Thuyết minh số 36.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản trái phiếu phản ánh giá trị trái phiếu Công ty nắm giữ với kỳ hạn 120 tháng đáo hạn ngày 20 tháng 7 năm 2033 do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành và được sử dụng làm tài sản bảo đảm thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 24.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

b. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH B'Laofood (iii)	58.500.000.000	-	58.500.000.000	-
	58.500.000.000	-	58.500.000.000	-

(iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

Tình hình hoạt động của công ty con trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH B'Laofood	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty con trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 35.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Future Foods Co., Ltd	16.884.904.267	-
Newberry International Produce Ltd.	15.822.936.688	3.797.043.372
Crop's Fruits NV	12.599.325.600	6.695.315.044
Polarica SP .Zoo.	-	10.254.936.120
Khác	90.160.032.423	55.257.447.116
	135.467.198.978	76.004.741.652

Công ty sử dụng quyền tài sản phát sinh từ các khoản phải thu luân chuyển hình thành từ nguồn vốn vay để đảm bảo cho một số khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 24.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thái Năng Việt	1.266.598.605	1.266.598.605
Công ty TNHH SAIKOPACK Việt Nam	-	5.897.925.000
Khác	3.180.491.562	3.127.244.291
	4.447.090.167	10.291.767.896

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.363.557.543	7.364.728.768
Tạm ứng	1.933.308.244	465.944.473
Khác	739.344.837	74.048.876
	6.036.210.624	7.904.722.117
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ (i)	6.301.768.464	6.176.550.000
	6.301.768.464	6.176.550.000

Trong đó:
Phải thu khác từ bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số 35)

- 5.749.997.263

(i) Thể hiện khoản ký quỹ với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam cho các tài sản thuê tài chính, hợp đồng thuê có thời hạn 48 tháng.

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Alba	2.645.280.660	-	Trên 3 năm	2.645.280.660	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thái Nông Việt	1.457.508.605	-	Trên 3 năm	1.457.508.605	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	2.396.004.284	355.574.600	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	557.181.540	-	Trên 3 năm
	6.498.793.549	355.574.600		4.659.970.805	-	

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	633.200.800	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	15.134.170.810	-	7.518.227.741	-
Công cụ, dụng cụ	955.701.097	-	1.034.513.678	-
Thành phẩm	137.258.301.378	(4.675.919.818)	210.805.283.331	(6.944.856.773)
Hàng hoá	2.253.570.165	-	19.051.670.430	-
Hàng gửi bán	13.538.350.900	-	5.949.463.811	-
	169.773.295.150	(4.675.919.818)	244.359.158.992	(6.944.856.773)

Trong năm, Công ty đã trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 4.675.919.818 VND và hoàn nhập 6.944.856.773 VND, dựa trên việc đánh giá suy giảm giá trị hàng tồn tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng (năm 2024: trích lập dự phòng với số tiền là 6.944.856.773 VND và hoàn nhập dự phòng với số tiền là 1.451.212.171 VND).

Công ty sử dụng quyền tài sản phát sinh từ hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ nguồn vốn vay để đảm bảo cho một số khoản vay tại các ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 24.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.552.935.096	2.612.961.049
Khác	3.222.839.771	2.383.239.543
	4.775.774.867	4.996.200.592
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn	16.034.309.053	1.877.398.431
Lợi thế vị trí địa lý	3.564.539.117	3.898.606.781
Tiền thuê Quyền sử dụng đất	975.000.000	1.065.000.000
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	28.015.146	197.927.276
Khác	162.588.873	101.699.997
	20.764.452.189	7.140.632.485

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	94.420.942.486	253.035.775.539	3.666.702.404	16.794.300.763	367.917.721.192
Tăng trong năm	18.204.853.502	51.728.832.609	1.084.855.000	330.000.000	71.348.541.111
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.294.385.537)	(182.798.665)	-	(1.477.184.202)
Số dư cuối năm	112.625.795.988	303.470.222.611	4.568.758.739	17.124.300.763	437.789.078.101
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	37.826.766.127	141.103.192.361	2.930.159.247	10.593.213.191	192.453.330.926
Khấu hao trong năm	6.115.830.147	25.169.460.545	386.481.944	1.813.168.578	33.484.941.214
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.294.385.537)	(182.798.665)	-	(1.477.184.202)
Số dư cuối năm	43.942.596.274	164.978.267.369	3.133.842.526	12.406.381.769	224.461.087.938
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	56.594.176.359	111.932.583.178	736.543.157	6.201.087.572	175.464.390.266
Tại ngày cuối năm	68.683.199.714	138.491.955.242	1.434.916.213	4.717.918.994	213.327.990.163

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao vẫn còn được sử dụng là 73.027.864.396 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 68.149.183.058 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình được Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng là 187.024.981.926 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 153.815.519.938 VND) như trình bày tại Thuyết minh số 24 và Thuyết minh số 25.

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	28.579.693.532	2.375.778.171	30.955.471.703
Số dư cuối năm	28.579.693.532	2.375.778.171	30.955.471.703
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	11.103.984.979	877.898.971	11.981.883.950
Khấu hao trong năm	7.144.923.384	593.944.548	7.738.867.932
Số dư cuối năm	18.248.908.363	1.471.843.519	19.720.751.882
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	17.475.708.553	1.497.879.200	18.973.587.753
Tại ngày cuối năm	10.330.785.169	903.934.652	11.234.719.821

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	3.750.673.200	1.325.950.000	5.076.623.200
Số dư cuối năm	3.750.673.200	1.325.950.000	5.076.623.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.647.298.954	515.013.119	2.162.312.073
Khấu hao trong năm	73.748.388	270.312.288	344.060.676
Số dư cuối năm	1.721.047.342	785.325.407	2.506.372.749
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	2.103.374.246	810.936.881	2.914.311.127
Tại ngày cuối năm	2.029.625.858	540.624.593	2.570.250.451

Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.029.625.858 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.103.374.246 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 24.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	5.674.578.000	18.601.724.476
Các công trình xây dựng dở dang	-	16.020.687.800
	5.674.578.000	34.622.412.276

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Hoạt động chịu thuế suất thông thường	20,00%	20,00%
- Hoạt động chịu thuế suất ưu đãi	10,00%	10,00%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.923.277.422	2.344.651.375
Trong đó:		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chi phí chưa có hóa đơn	362.383.592	335.823.047
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc	527.591.574	405.357.031
- Khác	1.033.302.256	1.603.371.297
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.923.277.422	2.344.651.375

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Giá trị/Số có khả năng trả nợ		
Công ty TNHH Thương mại Múa vàng Long An	5.659.984.188	2.083.375.700
Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Phú Thịnh An Khánh	4.112.522.728	309.861.000
Công ty TNHH MTV Bao bì Bến Tre	1.022.985.126	3.036.167.766
Khác	41.723.372.823	57.537.844.487
	52.518.864.865	62.967.248.953

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Mercer Foods, LLC	-	55.048.315.165
Khác	1.741.491.962	3.273.356.866
	1.741.491.962	58.319.672.031

11/01/2025
in
FI
M
11/01/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Tiền thuê đất	-	366.235.048	369.451.786	3.216.738
	-	366.235.048	369.451.786	3.216.738
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	536.903.852	536.903.852	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.398.366.802	18.021.928.162	14.626.859.466	17.793.435.498
Thuế thu nhập cá nhân	630.744.927	3.721.146.788	4.107.228.358	244.663.357
Thuế khác	18.808.019	262.668.103	258.121.631	23.354.491
	15.047.919.748	22.542.646.905	19.529.113.307	18.061.453.346

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền lương, thưởng cho người lao động	9.452.290.000	20.105.683.000
Lãi vay	590.014.474	395.648.083
Khác	2.129.581.792	1.890.094.278
	12.171.886.266	22.391.425.361

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Dự phòng phí kiểm tra chất lượng hàng hóa tại nước nhập khẩu	779.224.334	6.064.261.155
	779.224.334	6.064.261.155
b. Dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.712.144.992	2.080.344.753
	2.712.144.992	2.080.344.753

23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản trích theo lương	2.914.297.111	490.496.957
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	155.496.000	100.500.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	24.928.110	24.928.110
Khác	486.715.307	889.363.766
	3.581.436.528	1.505.288.833

11/01/2025
in
FI
M
11/01/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm
	VND		VND		VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	353.403.646.724	1.078.436.260.930	947.911.693.644	483.928.214.010	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 (i)	162.144.533.068	531.125.074.290	480.686.038.612	212.583.568.746	
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn (ii)	131.132.977.184	174.739.456.305	255.264.193.095	50.608.240.394	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	60.126.136.472	221.825.410.056	209.245.351.937	72.706.194.691	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (iv)	-	79.814.179.777	-	79.814.179.777	
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh An Giang (v)	-	46.432.131.181	2.716.110.000	43.716.021.181	
Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Thành phố HCM (vi)	-	22.697.657.554	-	22.697.657.554	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quận 10 (vii)	-	1.802.351.767	-	1.802.351.767	
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	34.161.159.456	34.936.669.065	37.668.159.456	31.429.669.065	
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 25)	27.180.000.000	28.303.000.000	30.687.000.000	24.796.000.000	
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 25)	6.981.159.456	6.633.669.065	6.981.159.456	6.633.669.065	
	387.564.806.180	1.113.372.929.995	985.579.853.100	515.357.883.075	

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

(i) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7:

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0801/2025-HĐCVHM/NHCT924-ANT ngày 18/08/2025; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0812/2024-HĐCVHM/NHCT924-ANT ngày 29/08/2024 và các văn bản sửa đổi bổ sung có thời hạn 12 tháng với hạn mức cho vay 250.500.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất chế biến rau củ quả, đồ ăn đóng hộp và hạt giống. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi giấy nhận nợ không quá 6 tháng, được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay chịu lãi suất theo từng lần giải ngân và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay bao gồm: tài sản vô hình với giá trị còn lại là 2.029.625.858 VND như trình bày tại Thuyết minh số 15; tài sản cố định hữu hình gắn liền trên đất với tổng giá trị còn lại là 187.024.981.926 VND như trình bày tại Thuyết minh số 13, các tài sản này đồng thời bảo đảm cho các khoản vay dài hạn tại ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 25; trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trị giá 4.000.000.000 VND như trình bày tại Thuyết minh số 06; hàng tồn kho luân chuyển tại kho nhà máy Mỹ An, nhà máy Bình Long với giá trị là 46.000.0000.0000 VND như trình bày tại Thuyết minh số 11 và các quyền và lợi ích phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm (bao gồm quyền nhận tiền bảo hiểm, bồi thường) gắn liền với hàng tồn kho; quyền đòi nợ từ các khoản phải thu luân chuyển với giá trị là 94.000.000.000 VND như trình bày tại Thuyết minh số 07 và các hợp đồng tiền gửi có giá trị là 101.500.000.000 VND (trong đó đảm bảo dư nợ vay của Công ty là 58.300.000.000 VND; bảo lãnh cho Công ty TNHH B'Laofoods là 43.200.000.000 VND) (bao gồm cả tiền lãi, lợi tức, các quyền, lợi ích phát sinh từ hợp đồng tiền gửi) như trình bày tại Thuyết minh số 06. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc lần lượt là 208.911.494.691 VND và 139.215 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 160.937.248.318 VND và 47.250 USD).

(ii) Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng Cấp tín dụng hạn mức số 279311.25.110.32561114.TD ngày 12 tháng 3 năm 2025 và các văn bản sửa đổi bổ sung có thời hạn đến ngày 15/01/2026 với hạn mức cho vay 200.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất chế biến rau củ quả. Thời gian cho vay tối đa không quá 06 tháng và được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Khoản vay chịu lãi suất theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sở hữu bởi một bên thứ ba; hợp đồng tiền gửi (bao gồm toàn bộ tiền lãi và các quyền, lợi ích phát sinh từ số dư tiền gửi) có giá trị là 91.500.000.000 VND (trong đó đảm bảo dư nợ vay của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang là 50.500.000.000 VND; bảo lãnh cho Công ty TNHH B'Laofoods là 40.000.000.000 VND) như trình bày tại thuyết minh số 06. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc lần lượt là 50.608.240.394 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 110.324.455.113 VND và 814.391,69 USD).

(iii) Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Cấp tín dụng hạn mức số 276/2025/HĐTD/GDH ngày 05 tháng 9 năm 2025 có thời hạn 12 tháng với hạn mức cho vay 350.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất chế biến rau củ quả. Thời gian cho vay tối đa không quá 06 tháng và được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sở hữu bởi một bên thứ ba, tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi (bao gồm cả tiền lãi, lợi tức, các quyền, lợi ích phát sinh từ hợp đồng tiền gửi) có giá trị là 10.000.000.000 VND như trình bày tại thuyết minh số 06. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc lần lượt là 70.629.005.841 VND và 78.750 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.393.820.186 VND và 1.946.453 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(iv) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo Hợp đồng Cấp tín dụng số 48/2025/HĐTD/VCB.AGI ngày 18 tháng 8 năm 2025 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng; Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 49/2025/BB/VCB.AGI ngày 18/08/2025, hợp đồng có thời hạn 12 tháng với hạn mức cho vay 100.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất chế biến rau củ quả. Thời gian cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 05 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là cố định, được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo Hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay của Vietcombank An Giang có giá trị tối thiểu là 55.000.000.000 VND tại mọi thời điểm theo hợp đồng thế chấp số 30/2025/TC.BB/VCB.AGI ngày 18 tháng 8 năm 2025 như tại thuyết minh số 11; các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng có giá trị 50.000.000.000 VND như tại thuyết minh số 6. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 79.814.179.777 VND.

(v) Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh An Giang:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh An Giang theo Hợp đồng Cấp tín dụng số REF2512981474/HĐCV ngày 25 tháng 8 năm 2025 và các phụ lục hợp đồng, hợp đồng có thời hạn 12 tháng với hạn mức cho vay 100.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất chế biến rau củ quả. Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay thuộc hạn mức không được vượt quá 06 tháng. Thời hạn cụ thể sẽ được quy định trong từng Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan mỗi lần khách hàng nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong suốt thời hạn cho vay. Mức lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn được Ngân hàng và khách hàng thỏa thuận phù hợp quy định pháp luật và được quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Ngân hàng và khách hàng. Tài sản đảm bảo là phải thu luân chuyển với giá trị là 18.000.000.000 VND và hàng tồn kho luân chuyển với giá trị là 18.000.000.000 VND như tại thuyết minh số 11; các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng có giá trị 15.000.000.000 VND như tại thuyết minh số 6. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 43.716.021.181 VND.

(vi) Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Cấp tín dụng số FCA-000810-2025 ngày 07 tháng 08 năm 2025 có hiệu lực để rút tiền vay đến hết ngày 30/06/2026 với hạn mức cho vay 4.000.000 USD để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất chế biến rau củ quả. Lãi suất vay được xác định bằng chi phí vốn của Ngân hàng + 2,50%/năm tính trên cơ sở số ngày vay thực tế và một năm có 365 ngày. Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày giải ngân khoản cấp tín dụng đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản cấp tín dụng. (Chi phí vốn sẽ được quyết định dựa trên lãi suất thị trường tại thời điểm rút vốn vay). Lãi vay được xác định lại vào ngày cuối của mỗi kỳ tuần hoàn. Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay của Ngân hàng BPCE IOM - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị là 50.000.000.000 VND như tại thuyết minh số 11. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 22.697.657.554 VND.

(vii) Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quận 10:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Quận 10 theo Hợp đồng Cấp tín dụng số 1068448.25 ngày 07 tháng 07 năm 2025 có thời hạn 12 tháng với hạn mức cho vay 100.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất chế biến rau củ quả. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi được xác định tại thời điểm giải ngân theo từng lần giải ngân. Mức lãi suất vay được cố định trong suốt thời hạn vay. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng có giá trị 2.000.000.000 VND như tại thuyết minh số 6. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 1.802.351.767 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm	Số cuối năm
	VND		VND	VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 (i)	91.513.595.421	18.194.952.067	30.687.000.000	77.021.547.488
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	17.577.730.707	-	6.981.159.456	10.596.571.251
	109.091.326.128	16.194.952.067	37.668.159.456	87.618.118.739

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng	34.161.159.456			31.429.669.065
- Số phải trả sau 12 tháng	74.930.166.672			56.188.449.674

Chi tiết khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

(i) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 theo Hợp đồng cho vay số 1111/2022-HĐCVDADT/NHCT924-ANT ngày 29 tháng 11 năm 2022 có thời hạn 37 tháng không vượt quá ngày 13 tháng 1 năm 2026 với tổng hạn mức 28.000.000.000 VND để thanh toán các chi phí đầu tư dự án nhà máy Bình Long. Khoản vay sẽ được trả gốc trong vòng 12 kỳ, giá trị thanh toán được quy định trong lịch trả nợ với Ngân hàng và được thanh toán vào ngày 30 của tháng cuối quý. Khoản vay chịu lãi suất theo từng lần giải ngân và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau VND cao nhất được niêm yết tại Ngân hàng này cộng chi phí huy động vốn tăng thêm và cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 1.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000.000.000 VND).

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 7 theo Hợp đồng cho vay số 1208/2022-HĐCVDADT/NHCT924-ANT ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 1208/2022-HĐCVDADT-SDBS03-NHCT924-ANT ký ngày 17/07/2023 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức 21.000.000.000 VND để thanh toán các chi phí đầu tư dự án, sửa chữa nâng cấp Nhà máy Bình Long. Khoản vay sẽ được trả gốc trong vòng 56 kỳ, mỗi kỳ 240.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất theo từng lần giải ngân và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau VND cao nhất được niêm yết tại Ngân hàng cộng chi phí huy động vốn tăng thêm và cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 5.677.590.070 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 8.557.590.070 VND).

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 7 theo Hợp đồng cho vay số 0105/2023-HĐCVDADT/NHCT924-ANT ngày 18 tháng 01 năm 2023 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 0105/2023-HĐCVDADT-SDBS06-NHCT924-ANT ký ngày 27/03/2025 có thời hạn 84 tháng với tổng hạn mức 52.000.000.000 VND để thanh toán các chi phí đầu tư dự án Nhà máy Mỹ An. Khoản vay sẽ được trả gốc trong vòng 63 kỳ, mỗi kỳ 888.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất theo từng lần giải ngân và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau VND cao nhất được niêm yết tại Ngân hàng cộng chi phí huy động vốn tăng thêm và cộng biên độ tối thiểu 4%/năm. Tài sản đảm bảo các khoản vay là các tài sản cố định hữu hình đồng thời đảm bảo cho các khoản vay khác tại ngân hàng này, như trình bày tại Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 24. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 29.328.505.058 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 39.285.505.058 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-ĐN

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 theo Hợp đồng cho vay số 1207/2024-HĐCVDADT/NHCT924-ANT ngày 26 tháng 12 năm 2024 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức 50.000.000.000 VND để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng, cải tạo và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh tại Nhà máy Mỹ An, Nhà máy Bình Long và Nhà máy Bình Khánh. Khoản vay sẽ được trả gốc trong vòng 60 kỳ theo phụ lục sửa đổi ngày 18 tháng 07 năm 2025, mỗi kỳ 855.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất theo từng lần giải ngân và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau VND cao nhất được niêm yết tại Ngân hàng cộng chi phí huy động vốn tăng thêm và cộng biên độ tối thiểu 3.5%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là giá trị tài sản cố định hữu hình (bao gồm máy móc và thiết bị quản lý), hình thành từ dự án đầu tư xây dựng, cải tạo và mua sắm máy móc thiết bị tại Nhà máy Mỹ An, Nhà máy Bình Long và Nhà máy Bình Khánh như trình bày tại Thuyết minh số 16. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản vay có dư nợ gốc là 41.015.452.360 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 33.670.500.293 VND).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	24.796.000.000	27.180.000.000
Trong năm thứ hai	23.713.590.070	19.180.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	28.511.957.418	45.153.595.421
	77.021.547.488	91.513.595.421
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(24.796.000.000)	(27.180.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	52.225.547.488	64.333.595.421

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Giá trị hiện tại của			
	Các khoản tiền thuê tối thiểu		các khoản tiền thuê tối thiểu	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	6.633.669.065	7.344.382.532	6.633.669.065	6.981.159.456
Trong năm thứ hai	2.811.274.764	6.846.684.997	2.811.274.764	6.981.159.456
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.151.627.422	5.744.798.900	1.151.627.422	3.615.411.795
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	10.596.571.251	19.935.866.429	10.596.571.251	17.577.730.707
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			(6.633.669.065)	(6.981.159.456)
Số phải trả sau 12 tháng			3.962.902.186	10.596.571.251

12.12.2025

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-ĐN

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	143.999.880.000	(181.990.456)	67.294.776.814	211.112.666.358
Lợi nhuận trong năm	-	-	73.313.846.688	73.313.846.688
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	39.998.350.000	-	(39.998.350.000)	-
Số dư đầu năm nay	183.998.230.000	(181.990.456)	100.610.273.502	284.426.513.046
Tăng vốn trong năm (i)	35.000.000.000	9.900.000.000	-	44.900.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	114.719.795.426	114.719.795.426
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (ii)	18.638.850.000	-	(18.638.850.000)	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP (iii)	2.400.000.000	(79.823.424)	-	2.320.176.576
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (iv)	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Số dư cuối năm nay	240.037.080.000	9.638.186.120	196.091.218.928	445.766.485.048

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 51/2025/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 10 năm 2025 đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Tại ngày 12 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn thành phát hành 3.500.000 cổ phiếu, tương đương với 35.000.000.000 VND.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/2025/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 03 năm 2025, Công ty thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1 vốn điều lệ. Công ty hoàn thành chia cổ tức bằng cổ phiếu tại ngày 23 tháng 4 năm 2025.

(iii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2025/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2025 đã thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP2022. Tại ngày 22 tháng 01 năm 2025, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 240.000 cổ phiếu, tương đương với 2.400.000.000 VND.

(iv) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025, Công ty đã trích 600 triệu VND quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 12 tháng 11 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 240.037.080.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 183.998.230.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

12.12.2025

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Ylang Holdings	85.599.990.000	35,66	46.000.000.000	25,00
Công ty TNHH Soybean	37.823.500.000	15,76	34.385.000.000	18,69
Công ty TNHH Passion Fruit	16.088.270.000	6,70	14.625.700.000	7,95
Trịnh Ngọc Kim Thi	10.782.920.000	4,49	34.247.200.000	18,61
Các cổ đông khác	89.742.400.000	37,39	54.740.330.000	29,75
	240.037.080.000	100,00	183.998.230.000	100,00

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.003.708	18.399.823
Cổ phiếu phổ thông	24.003.708	18.399.823
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.003.708	18.399.823
Cổ phiếu phổ thông	24.003.708	18.399.823

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	269.827,00	177.561,55
Rúp Nga (RUB)	28.910,00	30.230,00
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	5.158,00	5.158,00
Đô la Úc (AUD)	617,59	547,93

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.684.998.813.384	1.217.274.786.440
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.304.204.014.060	951.748.602.183
Doanh thu bán hàng hóa	337.495.076.753	203.465.593.626
Doanh thu khác	43.299.722.571	62.060.590.631
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.025.907.005)	(48.586.421)
Chiết khấu thương mại	(119.807.005)	-
Hàng bán bị trả lại	(906.100.000)	(48.586.421)

	1.683.972.906.379	1.217.226.200.019
--	-------------------	-------------------

Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)

28.454.021.779 19.771.243.696

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	934.435.509.857	663.648.494.351
Giá vốn của hàng hóa đã bán	324.606.543.190	183.115.461.448
Giá vốn khác	30.245.441.150	57.318.044.521
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.268.936.955)	5.493.644.602
	1.287.018.557.242	909.575.644.922
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	270.092.275.244	193.381.193.990

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	635.684.721.114	551.252.818.875
Chi phí nhân công	160.085.469.778	134.312.774.823
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.567.869.822	33.570.357.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	183.922.570.084	151.562.017.601
Chi phí khác bằng tiền	78.431.149.229	85.995.379.185
	1.099.691.780.027	956.693.348.448

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.536.989.672	8.246.121.618
Lãi chênh lệch tỷ giá	16.780.144.224	15.509.851.217
	34.317.133.896	23.755.972.835
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	6.181.834.248	5.208.498.631

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	29.831.064.642	20.197.060.585
Lãi nợ thuê tài chính	899.309.557	949.009.128
Lỗ chênh lệch tỷ giá	18.142.254.938	14.819.691.810
	48.872.629.137	35.965.761.523

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí cước tàu, xếp dỡ	47.912.628.340	46.402.538.939
Chi phí nhân công	8.453.272.102	8.650.246.827
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.207.788.556	3.134.116.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.729.449.997	48.622.187.077
Khác	7.102.320.664	15.525.850.742
	134.405.459.661	122.334.940.215
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	54.234.811.319	51.953.740.573
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.791.657.412	1.986.381.918
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.483.248.144	811.792.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.752.315.039	16.802.427.217
Khác	21.180.666.239	14.361.468.364
	114.442.698.153	85.915.810.922

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	17.893.435.498	14.398.366.802
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	128.492.664	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.021.928.162	14.398.366.802

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	133.163.097.541	87.078.846.713
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời năm trước	(8.902.473.620)	(2.102.306.090)
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	9.505.241.029	4.681.184.008
Cộng: Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	377.514.538	-
Cộng: Các khoản chênh lệch tạm thời	6.406.847.852	6.011.882.975
Thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	140.550.227.340	95.669.671.304
Thu nhập tính thuế suất thông thường 20% (ii)	38.384.127.642	48.313.996.720
Thu nhập tính thuế suất ưu đãi 10% (i)	102.166.099.698	47.355.674.584
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	17.893.435.498	14.398.366.802

(i) Thu nhập được ưu đãi thuế là thu nhập phát sinh từ Dự án Đầu tư Nhà máy Bình Long. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập phát sinh từ Dự án Đầu tư Nhà máy Bình Long như sau:

- Áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động của dự án, thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế;

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 02 năm kể từ năm đầu tiên Dự án đầu tư có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 04 năm tiếp theo (hoặc từ năm thứ 04 phát sinh doanh thu nếu Công ty không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu). Năm 2021 là năm cuối cùng Công ty được hưởng miễn, giảm thuế. Năm 2025 Công ty chịu thuế suất 10%.

(ii) Thu nhập chịu thuế suất 20% là thu nhập phát sinh từ các hoạt động kinh doanh còn lại của Công ty.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	421.373.953	(633.366.777)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	421.373.953	(633.366.777)

35. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Ylang Holdings	Cổ đông lớn
Công ty TNHH B'Laofood	Công ty con
Công ty Cổ phần Ylang Agri	Công ty có cùng nhân sự chủ chốt
Công ty Cổ phần Ylang Consumer	Công ty con của Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng		
Công ty TNHH B'Laofood	28.452.994.001	19.757.299.252
Công ty Cổ phần Ylang Consumer	1.027.778	-
Công ty Cổ phần Ylang Agri	-	13.944.444
	28.454.021.779	19.771.243.696
Mua hàng		
Công ty TNHH B'Laofood	270.092.275.244	193.283.729.990
Công ty Cổ phần Ylang Agri	-	97.464.000
	270.092.275.244	193.381.193.990
Nhận góp vốn		
Công ty Cổ phần Ylang Holdings	45.150.000.000	-
	45.150.000.000	-
Cho vay		
Công ty TNHH B'Laofood	103.700.000.000	78.300.000.000
	103.700.000.000	78.300.000.000
Thu hồi gốc vay		
Công ty TNHH B'Laofood	32.200.000.000	55.600.000.000
	32.200.000.000	55.600.000.000
Lãi cho vay		
Công ty TNHH B'Laofood	6.181.834.248	5.208.498.631
	6.181.834.248	5.208.498.631

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Số dư chủ yếu với bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác		
Công ty TNHH B'Laofood	-	5.749.997.263
	-	5.749.997.263
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty TNHH B'Laofood (i)	146.300.000.000	74.800.000.000
	146.300.000.000	74.800.000.000

(i) Phản ánh khoản cho vay không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng Vay với Công ty TNHH B'Laofood - công ty con của Công ty, mục đích để đáp ứng nhu cầu vốn và phục vụ hoạt động chung của bên vay với lãi suất 6,3% - 7%/năm. Khoản vay có thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Gốc vay và lãi vay được thanh toán vào cuối thời hạn khoản vay.

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác, thù lao của Hội đồng Quản trị và thù lao Ban kiểm soát như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Hội đồng Quản trị (i)	460.572.922	237.846.154
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác (ii)	6.664.674.868	5.336.279.162
Thu nhập và thù lao Ban kiểm soát (iii)	223.846.155	120.000.000
	7.349.093.945	5.694.125.316

(i) Bao gồm thù lao của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, cụ thể như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao	460.572.922	237.846.154
Nguyễn Ngọc Bảo	108.323.077	33.846.154
Đình Hùng Dũng	93.138.462	60.000.000
Nguyễn Hoàng Minh	89.538.461	48.000.000
Lê Hải Linh	76.153.846	-
Nguyễn Đình Khương	49.753.846	-
Nguyễn Phước Hiếu	16.896.000	-
Bùi Ngọc Duy	13.384.615	48.000.000
Trương Văn Nhân	13.384.615	33.846.154
Nguyễn Đức Huỳnh Trang	-	14.153.846

(ii) Bao gồm tiền lương và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, cụ thể như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	6.664.674.868	5.336.279.162
Nguyễn Hoàng Minh	1.829.179.344	1.707.643.328
Bùi Anh Tuấn	1.337.525.748	1.239.599.756
Nguyễn Huy Cường	1.343.405.748	1.245.339.756
Đặng Hoàng Lộc Uyên	1.116.725.928	296.691.982
Trần Thụy Tố Trinh	1.037.838.100	847.004.340

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

(iii) Bao gồm thù lao của từng thành viên trong Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, cụ thể như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ban kiểm soát	223.846.155	120.000.000
Bùi Ngọc Duy	76.153.846	-
Hoàng Ngân Hà	13.384.615	48.000.000
Trần Văn Hợp	67.153.847	36.000.000
Phạm Thanh Quang	67.153.847	36.000.000

36. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết bảo lãnh**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã bảo lãnh hạn mức tín dụng của Công ty TNHH B'Laofood ("B'Laofood") - công ty con của Công ty tại Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Tiên Phong lần lượt là 100 tỷ VND, 35 tỷ VND và 100 tỷ VND.

Số dư theo Hợp đồng cấp tín dụng của B'Laofood được Công ty bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Tiên Phong lần lượt là 73.849.765.613 VND, 34.702.647.901 VND và 41.722.090.607 VND.

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 9.657.201.470 VND (2024: 12.989.765.771 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

38. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 03 năm 2026, Hội đồng quản trị phê duyệt việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần ANTAGRI với số vốn điều lệ là 10 tỷ VND, trong đó, tỉ lệ vốn góp của Công ty tương ứng với 65% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần ANTAGRI.

Võ Ngọc Thu Ngân
Người lập biểu

Trần Thụy Tố Trinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2026